ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VÕ NGỌC QUÂN

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VÕ NGỌC QUÂN

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

Chuyên ngành: **CNDVBC&CNDVLS**
Mã số: **9229001.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
2. PGS.TS. NGUYỄN QUANG HƯNG

Hà Nội – 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền và PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng. Các số liệu được nêu và sử dụng trong luận án là trung thực, đảm bảo tính khách quan và khoa học. Các tài liệu tham khảo dùng để thực hiện luận án có nguồn gốc và xuất sứ rõ ràng. Nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả

Võ Ngọc Quân

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, được sự giúp đỡ của nhà trường, phòng, ban, khoa Triết học, nay tôi đã hoàn thành chương trình học tập và luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý Thầy, Cô trong Ban Thường vụ Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, phòng Quản lý đào tạo sau đại học, khoa Triết học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi được học tập, thực hiện và hoàn thành Luận án Tiến sĩ triết học này.

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền và PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng, những người đã trực tiếp hướng dẫn tôi nghiên cứu và học tập, hoàn thành luận án Tiến sĩ này.

Tôi vô cùng biết ơn sự động viên, khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ của gia đình, bạn bè trong suốt quá trình học tập nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

Xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả

Võ Ngọc Quân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 3

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 8

1.1. Các công trình liên quan đến cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 8

1.2. Các công trình liên quan đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 14

1.3. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 27

1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu chính của các công trình được tổng quan và những vấn đề đặt ra cho luận án 33

CHƯƠNG 2. NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU 37

2.1. Bối cảnh nước Pháp cho sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 37

2.2. Tiền đề lý luận cho sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 46

2.3. J.J. Rousseau: cuộc đời và tác phẩm 61

CHƯƠNG 3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU 70

3.1. Quan niệm về con người - xuất phát điểm cho tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 71

3.2. Mục tiêu giáo dục trẻ em 79

3.3. Đối tượng và chủ thể giáo dục trẻ em 85

3.4. Nội dung giáo dục trẻ em 89

3.5. Phương pháp giáo dục trẻ em 105

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU VÀ MỘI SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY 122

4.1. Đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau 122
4.2. Một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay 130
KẾT LUẬN 151
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 154
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 155

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục được coi là một trong những vấn đề quốc gia đại sự, bởi nó ảnh hưởng, quyết định đến sinh mệnh dân tộc, đến sự văn minh, phồn thịnh hay nghèo nàn, lạc hậu của đất nước. Trong thời đại ngày nay, khi nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đã trở thành yếu tố hàng đầu thể hiện quyền lực và sức mạnh của một quốc gia thì hầu hết các nước trên thế giới đều ý thức được giáo dục không chỉ là phúc lợi xã hội mà còn là đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Muốn phát triển nhanh và bền vững thì các quốc gia phải quan tâm đến giáo dục, coi đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho sự phát triển. Đổi mới giáo dục ngày nay đã trở thành một yêu cầu cấp bách và là sự sống còn của mỗi quốc gia. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đang không ngừng cải cách, đổi mới giáo dục để thích ứng với xu thế phát triển mới mẻ và năng động của toàn nhân loại, đồng thời để tạo ra những nguồn lực mới phục vụ cho nhu cầu phát triển xã hội trong bối cảnh mới.

Trong những thập kỷ vừa qua, giáo dục Việt Nam đạt được những thành tựu không thể phủ nhận, đặc biệt nếu so sánh với xuất phát điểm của chúng ta, kể từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Tuy nhiên so với các nước khác trên thế giới, nền giáo dục Việt Nam hiện nay cũng đang bộc lộ nhiều vấn đề dù chúng ta đã thực hiện nhiều cuộc cải cách giáo dục. Giáo dục Việt Nam có một vị trí quá khiêm tốn về chất lượng đào tạo trong bảng xếp hạng quốc tế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế. Giáo dục Việt Nam hiện nay vẫn còn một số vấn đề như: nội dung học dàn trải, phương pháp học thụ động, quá trình giáo dục chưa thực sự đặt người học làm trung tâm, tình trạng bạo lực học đường, v.v... Đối với Việt Nam hiện nay, đổi mới giáo dục đang là vấn đề được toàn Đảng, toàn dân hết sức quan tâm, coi đó là chìa khóa để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trong

các văn kiện trình Đại hội XIII, Đảng Cộng Sản Việt Nam nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải "tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao" [12, tr.37].

Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay, một trong những vấn đề then chốt cần đặc biệt quan tâm chính là vấn đề triết lý giáo dục nền tảng. Để có một triết lý giáo dục phù hợp với tình hình đất nước cũng như theo kịp các nước có nền giáo dục phát triển, việc nghiên cứu tư tưởng của các nhà giáo dục lớn trên thế giới có ý nghĩa quan trọng. Thông qua việc nghiên cứu những quan niệm giáo dục tiến bộ và có ảnh hưởng lớn trên thế giới, chúng ta có thể học hỏi để tìm một triết lý giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam nhưng không tách rời xu thế chung của thời đại. trong tiến trình đó, hàng loạt những tác phẩm của các nhà giáo dục tiêu biểu trên thế giới cũng như những nghiên cứu về tư tưởng của họ được phổ biến rộng rãi hơn và trở thành nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với giáo dục Việt Nam.

Là một nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn của thế kỷ XVIII, J.J.Rousseau được biết đến như là một triết gia, nhà hoạt động tích cực trong trào lưu Khai sáng Pháp. Với quan niệm về con người và giáo dục, triết gia trở thành nhân tố tác động mạnh mẽ đến tư tưởng giáo dục của xã hội Pháp đương thời. Tư tưởng triết học giáo dục của ông trở thành một trong những phương tiện lý luận quan trọng với mong muốn cải biến xã hội hiện tồn thành xã hội tri thức có khả năng đưa loài người đạt tới xã hội thật sự nhân văn, thịnh vượng, hạnh phúc. Điểm độc đáo trong tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau so với các nhà triết học Khai sáng Pháp khác là coi trọng việc đào tạo con người thuận theo tự nhiên để giải phóng cá nhân ra khỏi xiềng xích của văn minh, những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật. Ông đề cao phương pháp giáo dục thực

hành trải nghiệm bằng cảm nhận trực tiếp, lấy người học làm trung tâm nhằm đảm bảo sự tôn trọng quyền tự do, bình đẳng và các giá trị cơ bản của người học. Tư tưởng của ông về tự do, bình đẳng của người học như là tuyên ngôn giải phóng trẻ em. Phạm vi ảnh hưởng tư tưởng triết học giáo dục của ông không dừng lại ở nước Pháp, châu Âu, mà còn phổ biến ở nhiều nước khác trên thế giới và có ý nghĩa trong việc luận giải các vấn đề giáo dục đương đại. Những kiến giải của J.J.Rousseau về quyền tự nhiên, tự do của người học có không ít điểm còn giá trị trong quá trình xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Từ trước đến nay, nghiên cứu về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau vẫn còn những khía cạnh cần đi sâu hơn nhất là về mục tiêu và phương pháp giáo dục. Theo chúng tôi, việc nghiên cứu tư tưởng giáo dục của triết gia trong bối cảnh hiện nay vừa phải vạch ra những hạn chế, những ảnh hưởng tiêu cực cần gạt bỏ vừa phải rút ra cho được ý nghĩa và bài học vận dụng đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta. Với lòng khâm phục nhà triết học Khai sáng Pháp có danh tiếng trên diễn đàn học thuật thế giới, với khát khao muốn tìm hiểu cho rõ ngọn ngành những giá trị và hạn chế trong di sản của triết gia, tác giả quyết định chọn ***"Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau"*** làm đề tài luận án Tiến sĩ triết học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- *Mục đích nghiên cứu của luận án:* Phân tích, làm rõ một cách hệ thống những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục đối với trẻ em của J.J.Rousseau, từ đó đưa ra đánh giá những đóng góp, hạn chế và một số gợi mở đối với giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

- Nhằm đạt được mục đích trên*, Luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:*

+ *Thứ nhất*, phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

+ *Thứ hai*, trình bày bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo nước Pháp thế kỷ XVIII và tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

+ *Thứ ba*, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục đối với trẻ em của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục.

+ *Thứ tư*, đánh giá về những đóng góp, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và chỉ ra một số gợi mở đối với giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

- *Cơ sở lý luận của luận án:* Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và giáo dục; các văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới giáo dục. Ngoài ra, luận án còn kế thừa những công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực triết học và các khoa học lân cận như: giáo dục học, tâm lý học, xã hội học, văn học, v.v… có liên quan đến đề tài luận án.

- *Phương pháp nghiên cứu của luận án:* Luận án sử dụng các phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: phương pháp nghiên cứu văn bản; phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống nhất logic - lịch sử; phương pháp đối chiếu, so sánh v.v…

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án:* Luận án tập trung vào những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục đối với trẻ em của J.J.Rousseau.

- *Phạm vi nghiên cứu của luận án:* Luận án tập trung khảo cứu, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục đối với trẻ em của J.J.Rousseau chủ yếu trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* và một số tác

phẩm khác như: *Julie hay nàng Heloise mới*, *Bàn về khế ước xã hội, Những lời bộc bạch.*

5. Đóng góp mới của luận án

- Làm rõ sự tác động của bối cảnh cũng như những ảnh hưởng của tiền đề lý luận đến sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

- Hệ thống hoá và phân tích, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

- Đánh giá những đóng góp, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, từ đó chỉ ra giá trị tham khảo đối với sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa của luận án

- *Ý nghĩa lý luận của luận án*: Luận án góp phần nhận thức sâu sắc thêm tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, trên cơ sở đó, giúp người nghiên cứu và học tập có những đánh giá xác thực hơn về công lao của J.J.Rousseau đối với lịch sử tư tưởng giáo dục nhân loại.

- *Ý nghĩa thực tiễn của luận án*: Luận án góp phần làm phong phú thêm khối lượng những công trình nghiên cứu về tư tưởng triết học của J.J.Rousseau nói chung và tư tưởng giáo dục của ông nói riêng. Đồng thời, luận án có thể được dùng như một tài liệu tham khảo trong việc học tập và nghiên cứu triết học Khai sáng Pháp, cũng như khi nghiên cứu về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 14 tiết.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình liên quan đến cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Mọi tư tưởng triết học đều liên hệ mật thiết với những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa của thời đại mà nó nảy sinh và phát triển. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau cũng không ngoại lệ; nó chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của nước Pháp nói riêng và xã hội phương Tây nói chung thế kỷ XVIII. Nghiên cứu tư tưởng triết học của J.J.Rousseau, các tác giả đều ít nhiều đề cập đến những điều kiện, tiền đề cơ bản dẫn đến sự ra đời tư tưởng của ông.

1.1.1. Các công trình liên quan đến cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở trong nước

Đầu tiên phải kể đến cuốn *Jean Jacques Rousseau* [77] của tác giả Phùng Văn Tửu (1978) đã đi sâu phân tích cuộc đời, con người và tác phẩm của J.J.Rousseau, từ nỗi bất hạnh đầu tiên ở thời thơ ấu, từ cuộc sống lao động vất vả, tha hương cầu thực cho bản thân và gia đình đến những bước ngoặt trong sự nghiệp sáng tạo của triết gia. Đặc biệt, sau khi xuất bản hai cuốn sách*: Émile hay là về giáo dục* [53] và *Bàn về khế ước xã hội* [52], vì không tán đồng quan niệm về "tội tổ tông" do chủ trương con người "tính bản thiện", sách bị cấm và lệnh truy nã triết gia được ban hành. Ông phải trốn chạy sang Thụy sĩ, ba năm sau lại bị trục xuất và rút về ẩn cư nơi một đảo nhỏ. Chính những trải nghiệm cuộc sống khiến ông gần gũi và cảm thông với những người nghèo khó. Đây là một trong những điều kiện cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của nhà tư tưởng.

Hà Nhật Thăng và Đào Thanh Âm (1998) trong cuốn *Lịch sử giáo dục thế giới* [66] đã khái lược bối cảnh ra đời cũng như tư tưởng giáo dục của các triết gia từ thời cổ đại đến hiện đại. Qua phân tích, các tác giả cũng đã

khái quát những khía cạnh chính về điều kiện kinh tế, xã hội, đặc biệt là đã phân tích tư tưởng giáo dục trước J.J.Rousseau. Qua đó, người đọc có cái nhìn đa chiều về việc nghiên cứu triết học giáo dục trong lịch sử, những điểm giống và khác nhau trong quan điểm giáo dục của J.J.Rousseau với các nhà tư tưởng trước đó. Về cơ bản, tác giả đã trình bày xen kẽ các điều kiện và tiền đề, nền tảng triết học cơ bản trong việc hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Cuốn *Lịch sử thế giới*, tập 3 [34] của Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang (2012) đã khái quát điều kiện chính trị, văn hoá, xã hội Pháp thế kỷ XVIII. Văn hoá Pháp đã có sự biến đổi về phong tục, thói quen trong cuộc sống và thị hiếu thưởng thức cái đẹp một cách rõ rệt, người ta đua nhau thay đổi kiến trúc. Thời điểm này, khoa học phát triển mạnh, trong đó, vật lý học tiến bộ hơn cả. Người Pháp còn đem những thành tựu của khoa học áp dụng thiết thực vào trong đời sống xã hội. Một xã hội mới ở Pháp đã trưởng thành và đi đầu chính là cuộc cách mạng về tư tưởng. Các tác giả cho rằng, các nhà tư tưởng ở châu Âu thế kỷ XVIII chia thành hai nhóm: nhóm triết gia và nhóm kinh tế gia. Đối với nhóm triết gia, mục đích của đời người là mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại, nhờ tự do bình đẳng đánh đổ áp bức, cải cách chế độ cai trị. Các nhà tư tưởng đều đưa ra tư tưởng mới để cải cách xã hội, một trong phương pháp hiểu quả là thông qua giáo dục.

Bên cạnh những công trình chuyên khảo bàn về điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo, còn có những công trình chuyên khảo bàn về tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học Khai sáng Pháp. Trong công trình *106 nhà thông thái* [62] của tác giả Taranốp.P.S (2012), với hơn 700 trang sách trình bày cuộc đời, số phận, học thuyết của các nhà tư tưởng trong lịch sử, trong đó có các nhà triết học Khai sáng Pháp. Tác giả đã chú ý tuyển chọn, giới thiệu và bình chú tư tưởng của họ về vai trò của triết học Khai sáng pháp và sự phê phán một số quan niệm triết học lạc hậu truyền thống. Đặc biệt, tác giả đã lược khảo vắn tắt những nét chính về cuộc đời, các sự

kiện trong cuộc sống làm nên số phận, tạo nên tính cách của J.J.Rousseau, những lý thuyết khoa học và tư tưởng đặc trưng của ông qua những đoạn trích dẫn, những câu châm ngôn, lời khuyên, lời cảnh tỉnh, các nhận xét, quan điểm. Theo đó, tư tưởng của J.J.Rousseau là một trong những tư tưởng căn bản trong trào lưu triết học Khai sáng Pháp, để lại nhiều giá trị đối với tư tưởng của nhân loại.

Vũ Dương Ninh (chủ biên), (2013) trong chương 7 của cuốn *Lịch sử văn minh thế giới* [49] đã phân tích những điều kiện và tiền đề hình thành nền văn minh công nghiệp ở Tây Âu. Về mặt thực tiễn, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cho sự xuất hiện những chuyển biến cách mạng trong giai đoạn này được chuẩn bị từ thời Phục Hưng. Sự phát triển của khoa học là một trong những điều kiện quan trọng dẫn đến các cuộc cách mạng ở châu Âu, trong đó có cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789). Lịch sử Pháp đã bước sang một giai đoạn văn minh mới, nền công nghiệp đã có điều kiện phát triển mạnh mẽ sau thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản Pháp. J.J.Rousseau được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước Pháp có nhiều biến động về mặt kinh tế, xã hội nên môi trường, hoàn cảnh cuộc sống đã ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng khai sáng của ông.

Bài viết *Rousseau: đa tài, đa nạn, đa đoan* [57] Bùi Văn Nam Sơn (2013) đã tóm lược cuộc đời của J.J.Rousseau ngay từ nhỏ đã gặp nhiều bất hạnh. Nhà tư tưởng phải trải qua một tuổi trẻ phiêu bạt mà những phút giây yên ổn, hạnh phúc là ngoại lệ và đủ thứ việc (khoa học, xã hội, nghệ thuật), nhưng chủ yếu bằng nghề chép nhạc. Ông cũng có quan hệ với một số phụ nữ, cha của năm người con nhưng đều gửi hết vào trại mồ côi. Việc làm này gây tổn hại lớn đến thanh danh "nhà giáo dục" của ông, nhất là từ sự công kích của Voltaire. J.J.Rousseau tỏ ra rất đau khổ và nhiều lần biện bạch: cuộc sống quá bấp bênh, không có lối thoát, khó có điều kiện nuôi dạy con cái đàng hoàng. Nhà tư tưởng từng phải trốn lệnh truy nã vì xuất bản một số cuốn sách đi ngược với tinh thần của chế độ lúc bấy giờ. Tuy nhiên, chính

cuộc đời đầy sóng gió đã giúp cho triết gia có cái nhìn sâu sắc về các vấn đề trong cuộc sống để giúp ông có nhiều sáng tạo trong sự nghiệp của mình.

Lê Tuấn Huy (2015), trong luận án tiến sĩ *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* [26] đã phân tích về điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá ở nước Pháp thế kỷ XVIII. Đây là những điều kiện khách quan cho sự ra đời triết học Khai sáng Pháp, trong đó có triết học giáo dục. Về cơ bản, con người có quyền được tự do, bình đẳng và là một trong những vấn đề nổi bật của các nhà Khai sáng Pháp. Theo J.J.Rousseau, tự do cá nhân là quyền thiêng liêng, cao quý nhất, là cơ sở cho các quyền khác và quyền tự do luôn gắn liền với quyền bình đẳng. Bình đẳng chính là sự thừa nhận về nguyên tắc mỗi người xứng đáng được hưởng những gì thuộc về họ. Bình đẳng và tự do vừa là khát vọng mà con người hướng tới, đồng thời là thước đo phẩm giá con người. Hơn nữa, trong công trình này, Lê Tuấn Huy chỉ ra một số điểm tương đồng và sự kế thừa lẫn nhau trong quan điểm về quyền tự nhiên con người của Montesquier, J.J.Rousseau, Voltaire, v.v... Điều này thể hiện, tư tưởng về con người của J.J.Rousseau không chỉ là sự sáng tạo của ông mà còn là sự kế thừa giữa các quan điểm về con người của các nhà tư tưởng trong triết học Khai sáng Pháp.

1.1.2. Các công trình liên quan đến cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở nước ngoài

J.J.Rousseau là nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn ở thế kỷ XVIII và sau này. Trong suốt cuộc đời, ông dành hầu hết thời gian để nghiên cứu các tác phẩm bênh vực quyền tự nhiên, tự do của con người. Bên cạnh đó, cuộc đời với nhiều biến cố của một con người đầy nhiệt huyết như J.J.Rousseau cũng thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Do vậy, những nghiên cứu về cuộc đời và tư tưởng của ông trên thế giới khá nhiều nhưng cơ sở hình thành tư

tưởng của ông chỉ được bàn xen kẽ trong những công trình đó. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như sau:

Cuốn *Đại cách mạng Pháp: 1789 – 1793* (Great French Revolution: 1789 - 1793) [96] của tác giả Kropotkin.P.A (1893) đã phân tích bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội nước Pháp trước cách mạng năm 1789. Tác giả cho rằng, những nguyên nhân chủ yếu làm cho cách mạng không tránh khỏi là mâu thuẫn sâu sắc giữa chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản đã hình thành trong lòng chế độ ấy. Quan hệ mâu thuẫn giai cấp, mẫu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp có đặc quyền, đã tạo thành yếu tố quyết định trong cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến. Tác giả cuốn sách còn tập trung vào sự chuẩn bị tư tưởng cho sự ra đời của thế kỷ Ánh sáng với các nhà tư tưởng Pháp như: Montesquieu, Voltair, Diderot và các nhà tham gia biên soạn Bách khoa toàn thư khác.

Blanning.T (2000) trong cuốn *Châu Âu thế kỷ XVIII: 1688 – 1815* (The eighteenth century Europe: 1688 – 1815) [83] đã phân tích điều kiện kinh tế, chính trị Châu Âu với những biến đổi mạnh mẽ của chế độ quân chủ đã đạt đến đỉnh cao trong thế kỷ XVII và thời cai trị của Louis XIV. Quyền lực của các lãnh chúa phong kiến bị chuyển cho các triều thần tại Cung điện Versailles, do đó quyền lực cá nhân của Louis XIV trở nên không bị thách thức. Ông tiến hành nhiều cuộc chiến, biến Pháp trở thành cường quốc hàng đầu châu Âu. Pháp trở thành quốc gia đông dân nhất tại châu Âu và có ảnh hưởng to lớn đến chính trị, kinh tế và văn hoá của châu lục này. Cuốn sách cũng phân tích Pháp trở thành ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất trong ngoại giao, khoa học, văn học và các vấn đề quốc tế, tình trạng này được duy trì cho đến thế kỷ XX. Pháp giành được nhiều thuộc địa hải ngoại tại châu Mỹ, châu Phi và châu Á.

Cuốn *Điều kiện kinh tế và xã hội nước Pháp thế kỷ XVIII* (Economic and social conditions in France during the eighteenth century) [108] của tác giả See.H (2004) đã phân tích sự phát triển của sản xuất công nghiệp và

thương mại ở Pháp thế kỷ XVIII. Thế kỷ này, Pháp ứng dụng khoa học vào công nghiệp như: sự thành công của hơi nước, sau đó là điện và cuộc cách mạng do các phương tiện giao thông mới (đường sắt và tàu hơi nước) có xu hướng để vượt qua những cách thức và phương tiện lạc hậu và biến đổi mọi điều kiện của cuộc sống vật chất. Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong xã hội, điển hình là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với tầng lớp quý tộc và mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân. Những mâu thuẫn này là một trong những nguyên nhân của cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789.

Taylor.B (2005) trong cuốn *Từ điển bách khoa về tôn giáo và tự nhiên* (Encyclopedia of religion and nature) [113] đã khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của các nhà Khai sáng Pháp, trong đó có J.J.Rousseau. Tác giả đã phân tích vai trò của triết gia trong phong trào Khai sáng và trong văn hóa Pháp thời cận đại. Bài viết đã nhấn mạnh đến sự kiện có ý nghĩa quan trọng là việc J.J.Rousseau đoạt giải thưởng trong cuộc thi viết luận văn đã đưa ông từ một người bình thường trở thành người nổi tiếng, song đồng thời cũng từ đó mà gây nên sóng gió trong quãng đời tiếp theo vì tư tưởng cấp tiến của ông so với xã hội đương thời. Nhà tư tưởng bị chính quyền ra lệnh truy nã và phải sống cuộc sống lưu vong. Trong thời gian đó, ông đã trải qua nhiều biến cố cuộc sống và chứng kiến nhiều những bất công trong xã hội. Hiện thực của cuộc sống đã tôi luyện cho nhà tư tưởng ý chí và trách nhiệm để xây dựng lên học thuyết triết học nói chung và quan điểm giáo dục nói riêng nhằm cải cách xã hội.

Cuốn *Rousseau và cách mạng Pháp* (Rousseau and the French revolution) [99] của tác giả Lincoln (2022) đã chỉ ra những nguyên nhân dẫn tới cuộc đại cách mạng tư sản Pháp. Bối cảnh nước Pháp đã thôi thúc J.J.Rousseau hoạt động khoa học và đóng góp đối với sự thành công của cuộc cách mạng này. Các tác phẩm của ông đã ảnh hưởng lớn đến nhân dân Pháp và đã kêu gọi mọi người trở về với tự nhiên. Triết gia chủ trương nêu

cao tinh thần tập quyền, tất cả quyền lực nhà nước nằm trong tay cơ quan quyền lực tối cao tức toàn thể công dân trong xã hội. Lincoln cho rằng, để cải cách xã hội, J.J.Rousseau đã phân chia quyền lực nhà nước thành quyền lập pháp và quyền hành pháp, giao chúng vào tay cơ quan quyền lực tối cao và chính phủ là cách thức hợp lý duy nhất để đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả cho nhà nước, cũng như ngăn chặn được xu hướng lạm quyền. Với những quan điểm mới về nhà nước, triết gia đã góp phần lý luận vào công cuộc cải cách của cuộc cách mạng tư sản Pháp.

Gill.N (2013) trong cuốn sách *Triết học giáo dục trong triết học Khai sáng Pháp* (Educational philosophy in the French Enlightenment) [90] cho rằng, giáo dục là một trong những vấn đề cơ bản trong triết học Khai sáng Pháp và chỉ ra những nguyên nhân ra đời triết học và triết học giáo dục Khai sáng. Tác giả nêu rõ triết học Khai sáng, trong đó có giáo dục Khai sáng ra đời trong bối cảnh nào và tư tưởng giáo dục ảnh hưởng sâu sắc bởi các tư tưởng triết học, đặc biệt là quyền con người. Những tiền đề tư tưởng trong chính triết học Khai sáng Pháp có ảnh hưởng sâu đậm và là cơ sở quan trọng tạo nên tinh thần trong triết học giáo dục thời kỳ này.

Các công trình nghiên cứu trên đây mô tả khá chi tiết về cuộc đời và sự nghiệp của J.J.Rousseau. Hầu hết các công trình đều nói đến bối cảnh nước Pháp thế kỷ XVIII và vai trò của trào lưu Khai sáng cũng như những ảnh hưởng của tư tưởng truyền thống Pháp đối với với việc hình thành tư tưởng triết học nói chung và tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói riêng. Các tác giả đều cho rằng tư tưởng của triết gia chịu ảnh hưởng không nhỏ từ quan điểm tự do, bình đẳng. Điều này được minh chứng rõ nét trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của ông.

1.2. Các công trình liên quan đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

1.2.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan gián tiếp đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Tư tưởng về chính trị, xã hội là một trong những tư tưởng nổi bật của J.J.Rousseau, có ý nghĩa lớn lao đối với cách mạng tư sản Pháp cũng như nước Pháp sau này. Việc tổng quan một số công trình liên quan đến tư tưởng chính trị, xã hội của ông, đặc biệt các tư tưởng về ý chí chung, chủ quyền tối cao và quyền tự nhiên, tự do, bình đẳng của con người vốn được xem như là một trong những nhân tố quan trọng hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của ông. Bởi vì, con người sinh ra có quyền tự do, bình đẳng và giáo dục là vì con người, nên giáo dục phải được được xuất phát từ chính những tư tưởng về tự do và bình đẳng đó. Dưới đây là một số công trình tiêu biểu đã nghiên cứu về chủ đề này.

Cuốn *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới* [64] là công trình do nhiều học giả nổi tiếng của Liên Bang Nga biên soạn được đông đảo độc giả trong và ngoài nước đánh giá cao, đã được dịch sang tiếng Việt bởi dịch giả Lưu Kiếm Thanh và Phạm Hồng Thái (2001). Đây là cuốn sách đã giới thiệu khái quát lịch sử và nội dung cơ bản nhất các học thuyết chính trị của nhân loại từ cổ đại đến hiện đại, trong đó tư tưởng chính trị của J.J.Rousseau cũng đã được nêu lên một cách khái quát. Ngoài ra, có cuốn *Đại cương lịch sử triết học phương Tây* [24] của tác giả Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh (2006), đã trình bày một cách vắn tắt về cuộc đời, sự nghiệp và học thuyết chính trị của J.J.Rousseau.

Bài viết *Jacques Rousseau (1712 - 1778) - Nhà triết học Khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh* [32] của Nguyễn Thị Bích Lệ (2008) đã phân tích quan điểm của J.J.Rousseau về nguồn gốc của sự bất bình đẳng trong xã hội là ở chế độ tư hữu tài sản. Với khẳng định này, J.J.Rousseau kịch liệt phản đối chế độ tư hữu tài sản và lên án mạnh mẽ những kẻ quyền thế đã ra sức bênh vực và biện minh cho sự bất bình đẳng

đó. Theo ông, bất bình đẳng không phải là một quy luật tự nhiên, mà là sản phẩm của xã hội loài người đã tồn tại và phát triển từ khi xuất hiện chế độ tư hữu tài sản; con người đã tạo ra sự bất bình đẳng thì con người cũng có thể xóa bỏ nó. Triết gia cũng đã phân biệt rõ hai loại bất bình đẳng giữa người với người: 1, bất bình đẳng tự nhiên như người cao, kẻ thấp; người thông minh, kẻ đần độn và bất bình đẳng xã hội; 2, bất bình đẳng do cơ chế xã hội tạo nên, như kẻ giàu, người nghèo, đây cũng chính là động lực để nhà tư tưởng đưa ra quan điểm mới của mình về tự do, bình đẳng của công dân.

Dương Thị Ngọc Dung (2009) trong Luận án tiến sĩ *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa lịch sử của nó* [8] đã khái lược về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của triết học chính trị J.J.Rousseau. Tác giả đi sâu phân tích chương 2 với hai nội dung cơ bản của triết học chính trị J.J.Rousseau bao gồm: Thứ nhất, phê phán bất bình đẳng và tha hoá con người, điểm khởi đầu của triết học chính trị của ông. Thứ hai, triết học chính trị của nhà tư tưởng trong *Bàn về khế ước xã hội* và *Émile hay là về giáo dục.* Tác giả đã khái lược chủ đề thống nhất quyền lực và những ý tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ngoài ra, tác giả đã đề xuất kiến tạo mẫu người lý tưởng, tự do, bình đẳng cho xã hội dân chủ. Đây là nền tảng triết học chính trị, con người quan trọng trong hệ thống triết học của J.J.Rousseau, và cũng là một trong những cơ sở hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của ông.

Luận án tiến sĩ *Triết học chính trị Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* [37] của Nguyễn Thị Châu Loan (2014) đã phân tích một cách có hệ thống những tư tưởng cơ bản của triết học chính trị J.J.Rousseau, đặc biệt thông qua các văn bản không chỉ trong tác phẩm của ông đã dịch ra tiếng Việt như *Bàn về khế ước xã hội*, mà còn trong các tác phẩm khác chưa được dịch ra tiếng Việt

như *Luận về sự bất bình đẳng*, *Luận về khoa học và nghệ thuật*, *Về kinh tế chính trị.* Luận án phân tích và hệ thống hóa các tư tưởng triết học chính trị J.J.Rousseau ở cả hai phương diện: (1) Những tư tưởng nền tảng không thể thiếu của nhà nước pháp quyền như về bất bình đẳng xã hội, về con người và các quyền tự nhiên của con người, về ý chí chung, chủ quyền tối cao, khế ước xã hội; (2) Tư tưởng về nhà nước pháp quyền với tính cách là thiết chế thực hiện các quyền tự nhiên của con người, trong đó có tư tưởng về phương thức tổ chức và phân chia các quyền lực nhà nước và tư tưởng về sự phân định và kiểm soát các quyền lực nhà nước.

Nguyễn Thị Thanh Huyền (2014), trong bài viết *Tư tưởng của J.J.Rousseau về quyền con người* [27] đã phân tích quan niệm của J.J.Rousseau về những quyền cơ bản của con người như: quyền sống, quyền tự do, bình đẳng, quyền sở hữu và quyền được giáo dục. Để bảo vệ, phát huy quyền con người, J.J.Rousseau chủ trương thực hiện phương án khế ước xã hội nhằm hướng đến xây dựng một xã hội mà chủ quyền tối cao thuộc về toàn dân. Ông tán thành hình thức dân chủ trực tiếp, coi đó là phương thức để toàn dân thực hiện sự tự do về ý chí của mình. Đặc biệt, tác giả bài viết còn nhấn mạnh đến quyền được giáo dục của con người và có liên hệ trực tiếp đến quyền dân chủ, quyền tự do. Nhìn chung, tư tưởng của J.J.Rousseau về quyền con người phản ánh yêu cầu đấu tranh của giai cấp tư sản và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến Pháp.

Bài viết *Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau* [25] của Đỗ Minh Hợp (2017) đã giới thiệu lập trường phản Khai sáng của J.J.Rousseau nhằm cảnh tỉnh những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật có thể xảy ra trong bối cảnh đời sống xã hội hiện nay. "Bản thân khai sáng cũng ẩn chứa những mặt trái, những hệ quả tiêu cực xét từ góc độ văn hoá" [25, tr.63]. Triết gia với tư cách đại diện tiêu biểu của thời đại Khai sáng, đã đưa ra sự luận giải sâu sắc về phương diện này của Khai sáng, đồng thời chỉ ra lối thoát khỏi nghịch lý ấy. Tác giả cũng chỉ ra, sự phát triển của khoa học công

nghệ, có khuynh hướng tách rời con người ra khỏi trạng thái tự nhiên, một mặt khoa học giúp nâng cao đời sống của con người, mặt khác cũng đem lại những khổ đau, bất hạnh cho họ. Chỉ một lối thoát khỏi những tai hoạ, đau khổ của con người, đó là quay về trạng thái tự nhiên nhưng ở mức độ cao hơn. J.J.Rousseau cho rằng, để thực hiện hoá điều này cần thông qua giáo dục, con người cần được giáo dục trong nội tại của tự nhiên để bảo tồn cái thiên chân trong mỗi con người.

Ngoài ra, một số công trình bằng tiếng Anh đã nghiên cứu về tư tưởng chính trị - xã hội của J.J.Rousseau như trong tác phẩm *Triết học chính trị Rousseau* (Rousseau's Political Philosophy) [87] của Ellenburg.S (1976). Tác giả tập trung khai thác các khía cạnh đặc thù của triết học chính trị - xã hội J.J.Rousseau liên quan đến quan niệm của ông về con người (trong đó có truyền thống tự do kế thừa từ Locke, mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội, cái tôi, tự do, bình đẳng chính trị, tự do tuyệt đối, v.v...), đến sự thống nhất và kỷ cương của cuộc sống cộng đồng (như sự chân thành, lòng tốt tự nhiên, phẩm hạnh công dân, sự giản dị, v.v...) và đến quan niệm của ông về công dân trong một nền cộng hoà thực.

Qvortrup.M (2003) trong tác phẩm *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau. Tính bất khả của lý tính* (The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Imposibility of reason) [106] lại tập trung vào tính không thể trên thực tế của nền dân chủ trực tiếp như theo chủ trương của J.J.Rousseau. Sau khi xem xét cuộc đời, sự nghiệp và thời đại của triết gia, sự thức tỉnh mang tính chất cách mạng của ông với tư cách là người cha tinh thần của đại cách mạng tư sản Pháp, tác giả phân tích sự gắn kết ở J.J.Rousseau giữa tâm hồn cổ đại và tư tưởng hiện đại, quan niệm của ông về tôn giáo, tín ngưỡng của công dân, đặc biệt tư tưởng sâu sắc của ông về quyền tự do, bình đẳng của con người.

Như vậy, thông qua các công trình nghiên cứu của các tác giả, trong suốt những năm qua, nhiều nội dung trong tư tưởng chính trị, xã hội của J.J.Rousseau đã được trình bày và phân tích, đánh giá. Trong những nội dung đó, có những nội dung đã được làm rõ, nhưng cũng còn nhiều điều trong triết học của ông cần được tranh luận ở góc độ thế giới quan, phương pháp luận. Hơn nữa, một số điểm trong cách tiếp cận vẫn còn mang tính chủ quan. Vì vậy, việc giới thiệu, phân tích, đánh giá một cách xác đáng những vấn đề đặt ra từ tư tưởng triết học của J.J.Rousseau trong một thế giới mở như hiện nay là cần thiết. Đó cũng chính là một trong những cơ sở cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của ông.

1.2.2. Các công trình liên quan trực tiếp đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

1.2.2.1. Các công trình liên quan đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở trong nước

Khi bàn về giáo dục, J.J.Rousseau đã đưa ra nhiều tư tưởng hết sức táo bạo so với thời đại của ông và có những tư tưởng vẫn còn sức sống trong thời đại ngày nay. Ngay từ năm 1789, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau được phản ánh trong các đề án cải cách giáo dục quốc dân của Pháp và có ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng - sư phạm sau này, như J.H.Pestalozzi (Ý), Friedrich Froebell (Tiệp Khắc), John Dewey (Mỹ), v.v... Hiện nay, ở Nhật Bản vẫn yêu cầu tất cả các giáo viên mầm non phải đọc *Émile hay là về giáo dục* trước khi bước vào nghề. Ở Việt Nam, tư tưởng của J.J.Rousseau nói chung và tư tưởng giáo dục của ông nói riêng đã được luận bàn cách ngày nay vài chục năm. Trong những thập niên gần đây, đã có tương đối các công trình xem xét, nghiên cứu, phân tích tư tưởng triết học giáo dục của ông.

Thái Duy Tuyên (2007) trong cuốn *Triết học giáo dục Việt Nam* [74] đã trình bày hết sức tóm tắt quan điểm về giáo dục của J.J.Rousseau trong tác

phẩm *Émily hay là về giáo dục* với các nội dung: đối tượng, mục tiêu, phương pháp giáo dục. Đây chỉ là một tiết trong chương 2: Triết học giáo dục Đông – Tây của cuốn sách còn nội dung chủ yếu là quan niệm về Triết học giáo dục Việt Nam và một số vấn đề cấp thiết của giáo dục Việt Nam hiện nay. Vì vậy, nội dung triết lý giáo dục của J.J.Rousseau trong tác phẩm này chưa được tác giả bàn đến một cách cụ thể.

Bài viết *Giáo dục châu Âu trong mối quan hệ với triết học* [22] của Trần Thị Phương Hoa (2010) đã giới thiệu khái quát tư tưởng của một số triết gia đại diện ở châu Âu, từ thời cổ đại đến hiện đại, tác giả đã trình bày quan điểm của J.J.Rousseau về giáo dục. Ông đã đưa ra quan điểm khác với các nhà tư tưởng giáo dục trước đó là lấy trẻ em làm đối tượng cho triết lý giáo dục của mình, làm tâm điểm cho quá trình giáo dục. Đặc biệt, tác giả đã phân tích quan niệm của triết gia về mục tiêu giáo dục hướng con người tới sự phát triển tự nhiên chứ không phải giáo dục để con người thực hiện một chức năng nhất định nào đó trong xã hội. Nếu một cá nhân được đào tạo cho vị trí của anh ta mà ra khỏi vị trí ấy, anh ta không còn thích hợp với những việc khác. Như vậy, J.J.Rousseau đã chuyển mục tiêu giáo dục trẻ em thành một công dân thực hiện những nghĩa vụ nhất định trong xã hội sang định hướng để trẻ em phát triển tự nhiên, biết tự phòng vệ và hội nhập vào bối cảnh tự nhiên của xã hội.

Bùi Minh Hiền (2013) trong cuốn *Lịch sử giáo dục thế giới* [21] đã khái lược những vấn đề chung của lịch sử giáo dục thế giới. Từ những đặc điểm phát triển thực tiễn và lý luận giáo dục qua các thời kỳ phát triển đến các tư tưởng giáo dục vĩ đại của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử, trong đó có triết lý giáo dục của J.J.Rousseau trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*. Khi nghiên cứu tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*, tác giả đã trình bày hai vấn đề là quan điểm giáo dục và mục đích giáo dục. Quan điểm giáo dục trình bày sự phê phán của J.J.Rousseau đối với hạn chế của nền giáo dục cổ

truyền và đặt ra yêu cầu cần phải tìm kiếm con đường giáo dục mới: một chương trình giáo dục toàn diện. Giáo dục bao gồm những nội dung cơ bản là: giáo dục nhằm tạo ra những con người tự do; cha mẹ cần có phương pháp dạy để giải phóng mọi xiềng xích cho trẻ; giáo dục trẻ là một quá phát triển tự nhiên. Vì vậy, nhà giáo phải tìm hiểu và tôn trọng khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Về phương pháp giáo dục, hãy để trẻ học bằng kinh nghiệm; dạy học phải đảm bảo tính giáo dục; dạy học được hướng dẫn bằng hứng thú; kiến thức phải dựa vào sự tự mình khám phá. Tuy nhiên, tác giả Bùi Minh Hiền trình bày các nội dung chỉ dưới dạng nguyên tắc cụ thể trong hoạt động giáo dục mà chưa được triển khai dưới dạng các triết lý khái quát.

Bài viết *Rousseau – giáo dục tự nhiên là gì* [59] của Bùi Văn Nam Sơn (2014) đã phân tích cậu bé Émile rời cha mẹ và nhà trường, cô lập với xã hội, trao vào tay một người thầy để được sống theo tự nhiên. Trước khi làm quen với kịch bản giả tưởng này, tác giả làm rõ ba ý nghĩa của từ "tự nhiên" khá mơ hồ nơi J.J.Rousseau và quyển *Émile hay là về giáo dục*, nghĩa xã hội là nghĩa cơ bản nhất. Giáo dục không dựa trên quy ước cố hữu của xã hội vốn đi ngược lại với tuổi thơ mà nhận thức sâu sắc bản tính đích thực của con người. Cũng như trong xã hội, giáo dục cũng tuân theo cùng những quy luật về bản tính tự nhiên cần được khảo cứu và phát hiện một cách có hệ thống. Theo nghĩa tâm lý học, giáo dục là phán đoán, xúc cảm, bản năng tự nhiên là cơ sở đáng tin cậy hơn cho hành động so với suy nghĩ hay kinh nghiệm với người khác. Theo nghĩa thể chất, giáo dục nhân tạo từ con người như trước nay cần được cân đối lại bằng sự tiếp xúc, gần gũi, thân mật, không sợ hãi với các loài động vật, thực vật, cũng như với những mãnh lực và những kỳ quan thiên nhiên phong phú. Tác giả cho rằng, J.J.Rousseau là người có tình yêu thiên nhiên vô hạn và qua quan niệm giáo dục của ông, khởi đầu cả một trào lưu yêu thích và gắn bó với thiên nhiên trong nhiều

cung bậc của đời sống, nhất là trong văn chương, nghệ thuật Tây phương từ thế kỷ XVIII.

Nguyễn Đình Tường, Lê Văn Tùng (2016) trong bài viết *Vấn đề giáo dục đạo đức qua một số lý thuyết giáo dục phương Tây* [76] đã trình bày các khuynh hướng giáo dục của các nhà tư tưởng tiêu biểu trên thế giới. Thời cổ đại, quan niệm giáo dục đạo đức của Plato trong tác phẩm *Cộng hoà* theo đường lối triết học duy tâm. Đến thời kỳ Khai sáng Pháp, quan niệm giáo dục đạo đức của triết gia tiêu biểu là J.J.Rousseau được thể hiện trong tác phẩm *Emily hay là về giáo dục*. Tác giả cho rằng, giáo dục của J.J.Rousseau gần với lý thuyết tự nhiên lãng mạn với ý tưởng cốt lõi là lấy trẻ em làm trung tâm của quá trình giáo dục. J.J.Rousseau bàn đến giáo dục đạo đức là tôn trọng phương diện tự nhiên của người học. Trẻ em sinh ra không phải để trở thành cái gì đó khác với những khả năng bẩm sinh của chúng, nhiệm vụ của giáo dục phải hướng dẫn trẻ phát triển theo khuynh hướng tự nhiên.

Bài viết *Nội dung cơ bản về triết lý giáo dục của J.J.Rousseau qua tác phẩm Emily hay là về giáo dục và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục của nước ta hiện nay* (2017) của Vũ Công Thương [67] đã khái quát vắn tắt về mục tiêu và phương pháp giáo dục của J.J.Rousseau. Bài viết đã tập trung phân tích tầm quan trọng của việc coi đối tượng giáo dục là trẻ em. Việc xác định đối tượng đúng, giúp J.J.Rousseau đưa đến phương pháp giáo dục phù hợp. J.J.Rousseau chống lại phương pháp giáo dục giáo điều, sách vở và khuyến khích trẻ em được giáo dục bằng cách tận mắt nhìn thấy và cảm nhận được những hậu quả mà trẻ gây ra để tự khắc phục và phát triển. Nhìn chung, tác giả cho rằng, triết lý giáo dục của J.J.Rousseau chứa đựng tư tưởng tiến bộ và mang đậm tính nhân văn sâu sắc. Tuy nhiên, cũng không ít những mâu thuẫn và nghịch lý như bản thân cuộc đời và toàn bộ học thuyết của ông.

1.2.2.2. Các công trình liên quan đến tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở nước ngoài

J.J.Rousseau là nhân vật không chỉ nổi tiếng ở Pháp mà trên toàn thế giới. Ngoài những nghiên cứu tư tưởng giáo dục của triết gia ở trong nước cũng có những nghiên cứu chuyên biệt về tư tưởng giáo dục của ông ở nước ngoài.

Có thể kể đến công trình *Rousseau và Dewey: phát triển tự nhiên như mục tiêu của giáo dục* (Dewey and Rousseau: natural development as the Aim of Education) [88], của Jon Fenell (1979) cho rằng J.J.Rousseau bàn đến đến bản chất con người như là một nguồn gốc của các mục tiêu giáo dục. Theo J.J.Rousseau về bản chất (bản tính) tự nhiên của con người là được tự do, bình đẳng. Với việc hiểu bản chất tự nhiên của con người như thế, triết gia lý giải tại sao con người được sinh ra từ tự nhiên vốn thiện, tốt lành, nhưng khi bước vào đời sống xã hội lại trở nên xấu xa, đánh mất bản chất ấy của mình. Giáo dục trẻ yêu cầu phải trải qua một quá trình, trong quá trình ấy, trẻ được tự do học tập và khám phá để trưởng thành. Về sau này, chính quan điểm giáo dục như là quá trình phát triển tự nhiên của J.J.Rousseau đã ảnh hưởng đến giáo dục của John Dewey.

Joseph M.Knippenberg (1989) trong tác phẩm *Vượt qua sự hãi: Rousseau và Kant về giáo dục toàn cầu* (Moving beyond fear: Rousseau and Kant on cosmopolitan education) [95] cho rằng, giáo dục có thể đóng vai trò ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Điều này đã đặt ra một câu hỏi mới về giáo dục mà các nhà giáo dục về hoà bình trước Kant dường như chưa có lập luận đầy đủ. Theo tác giả, Immanuel Kant đưa ra cả chẩn đoán về nguyên nhân tâm lý của chiến tranh và đề xuất các giải pháp thông qua một chương trình giáo dục mới. Kant lập luận, tình yêu đạo đức, danh dự - nói cách khác, sự gắn bó với phẩm giá con người - là giải pháp để giải quyết vấn đề này. Giáo dục có thể phục vụ để kết nối giữa danh dự và đạo đức. Tuy nhiên,

J.J.Rousseau, người được cho là truyền cảm hứng cho phần lớn tâm lý đạo đức của Kant, cho rằng tính toàn cầu thực sự khó để trở thành mục tiêu chính trị. Kant đã kế thừa một số quan điểm về giáo dục của J.J.Rousseau như: giáo dục đạo đức, giáo dục là một quá trình lịch sử.

Bài viết *Rousseau trong di sản của công nghệ giáo dục* (Rousseau in the heritage of technology education) [103] của J.Pannabecker (1995) đã làm rõ phương pháp giảng dạy thuận theo tự nhiên và cách giải quyết vấn đề để xây dựng môi trường học tập cho trẻ em. Để hiểu về giáo dục J.J.Rousseau, điều cần thiết là phải hiểu sự giả định của ông về một cuộc sống tự nhiên và các giá trị phù hợp với một cuộc sống như vậy. Theo J.J.Rousseau, trước khi giới thiệu khoa học cho học trò, người thầy nên giới thiệu một xã hội không phức tạp, thuần tự nhiên. Triết gia đã ủng hộ khoa học đơn giản nhưng hiệu quả: như trong một ngôi làng nhỏ, nơi các thợ thủ công có tay nghề cao ở các khu vực sinh sống đó và có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật chung của họ cho bất kỳ vấn đề nào. Tác giả cho rằng, khoa học mà J.J.Rousseau bàn đến gắn liền với tự nhiên, giáo dục khoa học cho trẻ để giúp trẻ hình thành năng lực suy nghĩ và hiểu biết về thế giới xung quanh.

Joseph R.Reisert (2003) tác phẩm *Jean Jacques Rousseau: Một người bạn của đức hạnh* (Jean Jacques Rousseau: A friend of virtue) [107] đã nhận định rằng, giáo dục phải tạo ra con người có đạo đức, biết rung cảm, biết thương xót, có lòng trắc ẩn. Giáo dục phải dạy con người làm những việc tốt, không chỉ là việc bỏ một số tiền giúp những người nghèo khó mà bằng sự chăm sóc đối với họ. Người học có thể cảm nhận những nguyên nhân thực tế giải thích cho nhiệm vụ đạo đức, người học sẽ không thể biết được hạnh phúc thực sự trong cuộc sống này là gì nếu họ không thực hiện những gì mà công lý đòi hỏi. Khi con người làm điều ác, cái chết sẽ đến với người

ấy thật khủng khiếp. Trong tác phẩm này, J.J.Rousseau chủ yếu dạy đạo đức và dạy cho trẻ hiểu được ý nghĩa của cuộc sống.

Trong bài viết *Rousseau và hệ thống giáo dục hiện nay* (Rousseau and the current system of education) [105] của C.Peckover (2012) đã trình bày quan niệm của J.J.Rousseau về quyền tự nhiên, bản tính tự nhiên của con người và vị trí của con người trong tự nhiên. Theo J.J.Rousseau, trạng thái tự nhiên có thể được hiểu thông qua hai đặc điểm cơ bản. Đặc tính đầu tiên và cơ bản nhất của tự nhiên là bản năng sinh tồn. Đặc tính thứ hai, là sản phẩm của đặc tính thứ nhất, là lòng trắc ẩn cho tất cả cuộc sống tình cảm. Hai đặc điểm cơ bản này là những gì ông coi là tự nhiên. Nói cách khác, việc bảo tồn cuộc sống của một người và tìm cách giữ gìn cuộc sống của người khác là điều tất nhiên. Theo triết gia, từ khi sinh ra con người không có khả năng tồn tại độc lập với người khác. Thực tế này cho thấy rằng, một số hình thức tương tác nhất định của con người là điều tự nhiên và con người có vai trò quan trọng trong giáo dục. Tuy nhiên, J.J.Rousseau lập luận rằng khi các tương tác của con người vi phạm sự tự bảo vệ và được giáo dục để hướng tới phục vụ lợi ích cho xã hội, việc giáo dục trở nên không tự nhiên.

M.Shahsavari (2012) trong bài viết *Đánh giá quan điểm của Jean Jacques Rousseau về nền tảng giáo dục* (Evaluation of Jean Jacques Rousseau view about foundation of education) [110] đã đánh giá rằng, phương pháp giáo dục theo ý tưởng của J.J.Rousseau nên được đề xuất theo sở thích và mức độ phát triển của trẻ em. Theo đó nền giáo dục phòng vệ là phương pháp giáo dục tốt nhất. Bởi vì, nó sẽ ngăn ngừa những ảnh hưởng xấu từ xã hội đối với trẻ em. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, nền giáo dục phòng vệ sẽ giúp cho việc rèn luyện đạo đức của trẻ và tránh được những cám dỗ cũng như ảnh hưởng xấu tới chúng sau này. Ngoài ra, tác giả phân tích J.J.Rousseau đã đề xuất giáo dục liên quan đến động cơ và lợi ích của

trẻ em và đưa ra một số nguyên tắc giáo dục trẻ. Tất cả các quy tắc xuất phát từ lợi ích của trẻ em. 1, Nhu cầu của trẻ phải phù hợp với khả năng của nó. 2, Người dạy nên thuận theo khả năng của trẻ. 3, Trẻ em quan tâm đến giáo dục thực hành nên giáo dục được đặt vào tất cả các hoạt động. 4, Tự do có nghĩa là mọi người sẽ hành động phù hợp với khả năng và lợi ích. Theo tác giả, nếu đảm bảo được những nguyên tắc này sẽ thấy được điểm độc đáo trong triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

Bài viết *J.J.Rousseau, Émile và giáo dục tôn giáo* (J.J.Rousseau, Emile and religious education) [102] của M.Onder (2018) đã phân tích quan điểm về giáo dục tôn giáo và đạo đức của J.J.Rousseau. Bản chất của giáo dục là tôn giáo, tuy nhiên, tôn giáo này không dựa trên các văn bản thiêng liêng cơ bản. J.J.Rousseau đã khuyên trẻ em không nên học về tôn giáo và đạo đức cho đến một độ tuổi nhất định, trẻ em nên học tôn giáo và đạo đức khi họ đạt đến độ tuổi thích hợp và xem xét nguyện vọng theo tôn giáo riêng. Đối với J.J.Rousseau, trẻ em có thể nhận thức hành vi của những người mà chúng chọn làm hình mẫu lý tưởng nên những người theo tôn giáo phải làm gương cho trẻ. Theo triết gia, cần sử dụng một ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu cho trẻ em để thể hiện tôn giáo và giá trị của chúng. Gia đình, xã hội và nhà nước có nghĩa vụ giáo dục trẻ em ở trạng thái tự nhiên, tôn trọng sự lựa chọn của chúng.

L.Yawei (2019) trong bài viết *Nghiên cứu giáo dục tự nhiên của Jean Jacques Rousseau* (Exploring Jean Jacques Rousseau's nature education) [115] đã đánh giá những ý tưởng giáo dục của ông dựa trên việc phê phán hệ thống giáo dục phong kiến. Xuất phát từ quan điểm con người tự nhiên, J.J.Rousseau cho rằng con người sinh ra tự do và bình đẳng, chỉ trích sự bất bình đẳng của xã hội thời đó và ủng hộ một xã hội tự do và bình đẳng. Ông tin rằng con người trong xã hội lý tưởng phải được rèn luyện thông qua giáo dục. Trong công việc giáo dục Émile, nhà tư tưởng đã hệ thống hóa mục đích,

quy trình và phương pháp giáo dục tự nhiên. Mặc dù tư tưởng giáo dục của ông có giới hạn nhất định và màu sắc triệt để mang tính cách mạng, nhưng nó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc phá vỡ ý tưởng cũ và khai sáng tư tưởng mới.

Nhìn chung, ở Việt Nam và trên thế giới, có nhiều nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Các công trình đề cập đến xuất phát điểm trong tư tưởng giáo dục của triết gia là sự phê phán nền giáo dục đương thời. Cùng với những ảnh hưởng từ các phong trào giáo dục tiến bộ lúc bấy giờ, nhà tư tưởng đề xuất một nền giáo dục toàn diện, nhấn mạnh đến tôn trọng quyền và giá trị của người học. Các nhà nghiên cứu đều đề cập đến tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau tập trung chủ yếu vào mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục.

1.3. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

1.3.1. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở trong nước

Dưới đây là một số công trình nghiên cứu, đánh giá về những giá trị, hạn chế và ý nghĩa hiện thời của tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau ở trong nước. Tác giả kế thừa những luận điểm đó để làm rõ hơn những giá trị, hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của ông, từ đó, đề xuất một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam.

Cuốn *Lịch sử giáo dục học thế giới* [31], Nguyễn Lân (1958) đã luận bàn và đưa ra những nhận định, đánh giá sâu sắc về tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Tác giả cho rằng, tư tưởng giáo dục của triết gia có nhiều điểm mới lạ và tiến bộ so với thời đại của ông. Đặc biệt, phương pháp giáo dục của ông đề cao tính khác biệt của người học. Đây là tư tưởng thể hiện việc tôn trọng quyền và giá trị của con người và đặt người học vào trung tâm của giáo dục. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, tư tưởng

giáo dục J.J.Rousseau tất yếu còn một số hạn chế. Mặc dù còn thiếu sót, nhưng những kiến giải của triết gia Khai sáng về giáo dục cũng đã có ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà giáo dục trong thời kỳ Cách mạng tư sản Pháp.

Nguyễn Mạnh Tường (1994) trong cuốn *Lý luận giáo dục Châu Âu* [75] đã đánh giá những tiến bộ của J.J.Rousseau đạt được trong quan điểm mới về đối tượng, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục trẻ. Tác giả cho rằng, triết gia Khai sáng Pháp đã luận giải thành công trong việc coi đối tượng giáo dục là trẻ em, không phải người lớn. Khi xác định đúng được đối tượng giáo dục mới có thể tìm ra những phương pháp phù hợp với người học. Nhà nghiên cứu cho rằng, J.J.Rousseau đã thành công trong phương pháp quan sát để giáo dục trẻ, trẻ phải quan sát tự nhiên, cuộc sống, từ đó mới hiểu được bản chất của sự việc và tìm cách giải quyết vấn đề. Ngoài ra, tác giả cũng đánh giá cao công lao của nhà tư tưởng đã tạo nguồn cảm hứng cho người học khi sử dụng lý trí và óc xét đoán, những lợi ích mà trẻ đạt được, cũng như việc học tập phải đi liền với thực tế. Nhìn chung, những đánh giá của Nguyễn Mạnh Tường vẫn giữ nguyên được những giá trị mà luận án có thể tiếp tục phân tích và luận giải.

Bài viết *Giáo dục tự nhiên: ưu và khuyết* [58] của Bùi Văn Nam Sơn (2014) cho rằng, giáo dục khai minh không phải là hoài cổ hay bảo thủ. Trái lại, nó có tính tiến bộ: cần phải phát hiện những quy luật tự nhiên, tức phát hiện lôgíc của sự phát triển và tăng trưởng để có thể áp dụng vào nhiều lĩnh vực của đời sống cá nhân và cộng đồng. Tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau hoàn toàn có thể mang tính khoa học, nếu được triển khai theo hướng mô tả và giải thích những gì được gọi là "tự nhiên". Một mặt, J.J.Rousseau phát hiện và nhìn nhận tính riêng biệt và tính khác biệt của từng đứa trẻ, đặt ý tưởng về sự phát triển vào trung tâm của tư duy giáo dục, qua đó, tạo cơ sở cho giáo dục phát triển. Mặt khác, cũng không thể không thấy rằng, tư tưởng giáo dục của ông dễ biến "bản tính tự nhiên" thành tính cách khá mơ hồ và

huyền hoặc, có khi đi ngược lại nhu cầu đích thực của trẻ em. Người nghiên cứu có thể phạm sai lầm về phương pháp: biến những nhận định có tính mô tả thành những mệnh lệnh có tính quy phạm. Sự ngộ nhận này rất nguy hiểm, vì không phải cái gì "hợp tự nhiên" cũng là tốt và quên rằng nhiều giá trị nhân văn hình thành từ nỗ lực "chống" lại tự nhiên.

Nguyễn Khánh Trung (2014) với bài viết *Từ tư tưởng giáo dục của Rousseau, nghĩ về giáo dục Việt Nam* [71] đã tìm hiểu về giáo dục trẻ em Việt Nam hiện tại và cho rằng giáo dục chúng ta cách xa so với các tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Giáo dục Việt Nam chưa đặt ra mục tiêu đào tạo con người "tự do", "tự chủ" như tư tưởng của triết gia Khai sáng Pháp mà muốn tạo ra con người công cụ theo một khuôn mẫu đã được định sẵn. Tác giả bình luận, thay vì dạy cho học sinh phương pháp, chúng ta lại dạy kiến thức theo những nội dung chương trình được soạn sẵn một cách chi tiết và nặng nề. Cách giáo dục như vậy không thể làm cho học sinh trưởng thành độc lập trong tư duy, trong phán đoán, có thói quen sáng tạo, phát minh, phát kiến nhằm thúc đẩy sự thay đổi xã hội. Ngoài ra, Nguyễn Khánh Trung nhận định rằng, thời đại ngày nay cũng có quá nhiều thứ cám dỗ so với thời của J.J.Rousseau, dễ làm cho giới trẻ rơi vào tình trạng lệ thuộc, trở thành những nô lệ mới (nô lệ cho game, thế giới ảo, các trào lưu ăn chơi, các thành kiến định kiến của người lớn và dư luận, v.v…). Vì vậy, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có giá trị lớn trong việc gợi mở, chỉ ra những ý nghĩa đối với giáo dục Việt Nam hiện nay.

Bài viết *Tư tưởng của Jean Jacques Rousseau về giáo dục* [5] của Phạm Văn Chung (2018) đã luận bàn và chỉ ra một số ý nghĩa cơ bản trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau. Theo tác giả bài viết, tư tưởng hiểu người học của J.J.Rousseau là tư tưởng đặc sắc về giáo dục. Triết gia nhận thấy lâu nay người ta đã không biết đặt mình vào địa vị trẻ em; không thâm nhập các ý tưởng của chúng; trái lại gán cho chúng các ý tưởng của mình. Theo nhà tư

tưởng, người học phải là người chủ, chủ thể của quá trình giáo dục; người học phải học tập một cách tích cực, chủ động; người thầy phải thấy rõ công việc hướng dẫn của mình như một "nghệ thuật". Đây quả thực là điều rất đặc sắc trong tư tưởng giáo dục của triết gia Khai sáng. Ngoài ra, một trong những điều ta không thể không quan tâm ở đây là tư tưởng của J.J.Rousseau cho rằng, người thầy phải là một con người lý tưởng, người thầy không thể không có tư tưởng giáo dục. Triết gia đã cho ta một ý nghĩa giá trị rất lớn lao dựa trên truyền thống phương Tây và từ chính kinh nghiệm của mình. J.J.Rousseau cho thấy rằng, không thể hiểu người học, kể cả trẻ thơ, nếu không hiểu con người và bản chất con người nói chung.

1.3.2. Các công trình liên quan đến đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ở nước ngoài

Những tư tưởng của J.J.Rousseau, trong đó có tư tưởng về giáo dục có ý nghĩa to lớn đối với nước Pháp thế kỷ XVIII và ảnh hưởng trên thế giới trong hơn 200 năm qua với nhiều tác phẩm, tiêu biểu phải kể đến một số công trình sau:

Cuốn *Học thuyết giáo dục của Jean Jacques Rousseau* (The educational theory of Jean Jacques Rousseau) [84] của tác giả Boyd.W (1911) cho rằng J.J.Rousseau đã phê phán nền giáo dục phong kiến cũng như đóng vai trò lý luận quan trọng đối với thành công của Cách mạng tư sản Pháp 1789. Trong học thuyết giáo dục, J.J.Rousseau yêu cầu cao đối với tiêu chuẩn của người thầy, Emile có điều kiện và cơ hội được học tập và phát triển tốt hay không phụ thuộc vào trình độ của người thầy. Đặc biệt trong cuốn sách, tác giả đã phân tích những đóng góp của J.J.Rousseau đối với các nhà tư tưởng giáo dục trên thế giới như, Pestalozzi, Fichte, Froebel, Herbart và lý thuyết giáo dục hiện nay.

Collins.P (1976) trong bài viết *Triết học giáo dục của Rousseau* (Rousseau's philosophy of education) [85] đã nhận xét rằng, J.J.Rousseau đã

đưa ra hai lý thuyết về giáo dục: 1, giáo dục con người để có tự do cá nhân; 2, giáo dục con người trở thành một công dân. Nhưng trên thực tế, hai lý tưởng giáo dục này không thể đi cùng nhau và không thể trở thành hiện thực. Nếu giáo dục hướng về hai mục tiêu tương phản có thể sẽ lỡ cả hai, bởi vì, con người tự do cá nhân theo lý thuyết của ông sẽ không thể trở thành một công dân theo đúng nguyện vọng và ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội đương thời. Tuy nhiên, tác giả bài viết cho rằng, J.J.Rousseau đã đóng góp một phép biện chứng về hai lý thuyết giáo dục và sẽ truyền cảm hứng cho thế hệ sau để đánh giá lại những câu hỏi mà triết gia đã tranh luận và kết luận đã được rút ra. Sự thật trong cả hai khẳng định của nhà tư tưởng cho thấy giáo dục cần thiết phải hình thành nên những cá nhân tốt và cả những công dân tốt cho xã hội.

Một số công trình khác đã phân tích vai trò và đánh giá triết học Khai sáng Pháp nói chung cũng tư tưởng triết học của J.J.Rousseau nói riêng như: Vyverberg.H (1989) trong cuốn Bản chất con người, sự đa dạng văn hoá và Khai sáng Pháp (Human nature, cultural diversity and the French Enlightenment) [114]; Sweeman.J (1998) trong cuốn Thời đại cách mạng và thời đại Khai sáng Pháp (*The Enlightenment and the age of revolution)* [112]. Về cơ bản, các công trình trên, đã đánh giá lại triết học Khai sáng Pháp và tư tưởng của các nhà Khai sáng Pháp, trong đó có J.J.Rousseau. Giá trị và ảnh hưởng của triết học, giáo dục trong trào lưu Khai sáng Pháp đối với cuộc cách mạng tư sản Pháp. Tư tưởng về quyền con người được tự do, bình đẳng cũng như về tư tưởng giáo dục Khai sáng không chỉ là cốt lõi trong cuộc cách mạng tư sản Pháp mà còn là cơ sở lý luận cho nhiều cuộc cách mạng khác trên thế giới.

Bài viết *Rousseau như một nhà triết học Khai sáng và bình đẳng giữa Sophie và Emile về giáo dục* (Rousseau as a philosopher of enlightenment and the equality of Sophie and Emile regarding education) [91] của tác giả Godelek.K (2012) đã đánh giá quan điểm của J.J.Rousseau về giáo dục gắn

liền với quan điểm về bản chất con người. Do đó, cần có các phương pháp khác nhau để giáo dục Emile và Sophie, điều này bắt nguồn từ sự phù hợp với những khác biệt giới tính. Tác giả bài viết cho rằng, mọi loài động vật đều có bản năng và năng lực cần thiết để duy trì sự sống nhưng con người còn có những tác nhân tự do và khả năng lựa chọn. Sinh vật luôn bị nô lệ bởi những ham muốn của mình nhưng con người được ban tặng cho ý chí tự do nên con người có trách nhiệm xác định cách họ sống. Trong bài viết cũng nêu lên hạn chế của J.J.Rousseua về quan điểm giáo dục phụ nữ và đưa ra quan điểm độc lập lý trí của phụ nữ là mục tiêu trong sự nghiệp giáo dục mang tính cách mạng trong thời đại ngày nay.

John.E (2014) trong bài viết *Một đánh giá triết học về giáo dục trẻ em là trung tâm của Rousseau* (A philosopher Appraisal of Rousseau's child-centered education) [94] đã nhận xét J.J.Rousseau đã đưa ra quan điểm tiến bộ về giáo dục tự nhiên, học tập, khám phá qua trải nghiệm và theo nhu cầu. Điều này chứng tỏ rằng, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm khuyến khích quá trình tự hiện thực hóa, trong đó toàn bộ con người có thể phát triển về mặt trí tuệ và xã hội. Ý nghĩa của quan điểm này là giáo dục giúp một người trở thành chính mình, có khả năng đối phó hiệu quả với những yêu cầu của cuộc sống trong hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, theo tác giả bài viết, hạn chế của J.J.Rousseau là quá đề cao giáo dục đến từ bản chất con người và trẻ phải chịu hậu quả từ việc làm sai một cách cực đoan. Tác giả bài bài viết đã đưa ra những ví dụ minh họa cho điều đó từ tác phẩm của J.J.Rousseau: nếu trẻ em làm vỡ cửa sổ phòng ngủ, nó sẽ phải ngủ trong một căn phòng ẩm ướt. Theo triết gia, cái lạnh tự nhiên sẽ cảnh báo và trẻ sẽ nhận bài học về lỗi lầm của chúng. Điều đó có vẻ là một lập luận tốt nhưng nhà tư tưởng đã quên sự thật rằng, cái lạnh có thể dẫn đến viêm phổi và hậu quả có thể không tương xứng với hành vi phạm lỗi.

Bài viết *Rousseau và triết học giáo dục* (Rousseau and his educational philosophy) [93] của tác giả B.Jamwal (2017), đã phân tích triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói chung, đặc biệt, tác giả đã đưa ra những nhận xét và phân tích những giá trị và hạn chế về triết học giáo dục. Tác giả đã đánh giá cao những đóng góp của triết gia đối với nền giáo dục đương thời. J.J.Rousseau đã đưa ra phương pháp đề cao thí nghiệm thực hành, chống lại những lý luận suông với trẻ em và đặc biệt quan điểm đặt trẻ em làm trung tâm trong quá trình dạy học. Ngoài ra, tác giả đã chỉ ra một số hạn chế mà triết gia mắc phải, trong đó, phải kể đến hai hạn chế mà B.Jamwal đưa ra: thứ nhất, đề cao nền giáo dục phòng vệ; thứ hai, đã có quan điểm sai lầm về giáo dục nữ giới.

Có thể thấy, những công trình kể trên đã nêu được một số đóng góp của J.J.Rousseau đối với giáo dục. Tuy nhiên, cách tiếp cận J.J.Rousseau chủ yếu dưới nhiều góc độ với những mục đích khác nhau, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về những đánh giá tư tưởng của triết gia, nhất là những đánh giá về những giá trị và hạn chế trong tư tưởng giáo dục. Những nội dung còn bỏ ngỏ này là mục đích để chúng tôi xây dựng chương 4: "Đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và chỉ ra một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay".

1.4. Khái quát kết quả nghiên cứu chính của các công trình được tổng quan và những vấn đề đặt ra cho luận án

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, các tác giả đã phân tích được những cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Cơ sở lý luận: Tư tưởng triết học giáo dục của ông là sự kế thừa quan điểm giáo dục của các vị tiền bối. Trong đó, phải kể đến tư tưởng giáo dục của Socrate, Plato, Aristotle, Comenxki, Locke, v.v... Cơ sở thực tiễn: xuất phát từ nhu

cầu chung của nước Pháp đương thời, các quan điểm giáo dục cũ đã lạc hậu và kìm hãm sự phát triển của cá nhân. Đứng trước nền giáo dục truyền thống, tất yếu phải xuất hiện những tư tưởng giáo dục mới để giải quyết những vấn đề mà xã hội đặt ra.

Các công trình nghiên cứu trên còn tường thuật khá chi tiết về cuộc đời và sự nghiệp của J.J.Rousseau – một nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn trong trào lưu Khai sáng Pháp. Điều này giúp tác giả luận án nắm được diễn biến cuộc đời của ông qua nhiều giai đoạn: từ khi còn là một cậu bé mồ côi mẹ đến khi được nổi danh trong xã hội qua các tác phẩm của ông.

Thứ hai, các công trình, bài viết ở từng khía cạnh, trong chừng mực nhất định, đã chỉ ra những nội dung cơ bản trong tư tưởng của J.J.Rousseau nói chung. Có thể nói, với một hành trình dài và nhiều tác phẩm với đủ mọi chủ đề, việc khái quát những nội dung chính trong tư tưởng của ông là không dễ dàng. Tác giả luận án thấy những vấn đề nổi trội thường được J.J.Rousseau đề cập đến như quyền tự nhiên, tự do, bình đẳng, v.v… Một trong những tư tưởng nổi bật của ông là giáo dục. Nhiệm vụ của giáo dục đối với việc xây dựng một xã hội mới được triết gia trình bày thông qua trách nhiệm của các cá nhân tham gia vào giáo dục.

Có nhiều công trình nghiên cứu bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đề cập một cách gián tiếp đến các bình diện khác nhau của tư tưởng giáo dục J.J.Rousseau từ quan điểm giáo dục học, văn học, tâm lý học, v.v..., và cũng có tương đối các công trình chuyên sâu bằng tiếng nước ngoài và công trình bằng tiếng Việt đề cập trực tiếp đến triết học giáo dục của triết gia. Trong những công trình nghiên cứu về triết học giáo dục của J.J.Rousseau, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng ông là đại điện tiêu biểu của trào lưu Khai sáng Pháp, J.J.Rousseau là nhà tự nhiên thần luận, người đã đưa ra một học thuyết giáo dục với nhiều quan điểm mới mẻ, coi giáo dục chính là quá trình phát triển tự nhiên của trẻ. Những quan điểm cơ bản của triết gia về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục đã được khái quát trong nhiều công trình.

Thứ ba, một số công trình đề cập đến những đóng góp trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đối với lịch sử giáo dục nhân loại. Việc nghiên cứu quan niệm giáo dục của ông, chỉ ra giá trị tham khảo ở Việt Nam còn khá khiêm tốn. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là cần có một nghiên cứu chuyên sâu hơn về triết học giáo dục của J.J.Rousseau để hiểu biết thêm về một nhân vật có ảnh hưởng lớn của thế kỷ XVIII và cũng có thể chỉ ra những giá trị tham khảo đối với sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Qua việc nghiên cứu, đánh giá các công trình nghiên cứu ở nước ngoài và Việt Nam, cho thấy hiện nay đề tài nghiên cứu của tác giả chưa trùng lặp với công trình nào.

Với chủ trương đổi mới toàn diện, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tạo ra động lực mới cho việc nghiên cứu về Lịch sử triết học phương Tây nói chung và triết học Khai sáng Pháp ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, nghiên cứu triết học giáo dục của J.J.Rousseau – một biểu hiện đặc sắc của triết học Khai sáng Pháp, đặc biệt nghiên cứu về nội dung có tính chuyên sâu về triết học giáo dục của nhà tư tưởng còn hạn chế. Theo lịch sử nghiên cứu nói trên, trong những công trình nghiên cứu của các nhà triết học và khoa học xã hội nhân văn về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau có nhiều lý giải khác nhau, tiếp cận từ các góc độ khác nhau. Trên cơ sở tiếp thu kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, luận án tập trung nghiên cứu, giải quyết những vấn đề sau đây:

Một là, do nhiều lý do chủ quan và khách quan khác nhau, việc nghiên cứu về giáo dục của J.J.Rousseau nói chung và cơ sở hình thành triết học giáo dục của J.J.Rousseau nói riêng ở Việt Nam còn ở tình trạng được khai phá chưa nhiều. Vì vậy, tác giả luận án phân tích làm rõ cơ sở hình thành tư tưởng triết học giáo dục của triết gia. Trên cơ sở những tư liệu về cuộc đời ông, tác giả làm rõ sự nghiệp của ông với tư cách là một nhà tư tưởng giáo dục. Luận án nhấn mạnh vào những trăn trở về sự nghiệp triết học và giáo dục, những

việc mà J.J.Rousseau đã làm để thực hiện hoá giấc mơ thay đổi con người từ trong cốt tủy thông qua giáo dục.

Hai là, hiện nay những nội dung tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ngày càng được nhắc đến, được phân tích nhiều hơn trong công trình nghiên cứu liên quan đến lịch sử các học thuyết giáo dục, giáo dục học. Luận án tiếp tục hướng tới giải quyết và khảo cứu một cách chuyên sâu những nội dung cốt lõi trong triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Thông qua những tác phẩm của ông bàn trực tiếp về giáo dục và những tác phẩm khác, tác giả luận án trình bày một cách có hệ thống những quan niệm của ông về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục.

Ba là, còn khá ít các công trình nghiên cứu về những đóng góp và hạn chế trong tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Trong khi đó, nhiều điểm trong tư tưởng của triết gia vẫn đang thể hiện sức sống của mình đối với triết học giáo dục và các hệ thống giáo dục trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Luận án sẽ tiếp tục chỉ ra những đóng góp trong giáo dục của triết gia, không chỉ về mặt lý luận mà còn về mặt thực tiễn. Bên cạnh đó, tác giả luận án cũng chỉ ra giá trị của quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau và gợi mở những giá trị có thể tham khảo cho sự nghiệp giáo dục ở nước ta hiện nay, nhất là quan niệm về phương pháp giáo dục.

Những vấn đề đặt ra trên đây là khoảng trống mà chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu làm sáng tỏ trong đề tài luận án của mình. Các công trình nghiên cứu đã công bố sẽ là nguồn tư liệu tham khảo quý giá cho chúng tôi trong quá trình nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau.

CHƯƠNG 2. NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

2.1. Bối cảnh nước Pháp cho sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Bối cảnh ở Pháp thế kỷ XVIII có nhiều thay đổi và diễn biến phức tạp trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tôn giáo. Thế kỷ XVII, XVIII được coi là thời đại của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập chế độ tư bản. Về mặt thực tiễn, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cho sự xuất hiện những chuyển biến cách mạng trong giai đoạn này được chuẩn bị từ thời Phục Hưng (từ nửa sau thế kỷ XIV đến nửa sau thế kỷ XVI). Đây là giai đoạn mầm mống của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành ngay trong lòng chế độ xã hội cũ. Một trong những biểu hiện đầu tiên của quá trình chuyển tiếp trong lĩnh vực kinh tế chính trị này là sự ra đời của những công xưởng thủ công. Sự hình thành các trung tâm kinh tế thương mại đã mở rộng giao thương trao đổi hàng hoá, phá vỡ các quan hệ phong kiến chật hẹp, biểu hiện của nền kinh tế tự cung tự cấp. Thế kỷ XV, XVI, chứng kiến quá trình tích luỹ tư bản ban đầu ở Hà Lan, Anh và một số nước khác. Xu hướng chung của sự phát triển của thời đại đã đặt nhiệm vụ cho các nhà triết học phản ánh sự khởi sắc ấy, khái quát hoá nó trong học thuyết của mình. Điều này giải thích vì sao, xã hội đương thời xuất hiện hàng loạt các phương án cải cách xã hội, từ chủ nghĩa nhân văn Kytô giáo đến phương án thế tục hoá của Machiavelli và từ chủ nghĩa cộng sản không tưởng của Th.More đến những phác thảo về nhà nước pháp quyền. Nói cách khác, những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá thời kỳ Phục hưng là cơ sở thực tiễn sâu xa của phong trào Khai sáng Pháp.

Về kinh tế, thế kỷ XVIII, mặc dù là nước tiên tiến ở châu Âu, chỉ kém Anh về phương diện kinh tế, nước Pháp về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp với 90% dân số là nông dân và nền nông nghiệp của Pháp vẫn còn rất lạc hậu, "dân số nước Anh, Pháp tăng gấp đôi trong khi sản phẩm nông nghiệp không tăng tương ứng" [49, tr.332]. Khoảng 30% đất đai bị bỏ hoang, hình thức bóc lột địa tô chiếm ưu thế tại Pháp vào thời kỳ này. Tuy chỉ chiếm một phần trăm dân số, giới quý tộc và tăng lữ lại nắm trong tay hơn một phần ba đất đai cùng với hàng triệu nông nô. Giai cấp phong kiến đã khiến các vùng thôn quê Pháp trở lên kiệt quệ, tiêu điều sơ xác, bởi muôn vàn thứ thuế nặng nề và chế độ nô dịch hà khắc. Sản xuất công nghiệp ở Pháp phát triển chậm hơn Anh. Ngành mỏ và ngành dệt là những ngành phát triển mạnh nhất, tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập sâu vào sản xuất công nghiệp. Các điều kiện để công nghiệp hoá đã có bước tiến đáng kể, vốn tích luỹ được khá, tư sản không quá tin ở tiền tệ, giá công nghệ cũng lên và đã thu hút vốn đầu tư vào công nghiệp. Ngoài ra, giao thương hàng hải phát triển hơn. Từ năm 1722, chủ tàu Marseille, công ty Đông Ấn thu được các món lợi lớn. Sự buôn bán với các hòn đảo Trung Mỹ mang lại cho nước Pháp những sản phẩm quý giá. Bông thay thế những thứ sợi dệt khác, gây một sự đảo lộn trong công nghiệp. Marseille được hưởng một chế độ tự do hơn các cảng khác.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xâm nhập vào cuộc sống của người dân, Pháp đẩy mạnh thêm sự phân hoá nông dân về mặt giai cấp. Địa chủ tăng cường thuế má, cướp bóc ruộng đất, tước mất những quyền lợi của nông dân đẩy những người nông dân vào tình cảnh khốn cùng. Bối cảnh kinh tế nước Pháp đầu thế kỷ XVIII phản ánh mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội. Một bên là giới quý tộc có cuộc sống xa hoa của cung đình và một bên là đại bộ phận nhân dân lâm vào cảnh bần hàn và bất bình sâu sắc, ở Pháp còn nổ ra các cuộc khởi nghĩa đòi quyền bình

đẳng, tự do. Các cuộc đấu tranh ở Pháp đã gây nên một chuyển động mạnh mẽ và căn bản chẳng những ở nước Pháp mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước châu Âu [Xem 49, tr.324]. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của các cuộc đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ cho con người, thời kỳ nở rộ của tư tưởng giải phóng con người.

Về chính trị, từ thế kỷ XV, XVI, XVII chủ nghĩa tư bản đã đi từ những giai đoạn tích lũy nguyên thủy đầu tiên đến khi bước hẳn lên vũ đài lịch sử của Hà Lan, Anh. Đến thế kỷ XVIII, Pháp trở thành vũ đài của cuộc đấu tranh gay gắt giữa chế độ phong kiến đã trở nên lỗi thời và chủ nghĩa tư bản đang hình thành, phát triển. Với sự phát triển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã kịp thời trở thành một lực lượng kinh tế hùng hậu. Trong khi đó, toàn bộ quyền lực vẫn tiếp tục nằm trong tay tầng lớp phong kiến thống trị. Phong trào phản đối ngày càng lớn mạnh, nhằm thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến và thiết lập chế độ xã hội mới tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng đại diện cho lợi ích của những người bị áp bức trong chế độ phong kiến.

Cuộc đấu tranh chính trị quan trọng nhất diễn ra giữa chính quyền dân chủ và giai cấp tư sản. Chính quyền dân chủ xây dựng được đoàn thể đoàn kết với nhau và bênh vực quyền lợi chung. Trên cơ sở tổ chức này, chính quyền dân chủ đã biến hàng ngũ của mình thành một lực lượng chống đối vua. Pháp viện Paris lãnh đạo phong trào chung của các Pháp viện trong toàn quốc. Trong thế kỷ XVIII, tổ chức các nhà tư sản không mở nhận thêm người mới nữa vì không ai mua các chức vụ thẩm phán với giá mua cao mà bán thì thấp, không lợi cho tư sản.

Từ năm 1750, mâu thuẫn giữa Pháp viện và chính quyền ngày càng trầm trọng. Pháp viện thành lập trong nội bộ một ban chuyên môn thảo các văn bản đả kích. Trong cuộc đấu tranh giữa Pháp viện và chính quyền

cần lưu ý đến một số điểm quan trọng. Khi những giai cấp tư sản có thái độ chống đối vua, không phải vì họ giác ngộ quyền lợi của toàn dân, thực chất họ chỉ nhằm quyền lợi riêng biệt, ích kỷ của mình mà thôi. Pháp viện Paris lợi dụng tình hình dư luận, tự coi mình là người bảo trợ dân, chống lại vua, không gây phản ứng gì và nói chung nhận được tán thành. Mặt khác, trong cuộc đấu tranh chính trị, họ đã phần nào tách khỏi quý tộc và phong kiến, đồng thời hiểu rằng đứng về phía quần chúng nhân dân là có lợi. Vì thế, Pháp viện mập mờ lừa bịp dư luận để dân chúng hiểu lầm họ là những người nghĩa hiệp đứng ra bảo vệ lợi ích của quần chúng chống lại vua.

Về xã hội, cũng giống như các nước phong kiến khác, ở Pháp, tài sản xã hội chỉ nằm trong tay một số người có quyền lực, nhà vua là chủ sở hữu ruộng đất lớn trong cả nước. Xã hội nước Pháp thế kỷ XVIII có sự phân chia thành những đẳng cấp với quyền và nghĩa vụ khác nhau. Do vậy, mâu thuẫn giữa các tầng lớp trở nên hết sức gay gắt (tăng lữ, quý tộc, và tất cả những tầng lớp còn lại như: nông dân, thợ thủ công, bình dân thành thị, công nhân, trí thức chiếm đa số trong xã hội, trong đó nổi trội nhất là giai cấp tư sản). Trong thế kỷ XVIII, giai cấp tư sản Pháp gặp nhiều thuận lợi trên con đường phát triển; thế lực chính trị, kinh tế, xã hội của họ ngày càng tăng lên. Sự phát triển ấy cũng làm cho ý thức giai cấp của họ ngày càng bộc lộ rõ nét.

Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp quý tộc: chế độ chuyên chế suy yếu, giai cấp quý tộc không còn đóng được vai trò chủ động trong xã hội [Xem: 34, tr.136], nhưng giai cấp quý tộc không từ bỏ thái độ kiêu căng và tính khinh bỉ giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh chống quý tộc, giai cấp tư sản đả kích mạnh các thiếu sót của giai cấp quý tộc. Giai cấp tư sản đả kích quý tộc không làm tròn nhiệm vụ quân sự và bảo vệ nhà nước. Giai cấp tư sản còn nhiều cách đấu tranh chống quý tộc, trong đó có

cách phô trương tiền của làm quý tộc mất thể diện. Ở nhiều thành phố, nhất là Lyon, giai cấp tư sản tổ chức một cuộc sống văn hoá, xã hội xa hoa với các phòng khách, viện hàn lâm, v.v… để đập vào mắt giai cấp quý tộc.

Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp nông dân: nông dân bị tư sản bóc lột thậm tệ nên đã đứng lên tranh đấu. Ở Pháp, tư sản muốn chia công điền để biến công điền thành ruộng lúa. Làm như vậy là xâm phạm vào quyền của toàn thể nông dân nghèo. Sau năm 1750, tranh đấu của tư sản và quý tộc địa chủ thắng. Nhà nước quân chủ không ngăn cản tầng lớp tư sản thực hiện tham vọng, lại còn khuyến khích. Nhưng nông dân vẫn tiếp tục đấu tranh cho tới cuộc cách mạng năm 1789, coi tất cả quyền của chủ đất như là tàn tích phong kiến cần xoá bỏ hết. Tư sản cũng tranh đấu và thuyết trọng nông cũng do chủ đất nêu lên đòi tự do canh tác, bất chấp quyền lợi của nông dân.

Chính những mâu thuẫn và phân biệt của các giai cấp trong xã hội đã in hằn trong tâm trí của J.J.Rousseau về sự phân chia đẳng cấp. Bối cảnh chính trị, xã hội Pháp thế kỷ XVIII là điều kiện khách quan cho việc giai cấp tư sản trở thành người lãnh đạo có khả năng tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, công nhân, thợ thủ công trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến. Giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng tiến bộ có thể đại diện cho lợi ích của những người bị áp bức dưới chế độ phong kiến. Để lãnh đạo được cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản tất yếu cần có lý luận soi đường và cũng chính là môi trường thuận lợi để nảy sinh các tư tưởng giải phóng con người. Sau này trong quan niệm giáo dục của mình, J.J.Rousseau nhấn mạnh đến việc làm thế nào để có thể xóa bỏ được những sự kỳ thị, phân chia giữa con người với con người, tiến tới xây dựng một xã hội tự do, bình đẳng.

Về văn hoá, trong bối cảnh kinh tế, xã hội có nhiều biến động, văn hoá Pháp thế kỷ XVIII đã có sự đổi mới rõ rệt, đó là sự thể hiện những ước mơ và khao khát của con người qua nhiều khía cạnh như: nghệ thuật, hội hoạ, kiến trúc. "Ảnh hưởng của văn hoá Pháp mạnh đến nỗi các tác giả Pháp lấn át các tác giả thượng cổ. Các nước châu Âu đều lấy Pháp làm thầy" [34, tr.137]. Người Pháp đặc biệt đề cao sự tôn trọng lẫn nhau, quyền và không gian tự do của mỗi cá nhân. Văn hoá Pháp thể hiện rõ nét qua văn học chính là tư tưởng nhân văn khai sáng chiếm vị trí quan trọng ở thời kỳ này. Trong văn học Pháp, chủ nghĩa lãng mạn là sự phản ứng chống lại xã hội đương thời, con người muốn thoát li thực tế tìm đến một thế giới khác giúp con người quên đi cuộc sống mà họ cảm thấy chán ghét, vẽ ra một cuộc sống làm thỏa mãn cái tôi bị tổn thương của con người, nên thế giới trong chủ nghĩa lãng mạn là thế giới mộng tưởng. Trong chủ nghĩa lãng mạn tình yêu của con người được khai thác ở mọi phương diện, thiên nhiên được phản ánh một cách sinh động nhất, trở thành nơi phản ánh nội tâm và nuôi dưỡng tình cảm. Con người muốn hướng đến một cuộc sống tự do, thoát khỏi mọi ràng buộc. Người nghệ sĩ được trả lại tất cả mọi quyền tự do để họ thỏa sức sáng tạo và tưởng tượng. Vậy nên văn hóa thời kỳ cận đại mang ý nghĩa giải phóng cá nhân khỏi tính phổ quát của Kitô giáo. Đó là nền văn hóa chú trọng con người hoạt động, tự thích nghi và luôn sáng tạo, đề cao lý tính con người.

Sống trong môi trường văn hoá phong phú, độc đáo, tư tưởng của J.J.Rousseau cũng mang hơi hướng của những triết lý văn hoá sâu xa. Nhiều nhà nghiên cứu nhận định tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Pháp. Có thể nói, tư tưởng của J.J.Rousseau là sự kết tinh và duy trì dòng chảy văn hóa Pháp với đặc điểm nổi bật là thái độ tôn trọng sự sống và thiên nhiên. Đối với ông, cuộc sống là một quá trình tăng trưởng và phát triển tự nhiên. Trong quá

trình đó, con người không sống thụ động mà cần khám phá và trải nghiệm những điều tốt đẹp.

Về tôn giáo, thời kỳ này tôn giáo có những biểu hiện của sự suy thoái về lối sống, các linh mục có đạo đức tốt chỉ là thiểu số, đa phần các giám mục mà đại đa số là quý tộc, sống xa hoa trên cơ sở địa tô và các quyền lợi khác, trong đó có cả cổ phần đóng góp của các tín đồ. Vì vậy, giai đoạn này "tôn giáo…được đem ra phê phán nghiêm khắc, tất cả đều phải ra trước toà án lý tính và biện hộ cho sự tồn tại của mình hoặc từ bỏ sự tồn tại của mình" [dẫn theo 80, tr.350]. Giáo hội cổ truyền quan niệm rằng phải tranh giành với chính quyền quân chủ không những quyền lãnh đạo về tôn giáo, mà cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, Thiên chúa giáo đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Giai cấp tư sản nhất định phải va chạm với họ, bởi vì, giai cấp tư sản phải tấn công tôn giáo về hai điểm: thứ nhất, các nhà tu hành không lao động, không làm gì hữu ích cho xã hội. Thứ hai, giáo hội tích luỹ tiền của, tài sản quá nhiều, vốn tiền lớn này bị ngưng đọng, không giúp ích cho kinh doanh, không góp phần làm đất nước giàu mạnh. Giai cấp tư sản đã tố cáo giáo hội lừa bịp và lợi dụng sự mềm yếu của một số người để chiếm đoạt tài sản của họ để dư luận đả kích các đoàn thể tôn giáo, các tư viện. Một số người đòi xung công tài sản ấy cho nhà nước.

Hệ thống giáo dục của giáo hội Công giáo: thời kỳ trước cách mạng tư sản Pháp, giáo hội nắm độc quyền về mặt văn hoá tinh thần của xã hội, thần học sáp nhập vào nó mọi hình thức của hệ tư tưởng. Các ngành văn hoá như triết học, văn hoá, khoa học, nghệ thuật và giáo dục đều do giáo hội điều khiển và đều mang một tinh thần cơ bản là thần học. "Trước cách mạng, bất cứ thứ gì được cung cấp theo cách thức học tập thô sơ chủ yếu

là thông qua Nhà thờ Công giáo La Mã"[1] [100, tr.7]. Nhìn chung, giáo dục của giáo hội theo phương pháp giáo điều, thầy đọc, trò chép, học thuộc lòng kinh Thánh, những bài thơ về tôn giáo, viện dẫn sách vở, biện luận hùng hồn, trống rỗng là lối dạy và học rất phổ biến. Bên cạch đó, việc sử dụng phương pháp dùng roi vọt, trừng phạt thể xác, nhục hình nhằm giáo dục học sinh trở thành người biết nhẫn nhục, chịu đựng, phục tùng vô điều kiện cũng được coi trọng. Trong tình hình ấy, "Các nhà tư tưởng nhờ giáo dục để phá ngu..., các nhà tư tưởng chủ trương truyền bá khoa học" [34, tr.143] và khai sáng để thoát ly những quan niệm lạc hậu về giáo dục của giáo hội.

Những học giả của giai cấp tư sản lên tiếng công kích chủ nghĩa kinh viện, công kích những quan niệm lỗi thời về giáo dục. Họ đòi cải tổ nền giáo dục và đưa ra những kiến giải mới mẻ về một hệ thống nhà trường dân chủ. J.J.Rousseau đã thấu hiểu sâu sắc tình hình tôn giáo và giáo dục của xã hội đương thời, nên tư tưởng của ông cũng không tách khỏi những vấn đề trăn trở của xã hội. Ông luôn nhấn mạnh cuộc sống tự do, bình đẳng và con người có trách nhiệm để giáo dục hướng tới tự do, hạnh phúc, chứ không nên giáo dục con người để phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị.

Mâu thuẫn giữa tri thức khoa học với niềm tin tôn giáo: thế kỷ XVIII, khoa học tự nhiên phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng được các thành tựu của cơ học và toán học. Nhiều môn khoa học mới ra đời và đạt được những kết quả mới trong việc nghiên cứu tự nhiên, như quang học, điện, từ, thiên văn học, hoá học, động vật học và thực vật học, đặc biệt là vật lý học. Những thành tựu trong khoa học tự nhiên trên các lĩnh vực khác nhau là cơ sở để nhận thức của con người nâng lên tầm cao mới.

[1] "Prior to the Revolution, whatever had been provided in the way of rudiments of learning was chiefly through the Roman Catholic Church"

Nhờ đọc các loại sách phổ thông khoa học mà công chúng cũng thích nghiên cứu [Xem: 34, tr.139]. Con người đã nhận thấy rằng, sự sáng tạo bắt nguồn từ kinh nghiệm và lý trí. Thời kỳ này, văn hoá duy lý ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của con người, các quan điểm duy tâm tôn giáo bị đả kích mạnh mẽ. Điều này đã dẫn đến những xung đột giữa tri thức tôn giáo với tri thức khoa học, những tri thức tôn giáo tư biện bắt đầu bị đả kích và dần thay thế bằng những tri thức khoa học. Sự phát triển của khoa học mang đến cho con người nhiều sự đổi thay trên nhiều phương diện của cuộc sống. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của khoa học duy lý không chỉ có những điểm tích cực, mà còn có những điểm tiêu cực. Khoa học duy lý thúc đẩy mọi người tin theo thuyết vô thần, không có đức tin vào Chúa hay các đấng thần linh, từ đó bản tính của con người không còn giữ được những phẩm chất tự nhiên ban đầu. Vì không tin vào quả báo do những việc mình làm, nên con người dễ bị sa ngã, ảnh hưởng bởi những tác nhân xấu của ham mê dục vọng. J.J.Rousseau đã hiểu được mặt trái của sự phát triển khoa học và xây dựng một học thuyết về giáo dục hướng con người giữ được bản tính tự nhiên của mình.

Là nhân chứng chứng kiến những bất công, mâu thuẫn về mặt chính trị và xã hội, đồng thời chứng kiến những mặt trái của khoa học kỹ thuật và những trăn trở của con người về cuộc đời, J.J.Rousseau có cơ sở thực tiễn để nhận thấy sự bất lực của các giải pháp mà con người đưa ra nhằm cải tạo xã hội. Tuy nhiên, nền giáo dục của xã hội đương thời đang mắc phải sai lầm. Chính giáo dục phải khắc phục những sai lầm để tạo ra một thế hệ trẻ giỏi giang nhưng cũng có khả năng cảm nhận bản chất đích thực của cuộc sống. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến quan niệm giáo dục tự nhiên mà J.J.Rousseau nhấn mạnh trong mục tiêu giáo dục của ông. Học thuyết giáo dục của J.J.Rousseau đề cao tác dụng của giáo dục, coi trọng thể dục và lao động, yêu cầu nội dung giáo dục sát với thực tế, và những

phương pháp khoa học phù hợp với nhận thức của trẻ em, chống chủ nghĩa giáo điều, chống kỷ luật roi vọt, v.v...

2.2. Tiền đề lý luận cho sự hình thành tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

Qua các thời kỳ lịch sử ở các nền văn hóa khác nhau, các tư tưởng, quan điểm giáo dục đã xuất hiện rất phong phú và đa dạng. Những vấn đề được các nhà triết học lớn của các thời đại quan tâm là bản chất của nhận thức, bản chất của tư duy, chân lý, đạo đức, tính thiện, cái đẹp. Đó là những vấn đề rất quan trọng ảnh hưởng đến việc xác định bản chất quá trình giáo dục, chức năng, nhiệm vụ, quy luật động lực, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau đã kế thừa quan điểm giáo dục của nhiều nhà tư tưởng trong lịch sử, trong đó phải kể đến Socrates, Plato, Aristotle, I.A.Comenxki, Locke và một số nhà triết học Khai sáng Pháp.

2.2.1. Quan niệm về giáo dục của một số nhà triết học Hy Lạp cổ đại

Socrates (469 – 399 TCN) là cây đại thụ của triết học Hy Lạp cổ đại. Ông sinh ra tại A-ten, trong một gia đình thợ thủ công. Chúng ta hầu như chỉ biết ông qua một số tác phẩm mang tính đối thoại của Plato như Ethyphro, Apology, Crito, Dialogues, Phaedo, v.v… Trong các tác phẩm này, Socrate đóng vai trò như nhân vật chính của câu chuyện, đối thoại với các nhân vật khác hoặc bộc lộ tâm tư (độc thoại) với độc giả.

Socrates đề cao quyền tự do của người học, vì vậy, giáo dục không phải là dạy lý luận mà hướng tới những giá trị chân thực cho người học. Ông ủng hộ phương pháp giáo dục tranh biện, vấn đáp. "Đứa trẻ nào được dạy trong bài học quan trọng nhất của nó là chỉ muốn biết điều gì hữu ích mà thôi, sẽ chất vấn như Socrates" [53, tr.233]. Phương pháp giáo dục này thực sự tác động vào tư duy và trẻ có thể đưa ra những ý kiến riêng của mình. Theo ông, giáo dục cũng không nhằm mục đích làm cho con

người phải tách rời khỏi đám đông để cai trị nó, "Giáo dục nhằm cho con người tìm thấy chính bản thân mình. Muốn được như vậy, nó phải chống lại mọi sự xã hội hóa, nó phải phát sinh ra chủ nghĩa cá nhân" [20, tr.13-14]. Socrates đã chú ý đến sự phát triển cá nhân của trẻ em, mỗi người đều có quyền và có những khả năng riêng để học tập, phát triển những điều mình muốn.

Ông chống lại quan niệm giáo dục áp đặt đứa trẻ theo chiều hướng bỏ quên chính mình, chìm đắm trong đám đông. Chính quan niệm giáo dục này giúp đứa trẻ tìm thấy chính mình và giá trị tiềm ẩn của mỗi cá nhân riêng biệt, đã làm ông đi ngược lại với quan niệm của xã hội đương thời. Socrate từng bị kết án tử hình vì tội hoạt động chống chế độ dân chủ chủ nô, vì chủ trương thay tôn giáo đương thời bằng một tôn giáo mới làm giảm hiệu lực của nhà nước. Những công dân thành phố A-ten có nhiệm vụ xử tội Socrate từ chối những công lao của ông trong việc giải phóng họ, ngược lại cho ông là phản động xúi dục tuổi trẻ chống lại họ. Những suy nghĩ về việc giáo dục của Socrates không phải vì mục đích giáo dục con người để phục vụ xã hội mà giáo dục là vì quyền và lợi ích của trẻ em. Những giá trị này trong tư tưởng của Socrates đã ảnh hưởng đến quan niệm giáo dục tôn trọng người học của J.J.Rousseau

Trong suốt bốn mươi năm, Socrate đã dạy cho người dân thành A-ten phải thấy rõ chính mình để hành động hợp với lẽ phải và lương tâm. Ông đã nỗ lực chống lại ảnh hưởng của những triết gia ngụy biện, hoài nghi tất cả và không tin tưởng bất cứ cái gì. Khi tất cả đều sụp đổ và chính những Thần Thánh của A-ten cũng có vẻ như bỏ rơi họ, người ta chỉ còn nghe được có một tiếng nói của ông, tiếng nói đem lại cho họ niềm tin vào một tương lai tươi sáng hơn thông qua việc rèn luyện đức hạnh. Chính bản thân ông cũng có những đức hạnh cao cả nhất, đó là tình yêu chân lý và sự can đảm dám nói lên chân lý này. Sống một cuộc đời nhiều ý nghĩa,

ông đã để lại cho nhân loại một tấm gương sáng cho tất cả những ai muốn hành nghề dạy học [Xem:20, tr.19-20]. J.J.Rousseau viết, "Socrates đề ra bổn phận là yêu tổ quốc, dân thành Sparte là những người sống tiết độ; trước khi Socrates ca ngợi sự tiết độ, trước khi ông định nghĩa đức hạnh" [53, tr.430].

Nhìn chung, triết lý của Socrates không mang tính hàn lâm, tư biện mà thật gần gũi với cuộc sống đời thường. Phương pháp của ông không mang tính cao siêu học thuật mà hiện diện ngay trong các cuộc tranh luận trên đường phố, trong nghị trường,.v.v… Quan điểm của Socrate về giáo dục qua tranh biện, đặc biệt là sự tiết độ có ảnh hưởng đến tư tưởng của J.J.Rousseau. Ông đã chú ý đến giáo dục đức hạnh, cụ thể là giáo dục để người học giữ vững sự tiết độ để tránh khỏi những cám dỗ của ham mê dục vọng.

Plato (427-347 TCN) là một triết gia vĩ đại của Hy Lạp cổ đại, những tư tưởng của ông đã đạt đến tầm cao, trở thành khuôn mẫu và có ảnh hưởng lớn đến thời đại của ông cũng như sau này. Triết gia cũng là người đầu tiên đưa ra quan niệm về một nền giáo dục có hệ thống dưới sự chỉ đạo của một tư tưởng triết học nhất quán và có vai trò lớn đối với giáo dục đương thời và ảnh hưởng tới nền giáo dục loài người trong nhiều thế kỷ sau này.

Quan điểm về giáo dục được Plato thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Cộng hòa*. J.J.Rousseau từng nhận xét, "Các vị muốn có một quan niệm về nền giáo dục công, xin hãy đọc Cộng hoà của Plato" [53, tr.36]. Đào tạo các công dân cho nhà nước lý tưởng là tư tưởng bao trùm của Plato trong tác phẩm này. Muốn có được nhà nước lý tưởng cần giáo dục các công dân ngay từ khi còn trẻ, giáo dục đóng vai trò quyết định hình thành nhân phẩm công dân tương lai. Plato nhấn mạnh đến tính định hướng của giáo dục, theo đó việc giáo dục không nên mang tính nhồi nhét tri thức

vào những chủ thể không có khả năng tiếp nhận nó mà cần phải theo hướng khai mở tri thức, làm cho những người có khả năng nhận biết để hướng tới chân lý.

Trong Hội thoại *Pháp Luật*, Plato cho rằng, việc giáo dục phải bắt đầu ngay từ khi con người còn nhỏ, để tạo nên thói quen và đam mê nghề nghiệp cho cuộc sống về sau. Giáo dục không nhất thiết chỉ có một cách duy nhất là tiếp xúc với sách vở thông qua suy luận đầu óc mà phải học nghề; học tập và làm việc qua con mắt và bàn tay, như ngày nay ta thường nói học đi đôi với hành. Plato bước đầu hiểu được tầm quan trọng của giáo dục thông qua sự trải nhiệm thực tế. Quan điểm này cũng đã ảnh hưởng đến J.J.Rousseau, "Đi du lịch giống như đi bộ, tức là đi du lịch giống như Thales, Plato…biết được những đặc sản của những vùng khí hậu ở những nơi mình đi qua" [53, tr.587]. Cuộc sống chỉ được mở rộng khi con người có sự trải nghiệm thực tế, thông qua trải nghiệm, con người sẽ học hỏi được kinh nghiệm và khám phá được nhiều tri thức mới trên thế giới.

Plato cho rằng cần phát triển con người toàn diện, tức hài hòa giữa thể xác và tâm hồn, do vậy, "giáo dục chia ra làm hai ngành: thể dục hay là luyện tập về thể xác và âm nhạc hay là sự trau dồi tâm linh. Tất cả các môn thể dục đều phải được rèn luyện để đối phó với chiến tranh" [50, tr. 829]. Plato không chỉ đề cao việc giáo dục thể chất trên lời nói mà bản thân ông đã trở thành một người mẫu mực trong rèn luyện, tương truyền ông là người có một thân hình vạm vỡ. Đối với việc giáo dục âm nhạc, theo Plato, âm nhạc đối với trẻ em chủ yếu là múa hát, còn lớn tuổi hơn thì học đàn lyre sẽ đem lại cho con người niềm vui thú, làm cho đầu óc con người thư giãn để tiếp nhận các môn học khác tốt hơn [Xem 61: tr.223].

Mục đích của việc học hai môn âm nhạc và thể dục đều hướng đến sự phát triển tâm hồn. Ở đây, Plato nhấn mạnh đến một nền giáo dục đức hạnh làm cho con người háo hức theo đuổi lý tưởng tuyệt hảo của người công dân, dạy bảo họ cai trị sao cho phải lẽ và đồng thời cũng biết vâng phục. Đây là các phẩm chất cần có của những người đứng đầu trong nhà nước lý tưởng. Như vậy, giáo dục trẻ là nhằm rèn luyện tính cách, học tập một cách cân đối, hài hoà giữa học và chơi. J.J.Rousseau viết: "Plato trong Cộng hoà, mà người ta tưởng rất khắc khổ, giáo dưỡng trẻ em bằng hội hè, trò chơi, ca hát, tiêu khiển; cứ như thế ông đã làm hết mọi điều khi đã dạy kỹ cho chúng biết vui chơi" [53, tr.128].

Tuy nhiên, Plato cho rằng, trẻ em cần chia thành các giai đoạn để giáo dục đạt sự hiệu quả cao, giai đoạn đầu tiên của giáo dục là sự rèn luyện tính cách nhờ đó học sinh biết tự chủ về tâm hồn và thể xác để trang bị cho họ chống lại những cám dỗ của giác quan. Để thực hiện điều đó, hai môn học đầu tiên phải dạy cho trẻ là môn âm nhạc và thể dục. Giai đoạn thứ hai của giáo dục là đưa vào các môn học tri thức trừu tượng như: Thiên văn học, số học, hình học. Trong số các môn khoa học và nghệ thuật thì toán học được coi là đứng đầu, đồng thời là một dạng lý tưởng mà các môn nghệ thuật và khoa học hướng đến. Môn Thiên văn học được hiểu là khoa học về chuyển động học một cách thuần túy và nó có ý nghĩa ứng dụng nhiều hơn lý thuyết.

Nhìn chung, quan niệm về giáo dục của Plato đang hướng đến cho một bộ phận tầng lớp quý tộc trong xã hội chứ không phải là nền giáo dục toàn dân. Quan niệm về phương pháp "học đi đôi với hành" cũng như học tập kết hợp với vui chơi giải trí của Plato chính là những cơ sở đầu tiên để J.J.Rousseau kế thừa trong tư tưởng của ông về phương pháp giáo dục.

Aristotle (384-322 TCN) là nhà bách khoa toàn thư và là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của triết học Hy Lạp cổ đại. Ông đã để lại

cho hậu thế một kho tàng văn hóa đồ sộ với trên 150 tác phẩm về nhiều lĩnh vực khác nhau như: Tự nhiên học, Triết học, Logic học, Tu từ học, Chính trị học, Đạo đức học, v.v… Trong đó, tư tưởng về giáo dục giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Aristotle. Mặc dù ông không có tác phẩm riêng bàn về giáo dục nhưng chính các quan điểm của ông về chính trị, đạo đức là cơ sở cho tư tưởng về giáo dục của ông.

Điểm xuất phát cho quan điểm về giáo dục của Aristotle là quan niệm của ông về bản chất con người. Tinh thần và nội dung căn bản trong quan điểm của Aristotle về bản chất con người chính là khía cạnh chính trị của nó - cái làm cho sự tồn tại của nó khác về chất so với tất cả các loài động vật khác. Cái không công dân, phi chính trị không phải là một con người. Ai không biết những lợi ích của đời sống công dân và không chấp nhận những quy tắc của nó là điều tồi tệ nhất [Xem: 82]. Để có một xã hội lý tưởng thì cần phải có những công dân đạo đức, với quan điểm này, "cả Aristotle và J.J.Rousseau đều cố gắng đề xuất một nền luân lý liên quan đến việc giáo dục công dân và đạo đức phải được giải quyết như thế nào"[2] [81, tr75].

Trong quan niệm về đức hạnh, Aristotle cho rằng, ở con người có hai đức hạnh cơ bản là đức hạnh trí tuệ và đức hạnh luân lí: "Đức hạnh hiện ra dưới hai vẻ, một vẻ trí tuệ, một vẻ luân lí; đức hạnh trí tuệ một phần lớn từ học thức mà ra và cần học thức để biểu lộ và phát triển; cho nên nó đòi hỏi sự thực hành và thời gian, còn đức hạnh luân lí là con đẻ của thói quen tốt" [2, tr 58]. Như vậy, đức hạnh trí tuệ phụ thuộc phần lớn vào học vấn đã tiếp thu được, cả cho sự sản sinh, sự lớn lên và do vậy,

[2] "In this way, both Aristotle and Rousseau make an attempt to propose a modal concerning how moral and civic education ought to be dealt with".

đức hạnh ấy cần đến kinh nghiệm và thời gian; còn đức hạnh luân lí là sản phẩm của tập quán và không có một đức hạnh luân lí nào được sản sinh do tự nhiên (mang tính bẩm sinh). Rõ ràng, theo quan điểm của Aristotle thì muốn trở thành người tốt thì phải tiếp nhận một sự giáo dục đạo đức. Theo nghĩa này, "giống như J.J.Rousseau, Aristotle nhấn mạnh ý tưởng rằng bối cảnh giáo dục nên dựa trên nền tảng của đạo đức"[3] [81, tr.75].

Aristotle rất quan tâm đến giáo dục thể chất, coi đó như nền tảng để tiến hành các bước giáo dục tiếp theo, ông viết: "Việc huấn luyện thể chất phải đi trước việc huấn luyện về tinh thần, thứ đến là việc huấn luyện để kiềm chế những hành vi bản năng, nhằm để phát triển lý trí. Và việc huấn luyện thể chất nói chung, nhằm để phát triển tâm trí" [dẫn theo 61, tr.330]. Ông lưu tâm rằng, các nhà lập pháp cần phải lưu tâm đến việc nuôi nấng trẻ con trong quốc gia sao cho chúng sẽ có tầm vóc khỏe mạnh nhất. Aristole rất quan tâm đến giáo dục ban đầu, bắt đầu từ thể chất của cha mẹ, bởi theo ông, cha mẹ có khỏe thì mới sinh con ra cứng cáp, đồng thời tuổi kết hôn và tuổi sinh nở của người mẹ có ý nghĩa quyết định đến sức khỏe người con. Triết gia khuyên mọi người không nên kết hôn quá sớm (dưới 20 tuổi), cũng không quá muộn (trên 35 tuổi), đặc biệt Aristole quan tâm đến sự chênh lệch giữa tuổi của người chồng và người vợ (từ 10 - 17 tuổi) để đảm bảo nhu cầu hòa hợp sinh lý giữa người chồng và người vợ.

Trong việc giáo dục trẻ, thực hành phải được dạy trước khi dạy lí thuyết và thể dục được dạy trước trí dục. Môn thể dục thể thao, đối với trẻ em, nên là những vận động thân thể nhẹ nhàng, tránh những chế độ ăn uống kiêng khem. Mặc dù Aristotle coi huấn luyện thể chất là công việc

[3] "like Rousseau, Aristotle stresses the idea that educational context should be grounded in vỉtue".

đầu tiên, tuy nhiên, không có nghĩa là ông tuyệt đối hóa nội dung giáo dục này. Ông nhắc nhở, "nếu phụ huynh chỉ dốc lòng cho con em mình tập luyện thể thao mà sao nhãng việc giáo dục những gì cần thiết thì đã làm cho chúng trở thành phàm phu tục tử" [2, tr.420]

Tóm lại, trong quan niệm giáo dục mang sắc thái của triết học Hy Lạp cổ đại, đã xuất hiện sớm trong các tư tưởng của Socrate, Plato và Aristotle. Các nhà tư tưởng này đã cố gắng tìm cách đưa ra các học thuyết giáo dục để rèn luyện con người một cách toàn diện và hướng tới việc xây dựng, phát triển đất nước. Socrate đưa ra lý luận giáo dục qua tranh biện, truy vấn và giáo dục đạo đức. Plato hướng tới giáo dục con người về mặt thể chất và âm nhạc, học tập khoa học kết hợp với giải trí để sống một cuộc đời vừa tốt lại vừa hạnh phúc. Còn Aristotle hướng một nội dung giáo dục có hệ thống, tương đối đầy đầy đủ về đức hạnh, trí lực và thể chất. Đây là những tiền đề lý luận quan trọng cho việc hình thành và phát triển quan niệm về giáo dục sau này. J.J.Rousseau đã kế thừa những quan niệm của các bậc tiền bối cổ đại một cách sâu sắc theo cách riêng cho tư tưởng triết học giáo dục của mình.

2.2.2. Quan niệm về giáo dục của I.A.Comenxki

I.A.Comenxki (1592-1670) – nhà sư phạm lỗi lạc người Tiệp Khắc đã có những cống hiến rất quý báu cho sự nghiệp giáo dục. Ông thực sự xứng đáng với danh hiệu là thuỷ tổ của nền giáo dục dân chủ nói chung và đã ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng, trong đó có ảnh hưởng đến quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau. Comenxki cho rằng, chỉ có giáo dục mới làm cho con người trở thành một con người đúng nghĩa. Đối với sự phát triển xã hội, ông phê phán những tệ nạn xấu xa như: sự áp bức, bất công, cường quyền, bạo lực trong xã hội; sự phân chia độc quyền trong xã hội. Ông kêu gọi cải tạo xã hội, xoá bỏ sự bất công bằng con đường giáo dục. Có thể phát triển xã hội thông qua xây dựng, mở mang trường học, mang

lại học vấn, tri thức cho mọi người. Đối với sự phát triển cá nhân, Comenxki đánh giá cao vai trò của giáo dục, của tri thức đối với sự hình thành và phát triển cá nhân.

Một trong những quan điểm giáo dục của Comenxki là coi sự phát triển của con người phải tuân theo những quy luật phổ biến của tự nhiên. Ông coi giáo dục như là một bộ phận của tự nhiên, giáo dục cũng phải diễn ra theo những quy luật nhất định, dựa trên quy luật phát triển của tự nhiên. Trẻ em được học và rèn luyện một cách tự nhiên, người thầy chỉ có vai trò hướng dẫn. "Thầy dạy ít hơn, nhưng học sinh học được nhiều hơn... để trong trường học không có tiếng kêu la, không có cảm giác sợ và sự lao động bỏ ra một cách vô ích mà chỉ có niềm vui và sự hi vọng đầy thành tích" [Dẫn theo 36, tr.45]. Từ quy luật của tự nhiên, việc giáo dục và dạy học cũng phải trang bị cho học sinh những cơ sở chung của các khoa học, trước khi đi sâu vào một khoa học chuyên ngành. Nói cách khác, việc trang bị những kiến thức phổ thông trước khi đi vào kiến thức chuyên sâu là cần thiết để tạo nền tảng vững chắc cho trẻ. Mỗi môn khoa học đều phải dạy cho học sinh những nguyên lý cơ bản nhất, để học sinh có quan niệm chung, sau đó cho học sinh thấy những ví dụ, quy tắc cụ thể, hệ thống đầy đủ kiến thức. Chính những quan niệm về giáo dục phù hợp với tự nhiên này đã ảnh hưởng đến nhiều nhà giáo dục sau này, trong đó có J.J.Rousseau, "một số nhà lý thuyết giáo dục hiện đại đã dựa theo Comenxki với chủ nghĩa tự nhiên như Rousseau, Pestalozzi và Spencer, vì họ đều thấy nhiều điều tốt đẹp ở trẻ em và tự nhiên"[4] [98, tr.153]. J.J.Rousseau đã kế thừa tư tưởng giáo dục từ Comenxki và tiếp tục phát triển quan điểm giáo dục chính là quá trình phát triển tự nhiên của trẻ một cách cụ thể và có hệ thống hơn.

[4] "Some modern educational theorists are based on Comenius with Naturalism, such as Rousseau, Pestalozzi and Spencer, since they all saw much good in children and nature".

Comenxki đã phân chia giáo dục thành bốn giai đoạn phù hợp để giáo dục trẻ em: trường Mẫu giáo, giáo dục trẻ em trong gia đình cho đến hết sáu tuổi, ở thời kỳ này cần rèn luyện giác quan của trẻ để chúng nhận thức được thế giới bên ngoài, tạo điều kiện cho trẻ được phát triển mọi khả năng của chúng; trường Quốc ngữ dạy trẻ em từ bảy tuổi đến hết mười hai tuổi, phải rèn luyện trí tưởng tượng và ký ức cho trẻ; trường La-tinh dạy học sinh từ mười ba tuổi đến hết mười tám tuổi, phải dạy cho thiếu niên ngữ pháp, tu từ học, toán học, thiên văn, lý luận về âm nhạc, để trau dồi thông minh và óc phán đoán của trẻ; trường Đại học đón những thanh niên từ mười tám tuổi đến hai mươi tư tuổi, hun đúc trí lực cho thanh niên và dạy triết học, y học, luật học, v.v.., dùng phương pháp đi du lịch để mở rộng tầm mắt của học sinh [Xem: 21, tr. 92].

Comenxki đặc biệt quan tâm đến giáo dục đạo đức, theo ông, có ba nhóm đạo đức cần giáo dục cho học sinh. Nhóm 1, những nét nhân đạo, tính tự chủ, tính chính nghĩa, tính từ thiện, tính hào hiệp, tính thẳng thắn, tính công bằng, cư xử có lễ độ. Comenxki gợi ý đây là những nét sức mạnh tinh thần. Nhóm 2, những nét về thực tiễn đời sống, học sinh phải tập làm quen với lao động, có sức kiên nhẫn, chịu đựng lâu dài, nhẫn nại trong lao động, có tình yêu đối với lao động. Nhóm 3, những quy tắc hành vi có tính văn hoá, sạch sẽ, chỉnh tề, ý thức, tự chủ, khiêm tốn, giữ gìn phẩm cách. Để giáo dục đạo đức có hiệu quả, ông yêu cầu, xã hội phải có trình độ học vấn cao, phải tạo nên một dư luận xã hội tốt và cần biên soạn chương trình, tài liệu về công tác giáo dục đào tạo.

Nhìn chung, chính những tư tưởng của Comenxki về giáo dục là quá trình phát triển tự nhiên đã ảnh hưởng đến tư tưởng của J.J.Roussesu về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục. J.J.Rousseau đã xác định bản chất cũng như hiểu tâm sinh lý của trẻ em qua các giai đoạn để có nội dung và phương pháp phù hợp. Trong học thuyết giáo dục, ông đã phân

chia các giai đoạn để giáo dục trẻ em, điều này thể hiện ngay trong tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*. Tuy nhiên, để giáo dục trẻ một cách đầy đủ và cụ thể, vẫn trên nền tảng phân chia giai đoạn giáo dục trẻ em của Comenxki, J.J.Rousseau đã chia việc giáo dục trẻ thành năm giai đoạn với những nội dung và phương thức có tiến bộ hơn.

2.2.3. Quan niệm về giáo dục của John Locke

John Locke (1632-1704) – là đại biểu của giai cấp tư sản và quý tộc đang lên ở nước Anh sau cuộc cách mạng (1640-1688). *Về phương diện chính trị xã hội,* ông là đại biểu của giai cấp tư sản mới lên, bênh vực cho tự do, nhân quyền, tư hữu tài sản. Ông nhận định rằng loài người trong trạng thái tự nhiên là tự do và bình đẳng. Về phương diện giáo dục, Locke đã đưa ra nhiều kiến giải mới đối với thời đại của ông. Trước hết, ông tin tưởng vào hiệu quả của giáo dục "chín mươi phần trăm những người ta gặp, những người này tốt hay xấu, hữu dụng hay vô tích sự, đều do giáo dục mà ra cả" [38, tr.2]. Mục đích của giáo dục là đào tạo những con người phong nhã, có tài năng, hoạt bát, lanh lợi, lịch thiệp, đặc biệt là có đức hạnh "tôi đặt đức hạnh lên hàng đầu của các đức tính mà một con người, có học hay không, cũng cần có" [38, tr.63]. Giáo dục có vai trò đảm bảo hạnh phúc của mỗi cá nhân. Thông qua giáo dục, mỗi người phải được rèn luyện để có một thân thể khoẻ mạnh. Ông muốn trẻ em phải có kiến thức để biết cách vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Locke muốn xây dựng nên những con người khai phóng, để sống trong một xã hội mới không thể nào khác được là phải đề ra một nội dung giáo dục sát thực và toàn diện. J.J.Rousseau cho rằng, "Locke muốn người ta bắt đầu bằng nghiên cứu tinh thần rồi tiếp theo mới nghiên cứu thể xác" [53, tr.350]. Một thân thể khoẻ mạnh chỉ được tạo nên trên một

tinh thần tự do, phóng khoáng. Theo ông, giáo dục con người cần được rèn luyện qua ba nội dung chính là giáo dục thể lực, giáo dục đạo đức và giáo dục trí lực. Ba nội dung giáo dục trên cần được thực hiện một cách hài hoà, vì chúng sẽ bổ sung cho nhau trong việc giáo dục trẻ "một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện, đây là một câu nói ngắn gọn, miêu tả thế nào là hạnh phúc trên cõi đời này" [38, tr.1]. J.J.Rousseau cũng cho rằng, Locke muốn giáo dục con người để xây dựng một tinh thần tốt trên cơ sở một thể chất khoẻ mạnh, "Locke hiền mình, Rollin nhân hậu, Fleury uyên bác, hết sức khác biệt nhau về mọi điều còn lại, song tất cả đều nhất chí ở riêng một điểm là rèn luyện thân thể cho trẻ em thật nhiều" [53, tr.156]. Bên cạnh đó, Locke còn quan niệm nội dung giáo dục bao gồm những môn học hữu ích nhất, phục vụ trực tiếp và tích cực các yêu cầu của thời đại, của giai cấp tiến bộ nhất và của bản thân mỗi cá nhân trong xã hội. Nói cách khác, tiêu chuẩn để lựa chọn các môn học là sự hữu ích. Từ đó ông xây dựng chương trình học mang tính bách khoa với nhiều môn học như môn quốc văn, môn tập đọc, tập vẽ, môn sinh ngữ, môn lịch sử, môn kinh tế, pháp luật. Ông nhấn mạnh, chương trình học rộng rãi không có nghĩa là trẻ em chỉ cần biết sơ lược về tất cả, điều quan trọng là trẻ em sẽ chỉ chú ý tới những gì ích lợi nhất ở ngoài đời. Trong tư tưởng triết học giáo dục của mình, J.J.Rousseau đã tiếp thu những yếu tố hợp lý của Locke như nội dung giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục qua lao động, cơ sở khoa học của giáo dục trẻ em là phát huy các đặc điểm cá nhân phản đối giáo dục roi vọt, nguyên tắc giáo dục nhằm khơi dậy lòng ham mê kiến thức đối với trẻ.

Để xây dựng con người, theo Locke "giáo dục phải dân chủ, cởi mở, phóng khoáng" [dẫn theo 22, tr.81]. Ông lên án giáo dục bằng sự trừng phạt thể xác vì những trừng phạt này làm cho tính tình trẻ trở thành nô lệ. Ông ca ngợi sự trừng phạt cần kín đáo để tránh chạm vào lòng tự ái của

trẻ. Đồng tình với Locke, J.J.Rousseau cũng cho rằng, "những đứa trẻ nào bị trừng phạt nhiều nhất rất ít có khả năng trở thành những con người tốt" [53, tr.22]. Giáo dục phải tin vào nơi trẻ, giúp trẻ tự tin bước vào đời sống xã hội. Với giáo dục trẻ, ông luôn dịu dàng và ôn hoà, giáo dục cần tìm hiểu trẻ, mỗi đứa trẻ có một tâm lí riêng mà chúng ta phải tìm hiểu để thích nghi tác động vào giáo dục. Locke cho rằng, không có vấn đề nhồi nhét vào trẻ em với những gì mà nó không thích hoặc không bao giờ nghĩ tới trong suốt cuộc đời của chúng. Locke đề cao dạy học cá nhân, tốt hơn nên dạy dỗ đứa trẻ ở nhà bởi thầy dạy kèm, dưới sự kiểm soát của người cha, nó sẽ đức hạnh hơn, khiêm nhường hơn và được kính trọng hơn.

Nhìn chung, Locke là nhà khai sáng nổi tiếng của phương Tây về các quan điểm dân chủ, bình đẳng để thoát khỏi những xiềng xích trói buộc con người và là bậc tiền bối của J.J.Rousseau. Locke đã thấy được hạt nhân quan trọng trong việc xây dựng và phát triển trẻ em theo khuynh hướng tự nhiên. Đặc biệt, ông đã thấy được vai trò của kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục để xác định vai trò quan trọng của quá trình tương tác giữa thầy và trò. Để trẻ hiểu và nắm bắt được vấn đề, người thầy phải hướng trẻ đến những hành động, thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Locke đã đem lại một số kiến giải tiến bộ đã ảnh hưởng đến J.J.Rousseau như: phủ nhận tư tưởng tiên thiên, coi trọng tác dụng của giáo dục, chú ý đến giáo dục khai phóng, lên án kỷ luật roi vọt, đề ra những nguyên tắc giảng dạy hợp với tâm lý của trẻ em.

2.2.4. Quan niệm về giáo dục của một số nhà Khai sáng Pháp

Khi nói đến những tiền đề lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, không thể không nói đến những tác động của tinh thần chung của phong trào Khai sáng và sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nhà tư tưởng Khai sáng Pháp.

Tư tưởng triết học Khai sáng Pháp có một số đặc điểm chung như sau. Thứ nhất, tư tưởng Khai sáng thể hiện chủ nghĩa duy lý với niềm tin sâu sắc vào các khả năng vô hạn của lý tính trong việc nhận thức và biến đổi thế giới hay với tính cách là một thẩm quyền tối cao đối với việc giải quyết mọi vấn đề của xã hội. Thứ hai, sự hình thành các xu hướng triết học duy vật gắn liền với sự phát triển các quan niệm tự nhiên thần luận về thế giới, đặc biệt xu hướng bác bỏ quyền lực vô hạn của nhà nước và giáo hội và đề cao khát vọng giải phóng cá nhân khỏi những hạn chế về đẳng cấp và tôn giáo. Đó chính là xu hướng tự do tư tưởng, chống chủ nghĩa giáo điều, chống chủ nghĩa giáo quyền. Thứ ba, sự hình thành quan niệm mới về lịch sử xã hội và xu hướng dân chủ gắn liền với việc tiếp cận đến với văn hóa và tri thức của các tầng lớp xã hội khác nhau hay với quá trình khai hóa đối với quần chúng nhân dân.

Với những đặc điểm đó, tư tưởng Khai sáng Pháp như của D. Diderot, F. Voltaire, B. Holbach, C. Montesquieu, C.A. Helvetius, v.v. đã có tác động nhất định đến sự hình thành và phát triển của tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau và đã ảnh hưởng đáng kể đến Đại cách mạng Tư sản Pháp 1789.

Để hiểu rõ hơn về triết học Khai sáng Pháp với tính cách là tiền đề tư tưởng cho sự ra đời triết học giáo dục của J.J.Rousseau, có thể xem xét khái lược tư tưởng giáo dục của một số nhà Khai sáng Pháp khác đến J.J. Rousseau.

Ch.S.Montesquieu (1689-1755), triết gia Khai sáng của Pháp cho rằng: nguyên tắc về giáo dục là một trong những nhân tố quan trọng, vì, giáo dục chuẩn bị cho cuộc sống công dân, mỗi gia đình riêng lẻ phải được điều hành bởi một kế hoạch chung rộng lớn bao trùm lên tất cả. Giáo dục sẽ đào tạo nên những công dân sống trong xã hội của một thể chế chính trị nhất định, các nguyên tắc giáo dục được quy định bởi thể

chế chính trị đó. Theo Montesquieu, trong xã hội quân chủ, danh dự đóng một vai trò quan trọng, danh dự có một số nguyên tắc tối thượng mà người có giáo dục phải tuân thủ. Nguyên tắc quan trọng nhất là được phép định giá cho tài sản nhưng không được phép định giá cho cuộc sống; nguyên tắc thứ hai là khi được thăng chức tước, người có giáo dục không bao giờ được phép thể hiện rằng họ không xứng đáng với vị trí đó; nguyên tắc thứ ba là có một số điều mà danh dự đã cấm ngặt thì đó là những thứ không bao giờ được màng tới, dù luật pháp không ngăn cấm [Xem:22, tr.47]. Montesquieu đã sớm tỏ thái độ phê phán chế độ chuyên chế và nền giáo dục. Nếu giáo dục trong chế độ quân chủ ca tụng trí tuệ thì các nhà nước chuyên chế tìm cách hạ thấp nó. Trong khi đó, ông ủng hộ chế độ cộng hòa cùng giáo dục. Chính trong thể chế cộng hòa, giáo dục mới phát huy được toàn bộ sức mạnh của nó. Giá trị mà giáo dục đem lại có thể được hiểu là tình yêu đối với luật pháp và với đất nước. Tình yêu này đòi hỏi cả lợi ích công cộng lẫn riêng tư nên nó là nguồn gốc của mọi giá trị cá nhân. Trên cơ sở những ý tưởng Khai sáng cùng thời đại, J.J.Rousseau đã học hỏi từ Montesquieu về quan điểm coi nhiệm vụ của giáo dục là đào tạo những công dân mẫu mực phù hợp với một xã hội nhất định và hướng tới quyền tự do, hạnh phúc cho những công dân sống trong xã hội ấy.

C.A.Helvetius (1715-1771) – nhà triết học duy vật Pháp, ông cho rằng giáo dục là vạn năng, bằng giáo dục, người ta có thể cải biến tư tưởng con người và nhờ đó cải biến được xã hội. Giáo dục sẽ đào tạo những con người yêu nước, những người biết kết hợp hạnh phúc cá nhân với sự phồn vinh của dân tộc. Giáo dục có thể đào tạo cả những nhân tài. Ông kiên quyết đấu tranh chống ảnh hưởng của tôn giáo trong nhà trường và cực lực phản đối sự gò bó của chủ nghĩa kinh viện. Helvetius rất coi trọng tính tích cực và tính tự giác của trẻ em. Tuy còn có nhiều lệch lạc

về giáo dục, song Helvetius đã có công lớn là can đảm tấn công mạnh mẽ vào thành luỹ kiên cố của phong kiến và tăng lữ. So với đương thời, những kiến giải của ông về giáo dục có những tiến bộ nhất định [Xem: 31, tr.78-80]. J.J.Rousseau cũng đã học hỏi nhiều điều từ quan điểm về giáo dục của Helvetius như: giáo dục con người về lòng yêu nước và coi trọng tính chủ động, tự giác của người học.

Tóm lại, các nhà Khai sáng Pháp đã phê phán các quan niệm biện hộ cho chế độ chuyên chế phong kiến và đều đồng tình cải cách xã hội phải thông qua giáo dục để nâng cao dân trí cho con người. Các nhà tư tưởng Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đã kế thừa và đánh giá lại các giá trị truyền thống, phê phán một cách gay gắt các quan niệm cũ về con người và giáo dục. Tâm thế và tinh thần chung của phong trào Khai sáng Pháp có ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng triết học giáo dục của từng nhà tư tưởng, trong đó có J.J.Rousseau. Tư tưởng giáo dục tiến bộ của ông chính là "tuyên ngôn giải phóng tuổi trẻ" với lý luận đòi quyền tự do cho con người cá nhân ở lứa tuổi thiếu niên và mang tinh thần nhân đạo, nhân văn cao cả.

2.3. J.J.Rousseau: cuộc đời và tác phẩm

2.3.1. Cuộc đời của J.J.Rousseau

J.J.Rousseau sinh ngày 28/6/1712 ở thủ đô Geneve, lúc đó là một thành phố kiêm quốc gia và là một thành phần của Liên minh Tin lành trong liên bang Thụy Sĩ. Kể từ năm 1536, Geneve đã là quốc gia Huguenot[5] và là cội nguồn của thần học Calvin. Năm thế hệ trước của J.J.Rousseau là ông cố Didier, một người bán sách có thể đã xuất bản các tác phẩm đề cao đạo Tin lành, để tránh bị Công giáo Pháp truy tố, đã chạy trốn tới Geneve vào năm 1549, tại đó ông đã trở thành một thương gia

[5] Huguenot là những tín hữu Kháng Cách tại Pháp chấp nhận nền thần học Calvin. Thuật từ này có từ đầu thế kỷ 16 và thường được dùng để gọi những người thuộc Giáo hội Cải cách Pháp

buôn rượu vang. J.J.Rousseau rất tự hào rằng cả gia đình của ông đã từng là gia đình trung lưu, có quyền bầu cử trong Geneva. Nhiều cuộc thảo luận đã tranh luận về tính hợp pháp của quyền lực những Hội đồng trên có được, nội dung tranh luận thường bị giới cầm quyền chế giễu. Trong năm 1707, Pierre Fatio là một nhà cải cách dân chủ ở Thụy Sĩ phản ứng nói rằng, một quyền lực tối cao mà không có hành động tương xứng thì chỉ là một ảo tưởng. Fatio sau đó bị bắn theo lệnh của Tiểu Hội đồng. Isaac, cha của Jean-Jacques Rousseau lúc đó không có mặt trong thành phố, nhưng ông nội của J.J.Rousseau đã ủng hộ Fatio và đã phải trả giá. Trong năm 1699, Isaac đã vướng vào bê bối chính trị khi tranh luận với một sĩ quan người Anh. Sau khi các quan chức địa phương tới nơi, Isaac đã bị trừng phạt, vì Geneve đặc biệt quan tâm và gìn giữ các liên hệ của thành phố với sức mạnh nước ngoài. Những dữ liệu trên cho thấy, các thế hệ trên của J.J.Rousseau đều là những người dũng cảm và có tinh thần yêu nước, muốn đấu tranh đòi quyền tự do, bình đẳng cho người dân.

J.J.Rousseau mồ côi mẹ ngay khi ra đời được ít ngày, ông đã sống trong sự đùm bọc và nuôi dạy của người cha trong mười năm tuổi thơ. Mười hai tuổi, J.J.Rousseau phải kiếm sống bằng đủ thứ nghề. Mười sáu tuổi, trốn nhà từ Geneve lên Turin. Từ đó bắt đầu cuộc đời phiêu bạt, mà những phút giây yên ổn, hạnh phúc là ngoại lệ. Làm đủ thứ chuyện (khoa học, xã hội, nghệ thuật), nhưng chủ yếu bằng nghề chép nhạc. Ông cũng tỏ ra rất đau khổ và nhiều lần biện bạch: cuộc sống quá bấp bênh, không có lối thoát. Năm hai mươi tuổi, J.J.Rousseau gặp Francoise-Louise de Warens và được bà coi như người tình. Francoise-Louise de Warens có một thư viện lớn và đã giới thiệu ông vào thế giới của những ý tưởng. Vì vậy, J.J.Rousseau đã có cơ hội được rèn luyện và nghiên cứu về âm nhạc, văn học cùng những tư tưởng triết học, chính trị. Năm 1728, ông rời Geneve khi mười sáu tuổi, lưu lạc đến nhiều nơi, làm nhiều nghề để sinh

sống. Ông vừa làm việc, vừa tự học bằng cách đọc nhiều sách báo, nhất là sách về triết học, chính trị, xã hội. J.J.Rousseau là thư ký cho Đại sứ Pháp tại Venezia từ 1743-1744. Sau đó ông về Pháp đã kết hôn với Therese Levasseur và có năm người con. Ông cũng từng tâm sự về cuộc sống với Therese Levasseur : "Therese là niềm an ủi duy nhất và có thực mà Trời đã ban cho tôi trong cảnh cùng khổ, và chỉ riêng niềm an ủi ấy đủ giúp tôi chịu đựng được cuộc đời" [77, tr.155]. Tuy nhiên, ông không nuôi được các người con của mình, ông đều bỏ cho trại trẻ mồ côi nuôi [Xem 56, tr.11].

Năm 1746, ông làm bạn với Diderot và có đóng góp cho tập *Bách khoa thư* với các bài về âm nhạc và quan trọng nhất là bài về kinh tế chính trị. Ông đã từng phát minh ra một ký âm pháp mới mẻ cho âm nhạc, suốt cuộc đời ông sống bằng nghề chép nhạc. Sau khi công bố các tác phẩm bênh vực quyền tự do, bình đẳng của con người, ông nổi tiếng khắp châu Âu đồng thời luôn bị truy nã về chính trị. Ông sống cuộc đời lưu vong ở Ý, Thụy Sỹ, Pháp và Anh. Ông đã qua đời vì xuất huyết não vào ngày 2 tháng 7 năm 1778 tại ngôi làng nhỏ Ermenonville thuộc quận Oise. Thi hài ông được chôn cất trên hòn đảo nhỏ Ile des Peupliers – đảo Bạch Dương – tại Ermenonville (hòn đảo này sau được gọi là Elysée). Mười sáu năm sau, khi cách mạng tư sản Pháp thành công (1794), nhân dân Pháp đã rước di hài ông về cải táng tại điện Patheon – nơi chôn cất các danh nhân làm rạng rỡ nước Pháp [Xem 52, tr.25].

Có thể nói tư tưởng của J.J.Rousseau bắt nguồn từ những trải nghiệm đầy cay đắng và dằn vặt của bản thân ông trong bối cảnh xã hội đương thời. Bằng những dữ kiện chính, tác giả luận án sẽ phân tích hành trình tư tưởng của ông qua các tác phẩm, nhấn mạnh đến *Émily hay là về giáo dục*.

2.3.2. Sự nghiệp sáng tạo của J.J.Rousseau

Sự nghiệp sáng tạo lý luận của J.J.Rousseau thực sự bắt đầu vào năm 1742 khi ông chuyển tới sống ở Paris. Cùng thời gian này, ông viết tác phẩm đầu tay "Kiến nghị lập bản ký âm kiểu mới cho âm nhạc". Ông gửi bản kiến nghị này lên Viện Hàn lâm Khoa học Paris nhưng không được thông qua, vì phương pháp ghi âm mới của J.J.Rousseau rắc rối hơn cách ghi nốt nhạc đương thời.

Năm 1749, J.J.Rousseau viết luận văn *Luận về khoa học và nghệ thuật* để tham dự cuộc thi do Viện Hàn lâm Khoa học Dijon tổ chức với chủ đề: "Việc chấn hưng khoa học và nghệ thuật có góp phần làm cho phong tục thuần khiết hay không?". Trong luận văn này, J.J.Rousseau cho rằng khoa học nghệ thuật chân chính không làm băng hoại phong tục tập quán mà trái lại thúc đẩy cuộc sống phát triển. Vấn đề cơ bản còn lại là ác ý của những người lợi dụng khoa học nghệ thuật để truyền bá lối sống xa hoa, trụy lạc. Luận văn của ông được Viện Hàn lâm Khoa học Dijon trao giải thưởng (1750). Từ sự kiện này, J.J.Rousseau bắt đầu nổi tiếng, ông được bạn bè có tư tưởng cấp tiến ca ngợi, nhưng cũng bị không ít kẻ mang tư tưởng bảo thủ, đặc biệt là tầng lớp quý tộc tẩy chay và lên án. Cuộc tuyên chiến của nhà tư tưởng với thế lực bảo thủ, phản tiến bộ bắt đầu trên cả phương diện báo chí lẫn trong cuộc đời thực.

Năm 1753, J.J.Rousseau viết luận văn *Về nguồn gốc bất bình đẳng* để tiếp tục tham gia cuộc thi do Viện Hàn lâm Khoa học Dijon tổ chức với chủ đề "Nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa người với người là gì? Nó có phù hợp với luật tự nhiên hay không?". Lần này, ông đã trực diện - phê phán xã hội đương thời. Với những bằng chứng lịch sử đầy thuyết phục, những lập luận logic khoa học và tính sắc bén của tinh thần phê phán, J.J.Rousseau đã chứng minh rằng bất bình đẳng không phải là một hiện tượng tự nhiên mà là một hiện tượng xã hội. Bản luận văn như một lời thách thức chế độ đương thời và lên án tầng lớp quý tộc. Vua Louis

XV khi đọc luận văn đã tức tối gọi J.J.Rousseau là gã dân đen khốn nạn dám trổ tài múa bút đòi tự do giữa thành phố Paris. Ngay cả Voltairre, một nhà tư tưởng cấp tiến, người lâu nay J.J.Rousseau coi là bạn cũng lên tiếng phản đối ông. Để bảo vệ bản thân cũng như chờ cho dư luận dịu lắng, J.J.Rousseau đến sống ẩn dật ở Montmorency, một vùng ngoại ô hẻo lánh phía Bắc Paris, trong một ngôi nhà nhỏ bỏ hoang của một ẩn sĩ đã quá cố từ lâu [Xem:19, tr.31].

Tháng 1/1761, ông cho ra mắt công chúng Pháp cuốn *Julie hay nàng Heloise mới* (Julie ou nouvelle Héloise). Tiểu thuyết này viết dưới dạng những bức thư trao đổi, kể về câu chuyện tình giữa nàng Julie, con gái một nam tước, với chàng gia sư Saint-Preux. J.J.Rousseau không chỉ đưa ra một quan điểm mới về tình yêu và tự do luyến ái, lên án kiểu hôn nhân cưỡng ép, ông còn lồng ghép vào tác phẩm này những giá trị triết học đặc sắc. Đó là những mô tả đậm chất trữ tình về cuộc sống bình dị mà nên thơ nơi thôn dã, khi con người hòa hợp với thiên nhiên, khi cái tôi trữ tình trong mỗi người được trở về với bản chất nguyên sơ thánh thiện trong chính mình. Ngay từ lần xuất bản đầu tiên vào năm 1761 và rất nhiều lần tái bản sau đó, câu chuyện mối tình éo le và trắc trở của đôi trai gái trong tác phẩm đã khiến nhiều thế hệ độc giả rung động và đồng cảm. Câu chuyện tình của nhân vật trong tác phẩm cũng là câu chuyện của những tâm hồn mạnh mẽ, khi phải lựa chọn lắng nghe trái tim hay tuân theo lý trí, để sống với tình yêu hay đầu hàng những khuôn phép, chuẩn mực khắc nghiệt của xã hội đương thời.

Tháng 4 năm 1762, tác phẩm có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất của J.J Rousseau – *Bàn về khế ước xã hội* (Du contrat social) đã được nhà xuất bản Michel Ray ở Hà Lan cho ra mắt độc giả. *Khế ước xã hội* là tên gọi vắn tắt của bản luận văn lớn của Jean Jacques Rousseau có tên *Bàn về khế ước xã hội hay là các nguyên tắc của quyền chính trị* (Du Contral social –

ou principes du droit politique). Sự ra đời của tác phẩm đã tạo nên bước ngoặt lớn trong cuộc đời ông. Trong cuốn sách này, mục đích của tác giả là muốn tìm xem trong trật tự dân sự có tồn tại một số quy tắc cai trị chính đáng và có tồn tại luật pháp đúng với ý nghĩa chân thực của nó hay không? Tuy nhiên, khi mới xuất bản thì tác phẩm này đã bị chính quyền xếp vào danh mục các tác phẩm nguy hiểm và tác giả của nó phải sống lưu vong. Mặc dù vậy, ngay sau khi *Bàn về khế ước xã hội* được xuất bản một tháng, tháng 5 năm 1762, J.J.Rousseau tiếp tục cho ra mắt công chúng Pháp cuốn tiểu thuyết thứ hai của ông – *Émile hay là về giáo dục*[6] (Émile ou de I'éducation), một tiểu thuyết với nhân vật hư cấu là cậu bé Émile được viết theo phong cách hòa quyện giữa văn chương và triết lý. Việc giáo dục Émile nhằm mục đích đào tạo con người tự do, có khả năng tự bảo vệ, chống mọi sự gò ép khiên cưỡng; muốn vậy, chỉ có cách là tôn trọng tự do của trẻ.

Toàn bộ tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* được kết cấu thành 5 quyển tương ứng với 5 giai đoạn phát triển nhân cách của Émile từ khi ra đời đến độ tuổi trưởng thành (tuổi 25). Quyển I (Giai đoạn Émile từ 0 đến 2 tuổi), kể về giai đoạn bé Émile từ lúc chào đời đến lúc học nói. Quyển II, cậu bé Émile đang ở lứa tuổi nhi đồng, khoảng từ 2 đến 12 tuổi. Quyển III (Giai đoạn Émile từ 12 đến 15 tuổi): cậu bé Émile được giáo dục chẳng những qua sách vở, qua kinh nghiệm cuộc sống, mà còn được học kiến thức thực nghiệm hướng nghiệp cho nghề nghiệp tương lai. Quyển IV (15 đến 20 tuổi: tuổi của lý trí và những đam mê): cậu bé cần được hưởng nền giáo dục đạo đức (trong đó có cả giáo dục giới tính, giáo dục thẩm mỹ, v.v…) và giáo dục tôn giáo để bước vào thế giới của người lớn mà không ngỡ ngàng, vấp váp. Quyển V (Émile 20 đến 25 tuổi - độ tuổi

[6] Ở Việt Nam, năm 1963, tác phẩm *Émile hay là về giáo dục* [42] của J.J.Rousseau lần đầu tiên được dịch sang tiếng Việt. Năm 2008, tác phẩm này được hai dịch giả Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương dịch, nhà xuất bản Tri Thức phát hành. Năm 2010, tác phẩm được Nhà xuất bản Tri Thức tái bản

khôn lớn và hôn nhân): J.J.Rousseau kể chuyện về Sophie, người sẽ là vị hôn thê tương lai của Émile. Trong tiểu thuyết này, J.J.Rousseau đưa ra một thông điệp mới về giáo dục: những đứa trẻ có quyền tự do và cần được tôn trọng các giá trị cơ bản của mình. Những đứa trẻ được giáo dục vì những lợi ích của chúng, không phải giáo dục để phục vụ lợi ích giai cấp. Chính vì lý do này mà ngay sau khi ra mắt công chúng Pháp, *Émile hay là về giáo dục* cũng bị thu hồi và tác giả của nó càng bị truy nã ráo riết hơn.

Trong bối cảnh đó, năm 1762, tại Anh, ông vẫn cảm thấy bất ổn. Không thể sống mãi trong tình cảnh đó, đầu năm 1768, ông trở lại Pháp ẩn náu tại một vùng gần biên giới Pháp – Italia, cho đến giữa năm 1769 thì trở lại Paris, khi việc truy lùng ông không còn gay gắt như trước nữa. Năm 1770, J.J.Rousseau thường gặp những người quen thân, đọc cho họ nghe những đoạn hồi ký *Những lời bộc bạch* (Confession) mà ông vừa viết xong. Trong cuốn tự truyện, J.J.Rousseau đã chia thành hai giai đoạn khác biệt nhau rõ rệt. Giai đoạn một, ông kể về ba mươi năm của tuổi thanh xuân với những hồi ức tươi mát và êm đềm, với muôn ngàn ấn tượng thú vị của mình. Giai đoạn hai, ông thuật lại quãng thời gian tương tự, đầy những biến động trong cuộc chiến đấu với bản thân, với xã hội: vinh quang, danh tiếng, khổ đau, tai họa.

Trong những năm 1772 – 1773, J.J Rousseau tập trung viết *Đối thoại* (Dialogues) với tiêu đề *Rousseau - người phán xét Jean Jacques* nhằm mục đích thanh minh để công chúng và các thế hệ sau hiểu rõ được sự tâm huyết, mong muốn của ông là đổi mới xã hội đương thời cũng như thấy rõ được tâm địa độc ác của những kẻ từng làm hại ông. Từ năm 1776, J.J.Rousseau bắt đầu viết tập ký sự *Những điều mơ mộng của một người lãng du cô đơn* (Rêveries d'un promeneur solitaire) để chia sẻ những suy nghĩ trăn trở về cuộc sống và những dự định của ông về tương lai.

Như vậy, qua cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của J.J Rousseau, có thể thấy tư tưởng chủ đạo bao trùm toàn bộ hệ thống lý luận, quan điểm của ông là lý tưởng tự do, bình đẳng. Ngay cả trong giáo dục, tâm thế đó của ông cũng được thể hiện rõ nét và sắc sảo. Với tư cách nhà triết học, về phương diện thế giới quan, J.J.Rousseau là người theo thuyết tự nhiên thần luận. Thế giới quan của ông liên quan chủ yếu đến những vấn đề xã hội. Mặc dù đứng trên lập trường tự nhiên thần luận như nhiều nhà Khai sáng khác nhưng tiến bộ của ông thể hiện ở chỗ coi lịch sử của nhân loại là kết quả của hoạt động con người, chứ không phải do bàn tay Thượng đế sắp đặt. Trong lý luận nhận thức, ông đề cao cảm giác luận. Với tư cách nhà chính trị học, J.J.Rousseau mang lập trường cấp tiến. Từ lập trường cấp tiến - tả khuynh, ông phê phán gay gắt các quan hệ đẳng cấp phong kiến và chế độ chuyên chế, ủng hộ nền dân chủ tư sản và các quyền tự do của công dân, tán thành sự bình đẳng của con người bất chấp nguồn gốc xuất thân. Những tư tưởng này của ông trở thành khẩu hiệu của giai cấp tư sản Pháp trong cuộc cách mạng (1789-1794). Với tư cách nhà văn, J.J.Rousseau để lại những áng văn ca ngợi tình yêu chân thật, đấu tranh cho tự do hôn nhân, tự do luyến ái. Từ tiểu thuyết của ông, một trào lưu văn học lãng mạn mới xuất hiện. Với tư cách nhà giáo dục học, ông phê phán gay gắt hệ thống giáo dục theo đẳng cấp của chế độ phong kiến và đề xuất xây dựng một hệ thống giáo dục mới. Trong đó, J.J.Rousseau đã đưa ra những tư tưởng mới mẻ và táo bạo về giáo dục.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương này, chúng tôi làm rõ bối cảnh và những tiền đề lý luận ra đời tư tưởng triết học của J.J.Rousseau, cũng như những sự kiện chính trong cuộc đời và các tác phẩm của ông. Theo đó, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau là con đẻ của thời đại, nó không chỉ là sự kết nối từ quá khứ đến tương lai, mà còn là sự phản tư từ hiện tại.

Nói chung, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau ra đời trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và chính những mâu thuẫn giữa các tầng lớp tư sản với tầng lớp nông dân và tầng lớp quý tộc, cũng như mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học ở Pháp thế kỷ XVIII đã thúc đẩy các trí thức, trong đó có J.J.Rousseau tìm lý luận mới để giải phóng con người. Tuy nhiên, tư tưởng triết học giáo dục của ông còn là sự kế thừa những tư tưởng giáo dục của các triết gia tiền bối đi trước như: quan điểm về giáo dục đức hạnh của Socrate đến những quan niệm về giáo dục thân thể và tâm hồn Plato, Aristotle. Đặc biệt, quan điểm coi con người là bộ phận của tự nhiên của Comenxki và quan niệm giáo dục khai phóng của Locke, v.v…, đã ảnh hưởng lớn tới tư tưởng của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, nội dung và phương pháp giáo dục. Song chủ trương giáo dục của ông đã có nhiều điểm mới lạ và tiến bộ so với các tiền bối.

Ngoài ra, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau còn chịu ảnh hưởng bởi những quan điểm cơ bản của các nhà triết học Khai sáng Pháp nói chung. Có thể nói rằng, với tư cách là một nhà triết học luận bàn về giáo dục, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chịu sự chi phối bởi một thế giới quan được hình thành từ chính những gian khổ mà ông đã nếm trải trong cuộc đời của mình. Nghiên cứu con người, cuộc đời và sự nghiệp của J.J.Rousseau, ta thấy ông thật là vĩ đại. Một nhà triết học tiên phong của phong trào Khai sáng Pháp, J.J.Rousseau góp phần cùng với các nhà triết học Khai sáng đã soạn thảo ra những triết lý về giải phóng con người, vì con người, đặc biệt là lý luận độc đáo của ông về vai trò giáo dục đối với trẻ em nhằm xây dựng nên mẫu người công dân cho một xã hội dân chủ lý tưởng mà ông đã kiến tạo.

CHƯƠNG 3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU

Việc sử dụng các phương pháp triết học để xem xét các vấn đề giáo dục đã có từ thời cổ đại, nhưng lĩnh vực nghiên cứu này chỉ bắt đầu được công nhận như một tiểu ngành học chính thức vào thế kỷ XIX. Mặc dù triết học giáo dục thường có vẻ thiếu sự cố kết vốn có với những lĩnh vực triết học khác, nó thường, và có lẽ do vậy, cởi mở hơn đối với những cách tiếp cận mới. Theo tác giả William.K.Frankane từ Đại học Michigan (Mỹ), "Triết học giáo dục nghiên cứu về các mục tiêu, hình thức, phương pháp, nội dung, chương trình và kết quả của giáo dục, để vận dụng vào những hoàn cảnh chung hoặc cụ thể"[7] [89, tr.8]. Như vậy, tư tưởng triết học giáo dục chính là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm về giáo dục được xây dựng trên một nền tảng triết học. Trên thế giới, đứng trên những lập trường khác nhau nên sẽ có nhiều các quan điểm giáo dục khác nhau như: giáo dục khai phóng, giáo dục duy thiên, giáo dục hiện sinh, giáo dục thực dụng, giáo dục hậu hiện đại, v.v.... Tuy nhiên, chủ trương khai minh có mặt trong cả các tư tưởng triết học giáo dục khác, điều này không phải ngẫu nhiên. Trong ý nghĩa cơ bản, triết học là khai minh. Vì thế, khai minh không chỉ là danh hiệu riêng của một thời đại (thế kỷ XVII, XVIII ở Châu Âu), mà còn được hiểu theo nghĩa rộng như là tâm thế, ý hướng và hành động của con người. Giáo dục khai minh phát triển rực rỡ vào thế kỷ XVIII và lưu lại dấu ấn lâu dài đến tận ngày nay. Theo đúng như tên gọi – giáo dục khai minh, các triết gia của phong trào này, trong đó có J.J.Rousseau đặc biệt quan tâm đến giáo dục - lĩnh vực được coi là có tầm ảnh hưởng quan trọng và trực tiếp đến việc truyền bá tri thức. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau chính là tư tưởng giáo dục trong

[7] The philosophy of education researched on aims, form, methods, contents, programs and results of education etc., for it to adopt or employ, in general or in specific situations.

thời đại của ông, thời đại của triết học khai phóng được xây dựng trên từ quan điểm về quyền tự nhiên và tự do của con người. Điểm độc đáo trong tư tưởng triết học giáo dục của ông chính là những quan điểm giáo dục đi ngược lại quan điểm duy lý, duy khoa học và chỉ ra những mặt trái của văn minh và khoa học kỹ thuật. Vì vậy, tư tưởng triết học giáo dục của triết gia coi trọng những giá trị thuần khiết của tự nhiên và đặc biệt đề cao thực hành, trải nghiệm bằng cảm nhận trực tiếp trong giáo dục. Nghiên cứu tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau qua nhãn quan triết học và phương pháp của triết học cần chú trọng giải quyết những nội dung cơ bản sau:

3.1. Quan niệm về con người – xuất phát điểm cho tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

J.J.Rousseau coi lịch sử của nhân loại là kết quả hoạt động của con người chứ không phải do bàn tay xếp đặt của Thượng đế. Nghiên cứu con người và quá trình phát triển của xã hội từ trước tới giờ, ông khẳng định bản chất của con người là tự do. Khát vọng tự do của con người luôn bị kìm hãm "Con người sinh ra vốn tự do nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích" [52, tr.29]. Ông hiểu rằng, những nghịch lý trên đây hoàn toàn không phải ngẫu nhiên do ý muốn chủ quan tuỳ tiện của con người, mà có nguyên nhân hoàn toàn khách quan, trong chính bản thân quá trình phát triển của xã hội. Quá trình phát triển của lịch sử, theo ông là sự chuyển tiếp của xã hội từ trạng thái này sang trạng thái khác, đồng thời cũng là quá trình liên tiếp diễn ra sự phủ định của xã hội sau đối với xã hội trước. Cũng như mọi nhà triết học Khai sáng, J.J.Rousseau lấy con người làm xuất phát điểm trong việc xây dựng các mô hình xã hội. "Dự định của tôi là tìm hiểu về con người và phương pháp của tôi là nghiên cứu con người trong các mối quan hệ khác nhau" [55, tr.230]. Ông cho rằng, con người với tư cách là một thực thể tự nhiên đã trải qua hai trạng thái: tự nhiên và xã hội.

3.1.1. Quan niệm của J.J.Rousseau về con người trong trạng thái tự nhiên

Trong trạng thái tự nhiên, con người sống bên ngoài xã hội, cuộc sống của con người "vẫn còn giữ nguyên những khuynh hướng tự nhiên" [55, tr.230]. Tình cảm đầu tiên của con người chính là tình cảm về sự tồn tại, mối bận tâm đầu tiên của họ là mối bận tâm về sự tự bảo tồn bản thân. Vì vậy, quyền tự bảo toàn sinh mạng, quyền sinh tồn chính là quyền sống của con người. Trong số các quyền tự nhiên của con người thì quyền sống được xem là quyền cao quý nhất, là cơ sở cho mọi quyền khác của con người. J.J.Rousseau cực lực phê phán những lý thuyết đạo đức dạy con người coi khinh sự sống hoặc hy sinh sự sống ấy cho những bổn phận đạo đức xa vời. Triết gia đã gắn quyền sống của con người với nghĩa vụ lao động. Thân xác con người thuộc về tự nhiên nên để bảo tồn sự sống của mình, con người cần trước hết đến đôi bàn tay và cách sử dụng chúng để tìm kiếm thức ăn cần cho sự sống đó [Xem:27, tr.84]. Các sản phẩm của trái đất chu cấp cho con người tất cả sự trợ giúp cần thiết, bản năng đã hướng dẫn họ tận dụng chúng. Sự đói khát và những thèm muốn khác khiến họ phải trải nghiệm lần lượt nhiều cách ứng xử để tồn tại, có một ham muốn luôn mời mọc con người là duy trì nòi giống. Đấy là tình trạng của con người sơ khai. Đây cũng chính là cuộc sống của một con vật lúc đầu còn bị hạn chế bởi những cảm giác đơn thuần và lợi lộc hiếm hoi từ những quà tặng mà thiên nhiên đã ban tặng cho. Quan điểm này thống nhất với quan điểm của Montesquieu. Theo J.J.Rousseau, trong trạng thái tự nhiên, con người luôn tuân thủ những luật tự nhiên là luôn có nhu cầu tự tìm cách và nuôi sống mình đồng thời có nhu cầu bảo tồn nòi giống bằng tình yêu nam nữ.

Trong thời kỳ này, con người chưa có sự khác biệt rõ rệt về địa vị xã hội và kinh tế, v.v... Các mối quan hệ xã hội còn thuần khiết, chưa có sự phân biệt đẳng cấp. Đây là thời kỳ lâu dài, bình yên và hạnh phúc nhất trong lịch sử nhân loại. Mọi người sinh ra, mọi thứ đều như nhau. Trong giai đoạn đó, "gia đình là mô hình đầu tiên của các thứ xã hội chính trị; cha là hình ảnh của người thủ lĩnh, con cái là hình ảnh của dân chúng. Thủ lĩnh cũng như dân chúng đều sinh ra bình

đẳng, tự do" [52, tr.30]. Có thể nói J.J.Rousseau đã tiên đoán và phác hoạ một cách thiên tài thời kỳ sơ khai của lịch sử loài người.

Trạng thái tự nhiên là điều kiện tồn tại trước khi có sự cai trị của luật do con người đặt ra, cũng tương đồng với khái niệm vô chính phủ. Tự nhiên luôn là khái niệm trung tâm, thường xuyên xuất hiện trong tư tưởng của J.J.Rousseau, nó vừa là điểm khởi đầu và cũng là mục tiêu mà ông hướng tới. Vấn đề tự nhiên được triết gia sử dụng rất linh hoạt qua các khái niệm "thiên nhiên", "luật tự nhiên", "quyền tự nhiên của con người" hay "con người ở trạng thái tự nhiên". Thuật ngữ "tự nhiên" được sử dụng ở đây được hiểu về phương diện nhận thức luận với tính cách là thiên nhiên, tức là một cái gì đó không hoàn thiện, một quá trình đang hướng đến sự hoàn thiện. Với J.J.Rousseau, trạng thái tự nhiên không phải là khái niệm được khái quát từ lịch sử hiện thực của xã hội loài người, mà đó chỉ là một giả thuyết thuần tuý, không có sự chứng minh. Theo nhà tư tưởng, bản tính của con người tự nhiên là "thiện", nhưng bị xã hội làm cho đồi bại và biến chất đi. Có nghĩa là, bên trong mỗi con người hiện đại, vẫn lưu lại dấu vết của một bản ngã thiện hảo thời xa xưa. Khi con người còn chưa thể sử dụng lý tính, thì con người cũng chưa thể có được khả năng lạm dụng các năng lực của mình, nên chưa thể làm điều ác. Ở trạng thái tự nhiên, cái thiện của con người không phải là sự ngoan ngoãn ở phương diện đạo đức, mà chỉ là sự tuân theo tự nhiên.

Theo J.J.Rousseau, khi sống trong trạng thái tự nhiên, con người có tự do cá nhân, cho phép họ có thể tự do làm tất cả những gì mà sức lực tự nhiên của họ có thể làm được. Họ sống và làm theo nhu cầu bản năng của mình mà không bị cản trở bởi bất kỳ đạo luật nào. Tự do trong quan niệm của J.J.Rousseau gắn liền với quan niệm bình đẳng, "Trong trạng thái tự nhiên, có một sự bình đẳng về thực chất mang tính hiện thực và không thể xoá bỏ được, vì trong trạng thái ấy, sự khác biệt duy nhất từ người này đến người kia không thể đủ lớn để làm cho kẻ này phụ thuộc vào kẻ kia" [53, tr.319]. Trong trạng thái đó, con người chỉ có sự bất bình đẳng về tuổi tác và sức lực, còn lại hoàn toàn ngang nhau. Vì vậy, theo triết gia,

do bản tính tự nhiên mà tất cả mọi người sinh ra đều tự do, ngay cả khi một kẻ có thể từ bỏ tự do của mình thì hắn ta cũng không thể đem cho tự do của con cái hắn. Bởi vì, chúng được sinh ra là những con người tự do. Tự do của chúng thuộc về chúng, không ai có quyền xâm phạm đến. Chúng ta thấy, J.J.Rousseau đặc biệt đề cao vai trò của tự do, coi đây là phẩm giá người, khi ông khẳng định: "Từ bỏ tự do của mình là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người" [52, tr.36].

Trong trạng thái tự nhiên, con người không nhận được sự giáo dục, vì vậy, anh ta tự do, nhưng lại thấy khốn khổ vì không biết được nhu cầu của mình và không ai bảo vệ những gì anh ta sở hữu. Trong quá trình sinh sống, con người phải liên hệ với nhau và họ đã hiểu rằng, tự do tuyệt đối là không cần thiết. Sự tự nguyện hạn chế kỳ vọng vô lý của mình sẽ có lợi hơn là việc tham gia vào cuộc chiến chống lại nhau của mọi người và đặc biệt sự xuất hiện của sở hữu tư nhân đã dẫn đến phá vỡ trạng thái tự nhiên của con người, dẫn đến xã hội công dân. Ông viết: "Phải chăng cứ đặt chân lên một mảnh đất chung là đủ để tuyên bố là ông chủ của mảnh đất ấy? Làm chủ rồi anh có đủ sức đẩy người khác ra không...Làm như vậy họ phải tước đoạt sinh mạng và thức ăn mà thiên nhiên đã ban chung cho con người" [52, tr.50]. Theo J.J.Rousseau, nguyên nhân làm cho trạng thái tự nhiên của xã hội bị phá vỡ, dẫn đến sự xuất hiện xã hội công dân, chính là do sự phát triển của khoa học cùng với việc sáng tạo ra nhiều công cụ lao động mới hoàn thiện hơn và đặc biệt là sự xuất hiện của sở hữu tư nhân.

3.1.2. Quan niệm của J.J.Rousseau về con người trong trạng thái xã hội

Trong trạng thái xã hội – trạng thái công dân, "con người đã phải trải qua những chuyển biến lớn lao. Đó là thời điểm dứt anh ta ra khỏi động vật mu muội để vĩnh viễn trở thành loài thông minh, thành một con người" [52, tr.14]. Đầu tiên, trong cách ứng xử, công lý thay cho tiềm thức, trong hành vi của con người có thêm đạo nghĩa mà trước kia họ không có. Từ nay, tiếng nói nghĩa vụ thay thế cho những ham muốn bản năng. Đồng thời, con người phải hành động theo những

nguyên tắc khác và phải suy xét bằng lý trí trước khi nghe theo dục vọng. Con người mất đi một vài lợi thế trong trạng thái tự nhiên, nhưng đã thu được những lợi thế cao hơn: năng khiếu được vận dụng và phát triển, tư tưởng mở rộng ra, tình cảm cao quý thêm, tâm hồn được nâng lên. "Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền nhỏ nhoi được làm những điều muốn làm và chỉ làm được với sức lực hạn chế của mình, nhưng mặt khác con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái gì mà anh ta có được" [52, tr.14].

J.J.Rousseau cũng phân biệt sự khác nhau giữa quyền tự do trong trạng thái tự nhiên với quyền tự do trong trạng thái xã hội. Tự do trong trạng thái tự nhiên chỉ hạn hẹp trong khả năng sức lực của mỗi cá nhân, con người có thể thực hiện bất cứ điều gì khi nó đem lại lợi ích cho bản thân. Trong trạng thái xã hội, con người có quyền tự do chính trị, tự do công dân nhưng mọi quyền của con người đều do pháp luật quy định. Đặc biệt, J.J.Rousseau nhấn mạnh, chỉ trong xã hội thì con người mới thực sự tự do theo đúng nghĩa của nó, "con người dân sự có tự do tinh thần khiến anh ta là người chủ thực sự của mình; vì rằng, làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo quy tắc do mình đặt ra lại là tự do" [52, tr.48].

Nếu trong trạng thái tự nhiên, còn người có thể thực hiện bất cứ điều gì khi nó đem lại lợi ích cho bản thân mà không bị rằng buộc bởi cái gì, mỗi cá nhân chỉ làm những gì bổ ích cho họ mà không cần để tâm đến người khác, thì trong trạng thái xã hội, mọi nguyền của con người đều do pháp luật quy định. Trong xã hội công dân, để có tự do, con người phải được bình đẳng, vì không có bình đẳng thì không thể nào có được tự do. Quyền bình đẳng của công dân được hiểu là mọi người đều phải cam kết những điều kiện như nhau và được hưởng quyền ngang nhau. J.J.Rousseau giải thích thêm, bình đẳng không nên hiểu là mức độ quyền lực về tài sản phải tuyệt đối ngang nhau. Nói theo quan niệm của nhà triết học, bình đẳng xã hội không phải là sự cào bằng như nhau mà với tư cách công dân, mọi người đều được coi như nhau trước pháp luật [Xem: 27, tr.86].

Con người có thể theo đuổi những mục đích cá nhân của mình và thể hiện với tư cách là lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, trong xã hội, lợi ích của mỗi người là khác nhau và thậm chí là đối lập nhau. Vì vậy, sự thống nhất về lợi ích của mọi người tham gia khế ước xã hội được thể hiện qua ý chí chung, khi đó thể hiện ra như là những công dân. "Ý chí chung là của toàn thể dân chúng được công bố lên sẽ là một hành động của chủ quyền tối cao. Đó tức là luật" [52, tr.15]. Đây là cuộc sống chính trị xã hội, chứ không là cuộc sống riêng tư. Theo J.J.Rousseau, có sự khác biệt lớn giữa ý chí của cá nhân và ý chí chung. Ý chí chung chỉ tuân theo lợi ích chung, còn ý chí của mọi người tuân thủ theo lợi ích cá nhân. Nếu sự đối lập giữa những lợi ích cá nhân không cho phép xác lập xã hội, thì chính sự đồng thuận về lợi ích cho phép sự tồn tại tiếp theo của nó. Chủ quyền là sự thực hiện ý chí chung, do vậy không bao giờ bị tước đoạt.

J.J.Rousseau đã hiểu được sự ra đời của xã hội công dân là kết quả tất yếu của xã hội phát triển từ thấp đến cao. Ông nhận thấy, xã hội công dân xuất hiện là từ sở hữu tư nhân, bởi chính việc thiết lập sở hữu tư nhân sẽ dẫn đến thu nhập của mọi người trong xã hội khác nhau. "Ý niệm về sở hữu có gốc gác một cách tự nhiên từ quyền của người chiếm hữu đầu tiên bằng lao động" [53, tr.118]. Từ đó, xã hội sẽ phân chia thành kẻ giàu người nghèo và nảy sinh ra các đạo luật xã hội, tạo ra những xiềng xích mới trói buộc kẻ yếu, đem lại quyền lực cho kẻ mạnh, phá vỡ tự do tự nhiên, thiết lập những sở hữu và bất bình đẳng. Ông cho rằng, sở hữu tư nhân có hai mặt. Một mặt, nó nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đem lại khả năng tự hoàn thiện và làm cho con người văn minh hơn. Mặt khác, nó trở thành mối bất hạnh cho con người. Chính những "ham muốn của con người là cái nô dịch và đem lại cái ác cho họ" [25, tr.64]. Tuy nhiên, J.J.Rousseau coi quyền tư hữu nhỏ là cơ sở của xã hội. Theo ông, việc phân phối bình quân tài sản tư nhân là thích hợp nhất cho một nhà nước hợp với lý tính. Quan điểm của triết gia khác với quan điểm của Morali và Maboli, những nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng lại chủ trương xoá bỏ quyền tư hữu để khôi phục trật tự tự nhiên phù hợp với các quy luật của bản

thân giới tự nhiên, qua đó sẽ xoá bỏ được các tệ nạn xã hội, chấn chỉnh con người để con người có một đời sống đạo đức và hạnh phúc.

Song trạng thái xã hội đã bộc lộ những điểm yếu của mình. J.J.Rousseau đã mô tả trạng thái nhân loại khi đó như là trạng thái suy đồi sâu sắc. Bởi vì, ông nhận thấy ánh hào quang rực rỡ mà văn minh bao phủ lên con người chỉ là giả dối. Ông cho rằng, toàn bộ sự giàu có chỉ cản trở con người nhận thấy sự bần cùng của nội tâm đích thực của mình. Con người chạy vào thế giới, xã hội, hiến dâng bản thân mình cho vô số công việc, thú vui ở trong đó chỉ vì con người không thể đối mặt một mình và cần xấu hổ với cái nhìn chân thực về bản thân. Theo ông, toàn bộ hoạt động vô bổ và vô mục đích ấy chỉ xuất hiện do có nỗi sợ hãi đối với sự yên tĩnh. Con người chỉ cần bình tâm trong chốc lát và thực sự ý thức xem mình là ai. Ông kết án các lực lượng cố kết con người trong xã hội đương thời. Ông kiên trì nhấn mạnh rằng trong xã hội không có một nhạc đạo khởi thuỷ nào, không có ý nghĩa cộng sinh theo một chỉnh thể đích thực và chân chính, thậm chí không có sự đồng cảm tự nhiên – bản năng có thiện cảm là cái hợp nhất con người với nhau. Tất cả mọi mối quan hệ xã hội đều được thiết lập và căn cứ trên một ảo tưởng thuần tuý. Thói ích kỷ và háo danh, khát vọng thống trị và trở thành trung tâm chú ý – đó là những sợi dây đích thực duy trì sự thống nhất trong xã hội.

J.J.Rousseau cho rằng, con người cần trở về trạng thái tự nhiên ban đầu trên cơ sở cao hơn. Tất nhiên, không nên hiểu lời kêu gọi quay về với tự nhiên của ông theo nghĩa đen. Ông kêu gọi duy trì một trạng thái xã hội, ở đó định hướng phát triển theo hướng "loại bỏ những hệ quả tai hại của phát triển trước đây. Sự phát triển duy kỹ thuật và cùng với nó là trạng thái văn hoá đứng đối lập với tự nhiên mà ông gọi là nguồn gốc sinh ra mọi tai hoạ của con người" [25, tr.67-68]. Mọi bất công và tệ nạn trong xã hội công dân phải được xoá bỏ. Các kỷ cương xã hội được lập lại. Tự do bình đẳng được khôi phục. Nhân dân xây dựng lại nhà nước trên cơ sở khế ước xã hội mới nhằm phục vụ quyền lợi cho con người. Giờ đây xã hội đã phát triển hơn nhiều so với thời kỳ đầu của nhân loại, thời kỳ mà "người mông

muội và văn minh khác nhau về tâm hồn, các năng khiếu, thiên hướng, ham thích tới mức tột đỉnh của người này dẫn đến bất hạnh cho người kia" [dẫn theo 80, tr.361].

Để thực hiện điều đó, J.J.Rousseau đã vạch ra một con đường mà trước đây chưa ai tìm kiếm, ông cho rằng, con người càng ứng dụng khoa học vào đời sống xã hội, cuộc sống của con người càng văn minh hơn. Văn minh mang lại nhiều thay đổi và hỗ trợ con người trong nhiều mặt của cuộc sống. Tuy nhiên, văn minh cũng làm ảnh hưởng đến sự phát triển tự nhiên của con người. Triết gia chủ trương đưa ra quan điểm về con người và giáo dục nhằm giảm thiểu sự tác hại của văn minh. J.J.Rousseau đặc biệt chú ý đến quyền con người được hưởng một nền giáo dục phù hợp với bản tính tự nhiên của mình. Quan niệm của ông về quyền được giáo dục có liên quan đến quyền dân chủ, quyền tự do của con người. Mong muốn của ông là xây dựng mẫu người lý tưởng, giữ được bản tính tự nhiên tốt, tách thoát khỏi ảnh hưởng xấu của xã hội đã tạo ra thông qua nền giáo dục truyền thống. Như vậy, quyền được giáo dục là một trong những quyền xã hội của con người và phải được pháp luật thừa nhận [Xem 27, tr.89].

Tóm lại, nội dung xuyên suốt trong quan niệm về con người của J.J.Rousseau là quan niệm về các quyền tự do, bình đẳng, sở hữu và quyền được giáo dục. Để bảo vệ, phát huy quyền con người, ông chủ trương thực hiện phương án khế ước xã hội nhằm hướng đến xây dựng một xã hội mà chủ quyền tối cao thuộc về toàn dân. Quan niệm con người của triết gia thể hiện tính nhân văn và triết lý hành động sâu sắc, đặc biệt là thái độ tôn trọng và đề cao vai trò ý chí chung của của nhân dân. Với tinh thần nhân đạo, quan niệm về con người của J.J.Rousseau đã mang lại giá trị to lớn cho Cách mạng tư sản Pháp cũng như những vấn đề bảo vệ, phát huy quyền con người trên thế giới, trong đó có quyền được giáo dục. Tư tưởng của triết gia đóng vai trò là vũ khí tinh thần đối với Cách mạng tư sản Pháp và góp phần đặt nền móng cho việc hình thành tuyên ngôn quốc tế về quyền con người. Quan niệm về con người chính là cơ sở quan trọng đối với học thuyết giáo dục của ông.

3.2. Mục tiêu giáo dục trẻ em

Xuất phát từ quan điểm về quyền tự nhiên và tự do của con người, J.J.Rousseau đã phê phán cách cai trị của xã hội đương thời. Nếu như trong *Khế ước xã hội*, câu đầu tiên ông viết: "Con người sinh ra tự do, và đâu đâu cũng bị trong xiềng xích", thì cũng vẫn với ngòi bút sắc sảo giọng văn đầy mỉa mai, khiêu khích đó, ngay trang mở đầu tác phẩm *Émile hay là về giáo dục*, triết gia đã nhận định về con người xã hội một cách thẳng thắn: "Mọi thứ từ bàn tay Tạo hoá mà ra đều tốt: mọi thứ đều suy đồi biến chất trong bàn tay con người. Con người bắt ép một chất đất phải nuôi các sản phẩm của chất đất khác, một cái cây phải mang quả của cây khác; con người hoà trộn và lẫn lộn các khí hậu, các yếu tố, các mùa; con người cắt xẻo các bộ phận trong thân thể con chó của mình, con ngựa của mình, nô lệ của mình; họ đảo lộn mọi thứ (...). Các thành kiến, uy quyền, sự cần thiết, tấm gương, mọi thể chế xã hội, trong đó chúng ta bị chìm ngợp, sẽ bóp nghẹt bản tính tự nhiên ở anh ta, và chẳng để gì thay thế vào đó..." [53, tr. 31]. Qua đó, J.J.Rousseau muốn vẽ ra trước mắt độc giả một bức tranh khái quát về sự giáo dục trong xã hội đương thời mà ông sống. Ông gọi đó là "sự giáo dục man rợ hy sinh hiện tại cho một tương lai vô định, sự giáo dục bắt đứa trẻ mang đủ loại xiềng xích, và khởi đầu bằng việc làm nó khốn khổ, để chuẩn bị từ xa cho nó một thứ hạnh phúc gì chẳng biết mà có lẽ nó sẽ chẳng bao giờ thụ hưởng" [53, tr.87]. Nền giáo dục mà J.J.Rousseau đã và đang phải chứng kiến trong xã hội đương thời là nền giáo dục mà ở đó, nội dung giáo dục chỉ tập trung vào những điều con người cần biết, không coi trọng những điều trẻ con có thể học được. Giáo dục luôn tìm người lớn trong đứa trẻ mà không nghĩ về hiện trạng của đứa trẻ trước khi nó là người lớn. Theo nhà tư tưởng, với nền giáo dục đó, sự xuyên tạc và trá nguỵ được diễn ra là do con người luôn bị động khi phải chạy theo xã hội, người ta chỉ quan tâm đến những gì xã hội cần hoặc người khác chờ đợi ở chính mình và vì vậy, họ phải tìm cách thích ứng với xã hội.

J.J.Rousseau khẳng định, giáo dục của xã hội hướng về hai mục đích tương phản mà lỡ cả hai, tạo nên những con người kép luôn ra vẻ đem lại tất cả cho người khác, song bao giờ cũng chỉ mang lợi cho riêng mình. Sự giáo dục đó hoàn toàn nhọc công và uổng phí. Từ thực trạng của nền giáo dục đương thời, phản đối kịch liệt sự giáo dục đó, J.J.Rousseau cho rằng, giáo dục như là quá trình phát triển tự nhiên, giáo dục thực sự không phải là một cái gì đó được áp đặt lên đứa trẻ từ bên ngoài, mà là quá trình tăng trưởng và phát triển tự nhiên của các đặc tính, các năng lực mà con người có được khi gia nhập vào cuộc sống xã hội. Theo đó, mục tiêu giáo dục cần đáp ứng những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, mục tiêu giáo dục phát triển theo khuynh hướng tự nhiên của trẻ (thuận theo tự nhiên). "Sự giáo dục đó đến với chúng ta từ tự nhiên" [53, tr.33], ông tin rằng, bản tính tự nhiên của con người phù hợp với giáo dục tự nhiên. Vậy, tại sao con người từ bản tính tự nhiên là tốt nhưng khi trưởng thành lại ích kỷ, tư lợi? Bởi vì, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, có khuynh hướng tách rời con người khỏi trạng thái tự nhiên của họ đưa họ có đời sống cao hơn song cũng mang lại cho họ những bất hạnh và đau khổ. Văn minh mang đến cho con người nhiều cám dỗ về vật chất để bản tính con người ngày càng bị suy đồi "cái làm cho con người căn bản thiện tâm, là do có ít nhu cầu, và chẳng mấy khi muốn so sánh với kẻ khác; cái làm cho căn bản là độc ác là do có quá nhiều nhu cầu và chú trọng quá nhiều đến dư luận" [53, tr.285]. Vì vậy, mục tiêu của giáo dục là phải làm cho cái thiên chân trong con người không những được bảo tồn mà còn phải được phát huy tối đa. Giáo dục nên đào tạo con người vì chính con người để trở thành những tác nhân cải tạo xã hội chứ không phải là nhân tố tái tạo xã hội. Vì vậy, "con người tự nhiên được đào tạo bởi giáo dục tự nhiên, tức là con người mới được phát triển tự do và phối hợp giữa thể chất và tinh

thần, không bị ràng buộc và áp bức của xã hội"[8] [115, tr.420]. Và trong trật tự tự nhiên, nơi mọi người đều bình đẳng thì làm người là nghề nghiệp chung của họ. Bất cứ ai được giáo dục để làm người (một con người đích thực) thì sẽ chẳng bao giờ phải lo lắng về đạo đức, nhân cách và khả năng của người đó. Quan điểm trên xuất phát từ lòng nhân đạo, tình yêu thương con người, hàm chứa tính nhân bản vô cùng sâu sắc, giáo dục con người hướng tới một xã hội đại đồng. Giáo dục tự nhiên, đặc biệt nhấn mạnh đến quá trình phát triển tự nhiên của trẻ trong quá trình giáo dục ấy, trẻ được tôn trọng quyền và những giá trị cơ bản của mình. Mọi thứ người lớn làm cho trẻ, chỉ là đưa ra những gợi mở để trẻ được tự do phát triển, thuận theo tự nhiên.

Thứ hai, giáo dục hướng tới sự phát triển cá nhân. Người học là mục đích tồn tại và là trung tâm của hoạt động giáo dục, ở đó giáo dục sẽ "định hướng phát triển cá nhân bẩm sinh" [25, tr.68]. Con người có khả năng thích nghi với những tình huống khác nhau trong các điều kiện hoạt động tự do. Bởi vì nền dân chủ được thúc đẩy bởi những cá nhân sáng tạo, vì thế sự đóng góp của giáo dục cho xã hội cốt ở sự phát triển những cá nhân tự do, có trí tưởng tượng và có óc sáng tạo. Cá nhân được trao quyền tự do không hạn chế và chỉ khi đó sự phát triển hài hòa của người học mới diễn ra. Tự do phải được trao cho mỗi cá nhân trong bối cảnh xã hội chứ không phải đến mức độ dẫn đến sự tan rã của xã hội. Con người tự do không "phục tùng luồn cúi của một nô lệ", cũng không có "giọng điệu hách dịch của một chủ nhân" [53, tr.206]. J.J.Rousseau nhấn mạnh sự phát triển cá nhân để hướng tới những công dân lý tưởng, người có óc xét đoán công minh và một trái tim khỏe mạnh. Con người luôn sống và tỏ ra chính là mình, không hào nhoáng bên ngoài, không thêm không bớt, khi được lôi kéo ra bên ngoài xã hội, do đã được giáo dục, "anh ta có khả năng chống lại các tật xấu để đến khi trưởng thành gia nhập xã hội sống chung với người

[8] "Rousseau believes that the natural person trained by natural education, that is, the new person who is free and coordinated development of body and mind, free from social bondage and oppression".

khác" [67, tr.245]. Tương tự, quá trình giáo dục được khuyến khích và duy trì bằng lực thúc đẩy của ham muốn, hứng thú và mục đích của người học. Giống như trật tự xã hội tiến bộ một cách vững chắc và năng động nhất nhờ việc các cá nhân có cơ hội bày tỏ mình nhiều nhất, nhà trường hoạt động tốt nhất khi nó dựa trên nguyên tắc của sự phát triển cá nhân dành cho người học.

Để mỗi cá nhân được phát triển một cách tối đa, người được giáo dục phải đạt được sự hài hoà giữa ba phương diện đạo đức, trí năng và thể chất. Hình ảnh một người trẻ, J.J.Rousseau muốn tạo ra là tự lập, tự tin vào bản thân, mạnh khoẻ về thể chất và tinh thần, chân tay lanh lẹ, "trí óc đúng đắn và không thành kiến, tâm hồn tự do... Không phá rối sự an tĩnh của ai hết, nó đã sống hài lòng, hạnh phúc và tự do, hết mức mà thiên nhiên cho phép" [53, tr.277]. Trong suốt tác phẩm *Émile hay về giáo dục*, độc giả có thể thấy, Émile đã được giáo dục để có một thể lực khoẻ mạnh, một ý chí vượt qua mọi khó khăn để thoát khỏi những cám dỗ. Đặc biệt, giáo dục cũng phải tạo ra con người có đạo đức, biết rung cảm, biết thương xót, có lòng trắc ẩn. Giáo dục phải dạy cho trẻ em làm những việc tốt, không chỉ là việc bỏ một số tiền túi ra bố thí cho những người nghèo khó mà bằng sự chăm sóc, dành cho họ cả con người và thời gian. Đạo đức sẽ điều khiển trí năng, khiến cho con người biết tuân theo tiếng gọi của lương tâm, hướng đến điều thiện. Trí năng và đạo đức chỉ tỏa sáng rực rỡ khi nó được nâng đỡ trên cơ thể tràn trề sinh lực, một thân hình khỏe mạnh, các giác quan nhạy bén, một thần thái sáng suốt.

Thứ ba, mục tiêu giáo dục không phải là dạy cho trẻ em kiến thức, mà dạy cho trẻ biết làm thế nào để có kiến thức. "Vấn đề là chỉ ra cho nó cần làm thế nào để luôn khám phá ra sự thật hơn là bảo cho nó biết một sự thật" [53, tr.273]. J.J.Rousseau muốn đứa trẻ phải tự học hỏi, phải tự sử dụng lý trí của nó chứ không phải sử dụng lý trí của người khác. Ông mong muốn đứa trẻ có một đầu óc phổ quát, cởi mở, thông minh, sẵn sàng cho tất cả, không dạy đứa trẻ khoa học một cách áp đặt mà dạy nó "tiếp thu khoa học theo nhu cầu" [53,

tr.276]. Khả năng của mỗi đứa trẻ là khác nhau nên sự lựa chọn kiến thức cũng khác nhau. Về thực chất, mục tiêu của giáo dục chính là ở chỗ tạo cho đứa trẻ có được các năng lực giải quyết các nhiệm vụ của cuộc sống trong mọi tình huống có thể, nắm được các kỹ năng sáng tạo, lĩnh hội được các kinh nghiệm phong phú gắn liền với các tri thức lý thuyết thuần tuý và các kiến thức về cách thức hành động, cũng như có được khuynh hướng năng lực tự học và tự hoàn thiện bản thân. Ở đây, J.J.Rousseau đặc biệt nhấn mạnh, trách nhiệm chủ yếu của giáo dục chính là phải mang lại cho đứa trẻ các kỹ năng giải quyết vấn đề rộng rãi nhất trong các hoàn cảnh sống và các tình huống khác nhau.

Thứ tư, giáo dục là dạy đứa trẻ làm người tự do chứ không đào tạo đứa trẻ theo đuổi một địa vị trong xã hội. Con người tự do là khi tư duy và hành động, không bị ràng buộc bởi vật chất, thành kiến hay dư luận, không bị những đam mê dục vọng khống chế, "đó là con người trưởng thành, quyết định và hành động hợp lẽ sống trong sự tôn trọng tự nhiên và sự thật, tôn trọng người khác chứ không lệ thuộc bất cứ ai" [67, tr.245]. Theo J.J.Rousseau, mục tiêu giáo dục cũng không phải tạo ra người giàu, người nghèo, hay để phân biệt giữa người giàu và người nghèo, mà trong trật tự tự nhiên, tất cả đều bình đẳng. "Vì người giàu chẳng có dạ dày to hơn người nghèo và chẳng tiêu hoá tốt hơn người nghèo; vì ông chủ chẳng có cánh tay dài hơn cũng như mạnh hơn người nô lệ;… và cuối cùng do các nhu cầu tự nhiên ở khắp nơi đều giống nhau, nên các phương sách để cung ứng cho các nhu cầu ấy ắt phải như nhau ở khắp nơi. Hãy làm cho sự giáo dục con người phù hợp với con người, chứ không phải với cái gì không hề là anh ta. Các vị không thấy rằng trong khi ra sức đào tạo con người chỉ chuyên cho một địa vị, là các vị đã khiến anh ta vô dụng với bất kỳ địa vị nào khác" [53, tr.256]. Bởi vậy, "sống là nghề tôi muốn dạy anh ta", "việc học tập đích thực của chúng ta là học tập về thân phận con người" [53, tr.38]. Giáo dục là nghệ thuật xây dựng con người, bởi vì, con người ở mọi địa

vị là như nhau. Con người chỉ có một nghề duy nhất được phép học đó là học làm người.

Khi con người được giáo dục không phải vì bất kì một vị trí hay đẳng cấp nào, người đó sẽ thấy cuộc sống được tự do và hạnh phúc. Hạnh phúc thật sự là con người được sống thật với bản tính tự nhiên và nguyện vọng của mình "con người đã sống nhiều nhất không phải là người đã đếm được nhiều năm nhất mà là người đã cảm nhận cuộc đời được nhiều nhất" [53, tr.39]. Nếu không được giáo dục làm cho cuộc sống có giá trị, thì dù "lúc nhắm mắt xuôi tay có xa buổi lọt lòng đi nữa cũng chẳng có ích gì, cuộc đời vẫn cứ là quá ngắn ngủi khi khoảng cách thời gian ấy không được sử dụng đủ đầy" [53, tr.285]. Vậy làm thế nào để trẻ được sống, tự bảo vệ cuộc sống và có được hạnh phúc thực sự? Con đường mà J.J.Rousseau lựa chọn và đặt tên là con đường tự nhiên. Theo ông, đứa trẻ có quyền được hưởng thụ tuổi thơ và phải được sống một cuộc sống đầy đủ giá trị, đáp ứng được các lợi ích, các nhu cầu và các năng lực phát triển của nó. Vì vậy, theo J.J.Rousseau, không thể buộc các đứa trẻ khác nhau phải học và cùng nhận được các kiến thức như nhau theo cùng một phương pháp như nhau. Ông đòi hỏi rằng, trong nhà trường phải có một bầu không khí tự do cho các hoạt động khác nhau của mỗi đứa trẻ, thỏa mãn nhu cầu của đứa trẻ về giao tiếp, nghiên cứu và sáng tạo kể cả sáng tạo nghệ thuật.

Như vậy, bản chất đích thực của giáo dục là quá trình phát triển tự nhiên của con người. Bởi vì, con người có quyền tự nhiên là được tự do, bình đẳng, vì vậy, nền giáo dục chân chính phải hướng đến bản tính tự nhiên. Theo J.J.Rousseau, hiệu quả từ giáo dục thể hiện ở sự phát triển năng lực của con người. Để đánh giá phát triển năng lực của con người, chúng ta buộc phải dựa vào hoạt động và thành tựu của cá nhân đó trong đời sống cộng đồng. Hiệu quả từ giáo dục có được do chủ động sử dụng các khả năng cá nhân vào các việc mang ý nghĩa cộng đồng. Giáo dục mang lại sự tiến bộ xã hội là mục tiêu đúng đắn. Mọi mục tiêu chỉ có ý nghĩa chừng nào nó hỗ trợ sự quan sát, lựa chọn và

lập kế hoạch để duy trì hoạt động trong mọi thời khắc và giây phút. Sau khi thể hiện thành các mục tiêu cụ thể, hiệu quả giáo dục thể hiện bằng việc rèn luyện năng lực sống cho con người. Con người cần sử dụng các phương tiện để sinh sống; cách sử dụng và tiêu thụ các phương tiện đó ảnh hưởng sâu sắc tới mối quan hệ giữa người và người. Vì vậy, theo J.J.Rousseau cần đề cao vai trò của một nền giáo dục nhằm mục đích giúp con người tiến bộ về mặt nhận thức trong cuộc sống xã hội, có đủ khả năng tham gia và phát triển trong xã hội. Hơn nữa, giáo dục có vai trò hình thành những người công dân tốt, những tư cách công dân tốt. Những phẩm chất tốt của công dân bao hàm khả năng xét đoán sáng suốt cùng với những cam kết cá nhân và trách nhiệm cộng đồng để xây dựng một xã hội vững mạnh.

Tóm lại, mục tiêu giáo dục của J.J.Rouseau chú trọng đặc biệt đến việc giáo dục trẻ thuận theo tự nhiên, nhấn mạnh đến việc tạo cho trẻ kĩ năng học hướng tới sự phát triển cá nhân, có nghĩa là để trẻ tự tìm kiếm kiến thức bằng sự đam mê và khám phá của mình. Một công dân lý tưởng trước hết phải là một người khoẻ mạnh, có đức, có tài và phải được giáo dục từ khi còn nhỏ. Ngay từ khi còn là trẻ thơ, trẻ phải hiểu được những gì mình học, những gì mình làm hướng tới điều gì. Chỉ như vậy, trẻ mới cảm nhận và thấy hết được ý nghĩa của cuộc sống. Sự rèn luyện và học tập đạo đức, trí năng và thể lực sẽ hướng đến hạnh phúc của trẻ.

3.3. Đối tượng và chủ thể giáo dục trẻ em

Giáo dục học truyền thống quan niệm, giáo dục là quá trình truyền đạt tri thức và kinh nghiệm hoặc là quá trình rửa tội và thanh lọc tâm hồn hoặc có thể là một quá trình khai sáng nhằm giúp con người tự do sử dụng lý trí. Giáo dục truyền thống hạ thấp những đặc tính riêng biệt của trẻ em cũng như những suy nghĩ bất thường, những đặc điểm do buộc phải bị che đậy hoặc bị loại bỏ. Vấn đề của giảng dạy trở thành cung cấp sách giáo khoa đưa ra những phần và trình tự hợp logic của nội dung và quyết định phương pháp.

J.J.Rousseau đã phê phán nền giáo dục cổ truyền. *Đối tượng* giáo dục ông bàn đến là trẻ em, "sự giáo dục bắt đầu từ khi anh ta ra đời; trước khi nói, trước khi nghe thấy, con người đã học tập rồi" [53, tr.67]. Theo ông, trẻ em thật sự cần thiết phải được giáo dục, bởi vì "Người ta uốn nắn cây nhờ vun trồng và đào luyện con người nhờ giáo dục. Nếu con người sinh ra vốn cao lớn mạnh mẽ, thì tầm vóc và sức mạnh của anh ta sẽ vô dụng đối với anh cho đến khi nào anh học được cách sử dụng chúng" [53, tr.32]. Trẻ em là những người còn ngây thơ, chưa bị ảnh hưởng từ mặt trái của văn minh, những cám dỗ từ xã hội nên việc giáo dục trẻ ngay từ khi còn nhỏ sẽ định hình sự phát triển của trẻ theo khuynh hướng tự nhiên. Khi trẻ đã trưởng thành và bắt đầu có thể tự suy nghĩ và lựa chọn các thiên hướng phù hợp với chính mình, nên giáo dục ở giai đoạn trưởng thành sẽ không còn phù hợp, giống như cái cây đã trưởng thành, rất khó để uốn nắn.

J.J.Rousseau cho rằng trẻ em cần được giáo dục thuận theo tự nhiên, là trung tâm và là mục đích của giáo dục. Sự phát triển và trưởng thành của trẻ là việc giáo dục phải hướng đến và thực hiện. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục là nghiên cứu trẻ em. Về vấn đề này ông đã lý giải như sau, "Người ta phàn nàn về trạng thái tuổi thơ, người ta không biết rằng loài người sẽ tiêu vong, nếu như con người không khởi đầu bằng việc là trẻ thơ" [53, tr.32]. Giáo dục phải hướng quan tâm đặc biệt đến việc hiểu trẻ em, vì chính trẻ em là khởi đầu, chuẩn bị cho sự tồn vong, hưng thịnh, sự phát triển của mọi quốc gia trên thế giới. Quan điểm đó rất căn bản, chính xác, thể hiện trách nhiệm hết sức lớn lao của triết gia đối với sự nghiệp giáo dục.

Ngoài ra, J.J.Rousseau cho rằng hoàn cảnh của người nghèo và người giàu có sự khác biệt hoàn toàn. Đối với người nghèo, chính hoàn cảnh sống của họ đã giáo dục họ, "Sự giáo dục tự nhiên ắt phải làm cho con người thích hợp với mọi thân phận" [53, tr.54]. Trong khi đó, người giàu sống ở nơi diễn ra nhiều nhất sự thị phi, đồi bại; họ lại đang nhận được sự giáo dục của một nền giáo

dục ít thích hợp nhất cho cả bản thân họ và cho cả xã hội, nên họ cần phải được giáo dục một cách hợp lý. Mặt khác, theo tỷ lệ hoàn cảnh thực tế thì số người phá sản nhiều hơn số người phất lên, do đó hãy chọn kẻ giàu để giáo dục; chí ít ta cũng chắc chắn là đã đào tạo được thêm một con người [Xem: 53, tr.54].

Tất cả các môn học, các phương pháp giáo dục đều phụ thuộc vào khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển khả năng của mỗi cá nhân chứ không phải sự nhận thức hay kiến thức của trẻ. Học tập mang tính chủ động, có nghĩa là học tập xuất phát từ trẻ em, vì lợi ích và năng lực của trẻ em. Song chỉ *đối tượng* đúng đắn là chưa đủ nếu không nhận thức đúng *chủ thể* tác động vào *đối tượng*. Nhưng *chủ thể* không đứng im mà luôn vận động để phù hợp với sự thay đổi của *đối tượng* cần tác động. Trẻ em là *đối tượng* của giáo dục và trẻ em có quyền quyết định những thiên hướng chúng học và phát triển. Tuy nhiên, nếu không có sự tác động của cha, mẹ, thầy giáo, v.v.., những đứa trẻ đó khó có thể phát huy được hết khả năng của mình. Ông viết: "Chúng ta không bao giờ biết đặt địa vị của mình vào trẻ em, chúng ta không thâm nhập các ý tưởng qua chúng, chúng ta gán cho chúng các ý tưởng của mình; và bằng cách luôn đi theo những suy luận của mình, và những chuỗi chân lý nối tiếp, chúng ta chỉ chồng chất vào đầu óc chúng toàn những điều ngông cuồng và sai lầm vô lý mà thôi" [53, tr.221]. Vì vậy, cha, mẹ, cần phải đóng vai trò là *chủ thể* của giáo dục để tác động, định hướng và tạo điều kiện tối đa cho trẻ phát triển. Theo J.J.Rousseau, hãy để cho bản tính tự nhiên của trẻ em hoàn thành số mệnh của chính nó, hãy để cho bản tính của trẻ em tự bộc lộ và được phát hiện trong bất cứ mọi hoàn cảnh. Nhưng cha, mẹ cũng có vai trò vô cùng quan trọng. Nếu họ không biết, không quan tâm hoặc để tâm tìm hiểu về học trò của mình, thì sẽ không hiểu được năng lực, năng khiếu, thái độ, tâm lý của trẻ qua mỗi giai đoạn. Cha, mẹ cũng sẽ không hiểu được bằng cách nào để trẻ em khẳng định năng lực ấy, vận dụng năng khiếu ấy và hình thành thái độ ấy trong hiện thực.

Một trong những điều không thể không quan tâm ở đây là tư tưởng của J.J.Rousseau cho rằng, người thầy có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, người thầy chỉ đóng vai trò hướng dẫn và khai mở những khả năng tiềm tàng của người học. J.J.Rousseau đã đánh giá đúng rằng "người thầy không nên can thiệp vào các hoạt động của trẻ. Nhiệm vụ của người thầy nên thấy rằng giáo dục của học sinh là sự phát triển tự do về lợi ích và động cơ của họ"[9] [93, tr.6532]. Đối với ông, người thầy phải có tri thức về giáo dục, đó là hình mẫu về người thầy. Trong một nền giáo dục cần có những người thầy như thế. Chỉ có như vậy, người thầy mới hiểu được bản chất, nội dung, chức năng, mục tiêu, phương pháp giáo dục; mới hiểu được người học; hiểu được những yêu cầu thực sự của đời sống; mới có thể hình dung được cái sản phẩm giáo dục của mình; mới không đem cái ý kiến, tư tưởng, tưởng tượng chủ quan của mình chụp lên đứa trẻ. Ông đòi hỏi người thầy hướng dẫn cho trẻ và không được ngộ nhận mình là người ra lệnh, mà trái lại phải thấy khả năng phát triển của chính đứa trẻ và người thầy phải tạo điều kiện tối đa để khả năng của trẻ được phát triển. Đương nhiên, J.J.Rousseau không nhầm lẫn "điều khiển" với hướng dẫn. Ông cho rằng phải hiểu được, thừa nhận sự thật nói trên thì người thầy mới có thể thực hiện được công việc hướng dẫn. Vì thế, "hãy sớm chuẩn bị cho trẻ quen tự do và sử dụng sức lực của nó, bằng cách để thân thể nó có thói quen tự nhiên, bằng cách đặt nó trong trạng thái luôn được tự chủ, được làm mọi điều theo ý muốn của nó, một khi nó có ý muốn nào đó" [53, tr.68]. Như vậy, người học phải là trung tâm của quá trình giáo dục; người học phải học tập một cách tích cực, chủ động; người thầy phải thấy rõ công việc hướng dẫn của mình như một "nghệ thuật".

Tóm lại, theo J.J.Rousseau, giáo dục phải xuất phát từ trẻ em, coi trọng sự phát triển tự nhiên của trẻ, nên giáo dục phải là quá trình của người học chứ

[9] "Teacher should not interfere with the activities of the children. The teacher duty is that the should see that the education of the students is the development of their interests and motives".

không phải của người dạy, giáo dục chính là quá trình lấy người học làm trung tâm. Trẻ em là đối tượng của giáo dục được hướng dẫn, định hướng từ cha, mẹ, người thầy để có thể phát huy được những khả năng tiềm ẩn của mình. Chính trẻ em là tương lai của dân tộc; đất nước có phát triển hay không, chúng ta có thể nhìn ngay vào việc giáo dục và đầu tư cho trẻ em. Nếu trẻ em được giáo dục đúng, những công dân trong tương lai sẽ định hình nên cả một đất nước sau này. Người dạy là người khơi gợi những tri thức để người học tìm hiểu và chiếm lĩnh tri thức ấy.

3.4. Nội dung giáo dục trẻ em

Qua sự trải nghiệm cuộc sống, J.J.Rousseau đã viết lên những suy nghĩ về tầm quan trọng của việc tạo ra một môi trường bình đẳng, tự do, nơi con người được trân trọng, được yêu thương, để con người được sống tử tế và từ đó ngược lại bằng hành động, thái độ sống tử tế, con người giúp môi trường sống của mình ngày càng tốt đẹp hơn. J.J.Rousseau đã lên án nền giáo dục của xã hội đương thời, nội dung giáo dục chỉ tập trung vào những điều con người cần biết mà không coi trọng những điều trẻ em có thể học được. Việc ràng buộc trẻ em với các chương trình và sách giáo khoa sẽ làm hủy hoại trí tuệ của chúng bởi các dữ kiện hiện thực như là những kết quả phát minh của ai đó, hoàn toàn xa lạ với trẻ em. Nhà trường truyền thống quan tâm chủ yếu đến việc truyền bá và tích lũy cho trẻ em một lượng kiến thức khổng lồ, hơn là chú ý đến diễn biến của sự phát triển của đứa trẻ. Hậu quả là xuất hiện nguy cơ đánh mất tuổi thơ của trẻ em. Ông kêu gọi phải giáo dục tự nhiên và giáo dục tự do, vì tự nhiên mong muốn rằng trẻ em phải sống đúng nghĩa trước khi trưởng thành. Đặc điểm lớn nhất của giáo dục tự nhiên là từ quan điểm về bản chất con người, con người phải luôn tuân theo các nguyên tắc tự nhiên, để cơ thể và tâm trí của trẻ em có thể được phát triển tự nhiên và tự do trong giáo dục. Vì vậy,

thiết chế và giáo dục cần được xây dựng dựa trên " bản chất tự nhiên của trẻ em và tổ chức theo nó"[10] [110, tr.322].

Theo J.J.Rousseau, nội dung giáo dục là một khái niệm được mô tả như là những điều mà người học thực sự dùng đến khi hành động trong một tình huống có mục đích. Tri thức có tổ chức sẵn, dù quan trọng thế nào đi nữa, cũng phải phục vụ mục đích của việc dạy. Khái niệm, mệnh đề và lý thuyết được đưa vào, khi chúng cần thiết cho việc giải quyết vấn đề. Khi vấn đề trở nên phức tạp hơn thì cần phải có tri thức mang hệ thống hơn. Các nội dung học có sự phân loại khác nhau nhưng đó là sản phẩm của các thế hệ đi trước chứ không phải sản phẩm của kinh nghiệm của trẻ em, nên luôn có sự vênh nhau giữa kinh nghiệm của trẻ em và các hình thức khác nhau của nội dung. Vì thế, giáo dục cần thiết phải khôi phục lại nội dung của các môn học gắn với kinh nghiệm, ở bên trong kinh nghiệm, gần gũi và thực tế với trẻ em. Nội dung ấy cần được biến đổi thành quá trình tâm lý của người học. Quá trình giáo dục một con người từ lúc mới chào đời đến lúc trưởng thành theo tư tưởng của triết gia bao gồm rất nhiều nội dung khác nhau từ cách ăn uống, mặc, ngủ, sử dụng các giác quan đến những điều lớn lao hơn như lao động, giáo dục giới tính, giáo dục các môn khoa học, giáo dục tôn giáo hay hướng trẻ biết quan tâm đến mọi người và đặc biệt có lòng yêu thương con người. Trong đó, J.J.Rousseau bàn đến giáo dục chủ yếu qua ba khía cạnh chính là: thể chất, trí năng và đạo đức.

3.4.1. Quan niệm về giáo dục thể chất

J.J.Rousseau đánh giá cao sức khoẻ thể chất, "thân thể phải có sức mạnh để tuân theo tâm hồn: một người phục vụ tốt phải cường tráng" [53, tr.55]. Mọi đam mê nhục dục đều ẩn sau một thân thể ẻo lả và thân thể yếu đuối làm bạc nhược tâm hồn. Trong tác phẩm *Những lời bộc bạch*, tác giả chia sẻ rằng: sức khoẻ của ông rất yếu, nhiều lần bị ốm và trải qua những cơn sốt nghiêm trọng

[10] "Education contents should follow the nature of child and organization according it"

“Trước hết là sức khoẻ xấu. Cơn bệnh cấp tôi vừa mắc có những hậu quả khiến tôi không bao giờ còn khoẻ mạnh được như trước đây” [54, tr.461]. Chính vì vậy, J.J.Rousseau hiểu rằng, giáo dục thể chất là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu, trẻ phải có sức khoẻ tốt, sau đó mới có thể học được những nội dung giáo dục khác, trước tiên “để cho thân thể nó được tự do mạnh mẽ lên bằng sự tập luyện không ngừng mà bản năng yêu cầu nó” [55, tr.536]. Tạo mọi điều kiện để trẻ được vận động cơ thể, làm những thứ chúng muốn liên quan đến thể chất. “Nên rèn luyện thể chất và sức khỏe cho trẻ như chạy, nhảy, leo trèo và bơi lội. Đứa trẻ phải được phép tự do vận động tối đa”[11] [93, tr.6531] và điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển của trẻ. Giáo dục tự nhiên và tự do, lấy người học làm trung tâm là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt mọi nội dung giáo dục của J.J.Rousseau. Ông quan tâm đến sự tự do và thoải mái của trẻ bắt đầu từ những chi tiết rất nhỏ, đó là bộ y phục. “Chừng nào người ta chưa khiến đứa trẻ phục tùng các thành kiến của chúng ta, thì mong muốn đầu tiên của nó là được thoải mái và tự do; bộ quần áo giản dị nhất, thuận tiện nhất, bộ quần áo ít bắt nó lệ thuộc nhất, bao giờ cũng là quý giá nhất đối với nó” [53, tr.157]. Từ đây, ông lên án cách chăm sóc thái quá, như cho trẻ mặc quá nhiều áo khiến trẻ nóng bức dễ sinh bệnh tật, hay việc quấn trẻ thật chặt trong các tã nịt làm trẻ không được tự do vận động. Ông không đồng tình với việc, “Đứa trẻ vừa ra khỏi bụng mẹ, vừa mới được tự do động đậy và duỗi chân, duỗi tay, là người ta đã cho nó những ràng buộc mới. Người ta bó chặt nó trong tã nịt, người ta để nó nằm đầu cố định còn chân duỗi ra, hai cánh tay nó buông xuôi cạnh thân hình; đủ loại quần áo và vải vóc quấn xung quanh nó, không cho nó thay đổi tư thế” [53, tr.40]. Ông cho rằng, chính những thành kiến, quan niệm cùng với sự chi phối của thể chế khiến con người đã bị trong xiềng xích của văn minh từ khi sinh ra bị quấn trong tã nịt đến khi chết cũng bị đóng đinh trong quan tài. Như vậy, người ta sẽ làm cản trở việc phát triển tự

[11] “Physical and health training should be given to the child i.e, Running, jumping, climbing and swimming. The child must be allowed utmost freedom of movement”

nhiên, khỏe mạnh và cân đối của con trẻ, làm trẻ bị biến dạng về thân thể, đau đớn, khổ sở.

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống, sinh hoạt của con người. J.J.Rousseau rất nghiêm khắc với việc xác định chế độ sinh hoạt trong ngày để tránh những tác nhân xấu từ xã hội văn minh, vì vậy, ông cũng đưa ra nhiều lời khuyên về chế độ ăn uống cho trẻ. Thức ăn phù hợp đối với trẻ phải là các sản phẩm được làm tự nhiên. "Trái cây, sữa, vài miếng bánh nướng ngon hơn bánh mỳ thường ngày một chút, nhất là nghệ thuật phân phát những thứ ấy một cách chừng mực" [53, tr.195]. Theo triết gia, trẻ em nên được hướng dẫn ăn các thực phẩm từ tự nhiên, bởi vì, "tất cả người hoang dã đều tàn nhẫn, song phong tục của họ dẫn đến điều ấy, sự tàn nhẫn này xuất phát từ thức ăn của họ. Họ ra trận để đi săn và đối xử với con người như với những con gấu" [53, tr.195]. Khi ăn thịt đồng nghĩa với việc tàn sát các sinh vật có sự sống, điều này dẫn đến sự tàn bạo đối với những người săn bắt chúng. Thực chất, nếu cho những đứa trẻ ăn thịt động vật sẽ làm mất thị hiếu nguyên sơ của đứa trẻ. Việc ăn uống không đúng cách sẽ làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính cách của chúng. Những đứa trẻ cần được ăn uống một cách đúng chừng mực, tập cho chúng những món ăn thông thường và đơn giản, hãy để trẻ ăn, chạy, chơi đùa tuỳ thích. Tuy nhiên, theo J.J.Rousseau, bố mẹ nên tránh để trẻ "ăn quá nhiều và để chứng đầy bụng khó tiêu" [53, tr.199]. Người lớn phải đưa ra chế độ ăn cho trẻ đủ chất dinh dưỡng, như vậy mới đảm bảo được sức khoẻ thể chất và tinh thần. Sau những kiến giải như trên, J.J.Rousseau cho rằng "thị hiếu ăn thịt không mang tính tự nhiên ở con người, là sự thờ ơ của trẻ em đối với món ăn đó, và sự ưa chuộng của tất cả trẻ em đối với các thức ăn từ thực vật, như sữa, bánh ngọt, trái cây..." [53, tr.195]. Quan niệm này thể hiện thâm ý của J.J.Rousseau, để trẻ có được sự phát triển thể chất khoẻ mạnh theo khuynh hướng tự nhiên, một trong những yếu tố quan trọng là thức ăn của trẻ cũng phải được làm từ thiên nhiên.

Giống như Locke, khi bàn đến nội dung giáo dục trẻ em, J.J Rousseau cũng đặc biệt tập trung bàn đến vấn đề rèn luyện sức khoẻ đối với trẻ và đặt vấn đề này lên hàng đầu. Ngay từ khi được sinh ra, đứa trẻ đã buộc phải phó mặc bản thân cho những người khác - nhận thức rõ điều này, J.J.Rousseau yêu cầu phải làm cho cơ thể của trẻ cứng rắn trước những thất thường bất lợi của thời tiết, của khí hậu, của các yếu tố thiên nhiên, trước cái đói, cái khát, cái mệt. Việc bảo tồn sự sống là một nội dung rất quan trọng, "Môn học đầu tiên của con người là một thứ vật lý thực nghiệm liên quan đến việc bảo tồn chính mình" [53, tr.154]. Tự bảo tồn cũng là bản năng hết sức tự nhiên, con người có thể tồn tại và phát triển được, điều đầu tiên là tự bảo tồn, "mọi người chỉ nghĩ đến bảo tồn con mình; như thế không đủ cần dạy nó tự bảo tồn khi là người trưởng thành, dạy nó chịu đựng các thử thách của số phận, dạy nó không sợ giàu sang và nghèo khổ, dạy nó sống nếu cần, trên băng đá miền Islande hay trên núi đá nóng bỏng vùng Mallte" [53, tr.39]. Trẻ tự biết yêu quý sinh mạng và sức khoẻ, tự biết cách để bảo vệ sức khoẻ của mình là những điều thiết yếu để đứa trẻ có thể vững vàng trên đường đời sau này. Nói chung, phải rèn luyện cho trẻ về những thử thách và cách để vượt qua những khó khăn mà một ngày kia chúng sẽ phải đối mặt.

Theo J.J.Rousseau, "hầu như tất cả các tấm gương về những cuộc sống thọ nhất đều được rút ra từ những người đã luyện tập nhiều nhất, đã chịu nhọc nhằn và lao động nhiều nhất" [53, tr.58]. Do vậy, ông thấy cần phải cho học trò của mình lao động chân tay, luyện tập thân thể để tính tình và sức khỏe thêm mạnh mẽ. Hơn nữa, lao động là một nghĩa vụ với bất kỳ ai, bởi ai cũng cần trưởng thành từ những giá trị của lao động, "người ta chỉ rút nó ra từ nơi gần nhất với bản thân là bằng lao động của mình" [55, tr.79-80]. Việc không trực tiếp làm ra nó mà dùng quyền lực để thụ hưởng được J.J.Rousseau coi là đồng nghĩa với ăn cướp, hay với việc mắc nợ người khác. "Vậy lao động là một nghĩa vụ cần thiết với con người xã hội. Giàu hay nghèo, quyền thế hay yếu đuối, bất kỳ công dân nào ăn không ngồi rồi đều là một kẻ gian manh" [53, tr.258]. Ông luôn nghĩ

rằng, bất cứ nghề nào hữu ích cho công chúng đều lương thiện. Khác với Locke, J.J.Rousseau không muốn học trò của mình làm thợ thêu, thợ thếp vàng, thợ quang dầu tráng men cũng không muốn nó làm nhạc sĩ, diễn viên hay viết sách, ông chỉ đơn giản là muốn học trò học lấy một nghề mà chúng muốn. Ông cũng lưu ý việc chọn nghề phải phù hợp với khả năng của trẻ, chứ không chọn vì sở thích của trẻ. Tuy nhiên, cần hiểu đúng quan điểm chọn một nghề song mục đích là để "làm người", chứ không để là thợ. Lao động để rèn luyện thân thể và hình thành thói quen lao động chân tay, song hơn thế lao động sẽ "đem lại cho học trò mình sở thích nghĩ ngợi và suy tư, để bù lại sự biếng nhác ở nó do thờ ơ với những phán đoán của mọi người và do trạng thái bình thản của các đam mê. Cần để nó làm việc như nông dân và tư duy như trí giả...Bí quyết quan trọng của việc giáo dục là làm sao cho những sự luyện tập thân thể và luyện tập trí óc luôn luôn việc nọ dùng để giải lao cho việc kia" [53, tr.269]. Theo ông, cần phải có những quan sát tinh vi hơn để nhận ra được tài năng và sở thích thực sự của một đứa trẻ.

J.J.Rousseau đã nhìn thấy những mặt trái của xã hội văn minh và đưa ra nhận định, "các thành phố là vực thẳm của loài người. Sau vài thế hệ, nòi giống tiêu vong hoặc thoái hoá; phải đổi mới nòi giống, và nông thôn bao giờ cũng cống hiến cho sự đổi mới ấy" [53, tr.63]. Sở dĩ ông đưa ra nhận định đó là vì: môi trường tác động đến thể chất của trẻ, đặc biệt trong những năm đầu đời sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến thân thể mới nảy nở. Môi trường thuần khiết ở nơi thôn quê tốt hơn môi trường đang bị pha tạp ở thành thị, nó có tác động lớn đối với sự phát triển của trẻ. Mặt khác, thành phố là nơi tập trung rất đông người, con người vốn không được tạo nên để chen chúc, mà để phân tán trên mặt đất; những tàn tật của thân thể, những thói xấu của tâm hồn là kết quả không sao tránh khỏi của sự tụ hội quá đông đảo. Trong khi đó, nông thôn là nơi hợp với con người một cách tự nhiên hơn; sống ở đó, những thú vui gắn liền với bổn

phận tự nhiên sẽ nhanh chóng làm cho con người quên đi những thú vui không liên quan đến bổn phận ấy.

Như vậy, nội dung về giáo dục thể chất cho trẻ của J.J.Rousseau có phần khắt khe nhưng có nhiều ý nghĩa đúng đắn và đến ngày nay vẫn có tác dụng tích cực. Giáo dục thể chất có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của trẻ. Trẻ em phải được thoải mái trong cách ăn và mặc để giúp trẻ có sự phát triển tốt nhất về mặt hình thể. Khi trưởng thành, trẻ nên được rèn luyện thể lực thông qua lao động, vì lao động là cách tốt nhất không chỉ rèn luyện thân thể mà còn giúp trẻ học cách suy nghĩ và trải nghiệm về cuộc sống. Cách tốt nhất để đứa trẻ có thể phát triển một cách tự nhiên là tránh những tác nhân xấu từ mặt trái của xã hội văn minh.

3.4.2. Quan niệm của về giáo dục trí năng qua các môn khoa học

Trí năng là năng lực hiểu biết, suy nghĩ của mỗi con người. Một cơ thể, bộ não khoẻ mạnh là cơ sở hình thành nên một người có năng lực cao. Trí năng của con người được nâng cao nhờ sự tin tưởng và làm theo lời Chúa dạy. J.J.Rousseau cho rằng, "Chúa là một trí năng" [53, tr.393]. Tuy nhiên, triết gia là nhà tự nhiên thần luận, mặc dù tin vào Chúa nhưng ông cho rằng thần linh hoặc Chúa trời không can thiệp trực tiếp vào thế giới, và rằng người ta có thể đạt đến các chân lý tôn giáo bằng việc chỉ sử dụng lý trí chứ không phải dựa vào mặc khải. Vì vậy, quan niệm của ông về Chúa không đồng nghĩa với quan điểm duy tâm. Theo nhà tư tưởng, con người thông minh khi lập luận, còn trí năng tối thượng thì không cần đến lập luận. Quyền năng của Chúa tác động bằng chính sự cố gắng của con người. Vì vậy, những đứa trẻ cần được rèn luyện đặt niềm tin vào trí năng của đấng tối cao. Tuân theo quyền năng của Chúa, con người sẽ nâng cao được sự hiểu biết và nhận thức của mình.

Trẻ em bước vào độ tuổi mười hai, mười ba - sức lực mạnh hơn rất nhiều so với nhu cầu của nó thì đây là giai đoạn quý báu nhất đời. Việc rèn luyện cho

trẻ khả năng tư duy, hiểu biết các vấn đề là cần thiết để trẻ vượt lên số phận của chính mình "Xét tuổi thơ ấu tự bản chất nó, trên đời có sinh vật nào yếu ớt hơn, khốn khổ hơn, phải phục tùng mọi thứ xung quanh mình như một đứa trẻ" [55, tr.536]. Trẻ em cần được giải phóng khỏi những gò bó, đau khổ và để làm được điều đó, trước tiên trẻ em phải được rèn luyện một trí lực vững vàng. Thông qua học tập và giao tiếp, các phương tiện thông tin, v.v.., đã tạo ra khối lượng khổng lồ các nội dung truyền đạt. Việc này tạo ra một vấn đề là học sinh sẽ không "lọc" được kiến thức nào là đúng và cần thiết. Chúng sẽ bị "ngập lụt" trong "đống" kiến thức khổng lồ. Chừng nào điều truyền đạt ấy không thể được tổ chức thành kinh nghiệm hiện hữu cho người học thì việc truyền đạt ấy trở thành lời nói đơn thuần, nghĩa là sự kích thích các giác quan thuần túy và chẳng có ý nghĩa nào cả. Nói cách khác, học tập không phải là tìm hiểu toàn bộ tri thức nhân loại hay tất cả những gì đang tồn tại, bởi vì trong số những tri thức đó, có những tri thức vượt quá khả năng, cái thì vô bổ, cái lại sai lầm, nên trẻ chỉ cần được dạy những kiến thức đúng và phù hợp với độ tuổi. Theo J.J.Rousseau, "những tri thức thực sự góp phần vào sự an lạc của chúng ta mới xứng đáng với những tìm kiếm của một con người hiền minh, và do đó của một đứa trẻ mà ta muốn nó trở thành người như vậy. Vấn đề không phải là biết những gì đang tồn tại, mà là chỉ biết những gì hữu ích thôi" [53, tr.215]. Khi trí năng của trẻ bắt đầu tiến bộ, chúng bắt đầu thích khám phá và tìm hiểu các môn khoa học, lúc đó cần phải tập cho chúng quen hướng việc sử dụng thời gian vào những mục tiêu hữu ích – những môn khoa học hữu ích rõ rệt với lứa tuổi của trẻ. Để tạo ham muốn học tập các môn khoa học ở trẻ, trước hết phải cho trẻ thấy việc học tập đó có liên quan đến lợi ích của trẻ như thế nào.

Nội dung giảng dạy các môn khoa học nên lấy kinh nghiệm làm trung tâm. Điều này sẽ được cung cấp trong hoạt động thực tế và kinh nghiệm phải được cung cấp từ những trải nghiệm trong hoạt động thực tế. Vì vậy, nội dung giảng dạy các môn khoa học là dựa trên phạm vi khá rộng. Trải nghiệm này phải tuân

theo những lý thuyết khác nhau nên cần nhu cầu về sách văn bản và cả những kinh nghiệm trực tiếp. Tuy J.J.Rousseau đã cảnh tỉnh những cạm bẫy duy khoa học, duy kỹ thuật mang lại cho con người nhưng khoa học, kỹ thuật cũng có những mặt lợi ích, nếu chúng ta hiểu và tránh được những mặt trái của chúng. Vì vậy, việc giảng dạy các môn khoa học nên đi vào thực tế để giúp trẻ rèn luyện trí năng. J.J.Rousseau cho rằng, ngay cả các môn khoa học cũng không nên được giảng dạy chính thức trong lớp học mà phải dạy trên thực địa và thông qua khám phá. Điều này cũng phù hợp với bản chất tự nhiên của đứa trẻ. Tất nhiên, nội dung giáo dục phải phù hợp với năng lực và khuynh hướng tự nhiên nội tại của trẻ.

Sự hiểu biết của trẻ về thế giới bên ngoài nên chú trọng các môn học như vật lý, thiên văn và con người như môn lịch sử, tiểu sử các nhân vật. Trong đó, môn lịch sử là môn ông thích thú và quan tâm nhất. "Đối với những kinh nghiệm trong quá khứ, lịch sử và các môn khoa học xã hội nên được đưa vào"[12] [93, tr.6531]. Môn lịch sử hướng tới việc nghiên cứu những vấn đề về pháp luật và nhà nước, những vấn đề mang tầm vóc lớn cho thế hệ tương lai, những người sẽ làm chủ đất nước. Đặc biệt là các vấn đề xã hội, đó là các quyền tư hữu, hệ thống trao đổi kinh tế và tiền tệ, cuối cùng là về nhà nước và bổn phận các công dân. Trí năng của con người luôn cần được nâng cao và rèn luyện, tuy nhiên trí năng đó cũng có giới hạn nên mỗi người chỉ cần tìm hiểu những điều thực tế. Điều đầu tiên gần gũi mà cũng là mối quan tâm của đứa trẻ là kiến thức về những điều kiện tự nhiên xung quanh con người như trái đất, mặt trời, vị trí địa lý của một thành phố hay một dòng sông, các hiện tượng vật lý như khi ma sát sinh ra hiện tượng hút cọng rơm hay hiện tượng con vịt bị hút bởi một mẩu bánh. Đúng như ông nói: "tinh thần sự giáo dục của tôi không phải là dạy cho đứa trẻ nhiều điều, mà là bao giờ cũng chỉ để cho đi vào trí não nó những ý

[12] "For the past experiences history and social studies subjects should be included".

niệm đúng đắn và rõ ràng mà thôi" [53, tr.222]. Thực chất, chỉ những tri thức thực sự cần thiết cho cuộc sống của trẻ mới xứng đáng với những tìm kiếm và học hỏi theo khuynh hướng tự nhiên. Vì vậy, một đứa trẻ ta muốn nó trở thành người như vậy, vấn đề không phải là biết những gì đang tồn tại, mà là chỉ biết những gì hữu ích với chúng.

Theo J.J.Rousseau, "Những tiến bộ trong môn hình học có thể dùng để thử thách và ước lượng chắc chắn về sự phát triển của trí năng" [53, tr.216]. Trẻ có thể khái quát hóa, bản đồ hoá và rút gọn các sự vật hiện tượng lại còn phạm vi rất nhỏ bé so với sự tồn tại thực của các sự vật, hiện tượng. Những bản đồ lược hoá sẽ dần dần xuất hiện trong trí não trẻ, chúng sẽ biết tóm lược và khái quát hoá những gì chúng nhìn và cảm nhận trong cuộc sống. Từ đó, trẻ có thể biết phân biệt cái gì hữu ích với cái không hữu ích, điều quan trọng là phải sử dụng nhiều kỹ năng để dẫn nó đến những môn học tự nhiên bằng cảm nhận trực tiếp để kích thích các năng lực khác nhau trong trí não. Trí năng của trẻ được rèn luyện tốt, đồng thời sẽ tăng khả năng nhìn nhận và phán đoán của chúng trong cuộc sống, J.J.Rousseau cho rằng, "Ta chỉ biết ý chí bằng ý thức về ý chí của riêng mình...nguyên nhân nào quyết định ý chí của ta, đến lượt ta, ta lại hỏi rằng nguyên nhân nào quyết định sự phán đoán của ta" [53, tr.386]. Để một thanh niên giỏi phán đoán, rất cần rèn luyện năng lực tư duy của cậu ta, thay vì truyền bảo cho cậu các phán đoán của người lớn: "Và cái gì quyết định nguyên nhân phán đoán của con người. Đó là năng lực trí tuệ, đó là khả năng xét đoán của nó" [53, tr.386]. Trong xã hội văn minh, sẽ có nhiều vấn đề thật và giả nảy sinh, giữa rất nhiều mối quan hệ mà trẻ sắp phụ thuộc, nó sẽ cần phải phán đoán dù nó không muốn, do vậy hãy dạy nó phán đoán cho đúng.

Quá trình học tập các môn khoa học đòi hỏi yếu tố thực tế cao cần đứa trẻ phải có khả năng quan sát, đặc biệt các môn khoa học tự nhiên khi quan sát các thực thể và sự chuyển động của chúng. Do vậy, J.J.Rousseau đặc biệt chú ý đến việc rèn kỹ năng quan sát cho trẻ. Ông cho rằng, năng lực các giác quan

của một đứa trẻ cũng không khác nhiều so với một người trưởng thành và cần được vun trồng, hoàn thiện. "Rèn luyện giác quan không chỉ sử dụng giác quan, đó là, học cách phán đoán đúng nhờ vào giác quan, có thể nói đó là học cảm nhận" [53, tr.165]. Chính việc sử dụng các giác quan chính xác sẽ giúp việc sử dụng sức lực hợp lý không thừa cũng chẳng thiếu. Trẻ có thể thu nhận được tri thức mới từ các môn khoa học tự nhiên, mà chỉ khi chúng tự quan sát mới có được. Ông còn khuyến khích học trò không cần dùng đến công cụ hỗ trợ nên bằng phán đoán. Theo J.J.Rousseau, để có được phán đoán tốt, những đứa trẻ phải có một khả năng quan sát tốt các sự vật, hiện tượng. Khả năng quan sát cần được tự do hoạt động và phải được bố trí đúng, không sai lệch, và thông qua cảm giác phải phát hiện được sự thay đổi, kết cấu, hoạt động của sự vật hiện tượng, tùy theo đà phát triển của con người, tiến từ cảm giác lên tri giác và từ đó lên ý niệm, xây dựng lý trí, trí xét đoán và trí nhớ, là những khả năng trên cơ sở đó mới phát triển được.

Bên cạnh việc giáo dục các môn khoa học, với chủ trương thiết lập giáo dục tự nhiên để trẻ sớm làm quen, tiếp xúc với những khó khăn và nỗi sợ hãi sẽ giúp trẻ miễn trừ những điều đó khi gặp phải sau này, nên giáo dục trí lực để giúp trẻ có lòng dũng cảm trước những khó khăn, thử thách bên ngoài. "Tôi muốn người ta tập cho trẻ quen nhìn thấy các đồ vật mới, các con vật xấu xí, ghê tởm, kỳ cục, nhưng là dần dần, từ xa, cho đến khi trẻ quen đi…trẻ đã nhìn mà không hoảng sợ những con cóc, con rắn,… thì khi lớn, nó nhìn sẽ không kinh hãi trước con vật nào" [53, tr.68]. Theo J.J.Rousseau, cần chủ động cho trẻ đối mặt với những thử thách khác nhau, như để trẻ không sợ sấm sét, phải chủ động tạo ra và cho trẻ quen dần với những âm thanh như tiếng súng, tiếng trái phá, tiếng nổ kinh khủng nhất. Để giáo dục trí năng có hiệu quả hơn, giáo dục lòng dũng cảm là cần thiết để tăng khả năng vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống sau này của trẻ.

Như vậy, giáo dục cho trẻ năng lực nhận thức, hiểu biết là một trong những nội dung giáo dục quan trọng đối với trẻ. Giáo dục để trẻ có năng lực vượt qua những sóng gió trong cuộc đời để trẻ rèn luyện lòng dũng cảm có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển về ý chí của trẻ. Giáo dục trí năng sẽ giúp trẻ nhìn nhận và đánh giá vấn đề xung quanh một cách chuẩn xác hơn. Đặc biệt giáo dục trí năng cho trẻ qua việc rèn luyện các môn khoa học, được trải nghiệm trực tiếp về sự vật, con người và xã hội xung quanh, điều này sẽ tăng kinh nghiệm sống cho trẻ.

3.4.3. Quan niệm về giáo dục đạo đức

Theo J.J.Rouseau, để tránh những cạm bẫy dục vọng từ mặt trái của xã hội văn minh, trẻ cần được học lối sống lành mạnh phù hợp với chính mình và cách ứng xử với mọi người. Trước tiên, trẻ cần phải có sự rung động, cảm thông sâu sắc đối với những sự vật xung quanh, "Muốn trở nên nhạy cảm và lay động lòng thương xót, đứa trẻ cần phải biết rằng có những sinh vật giống như nó đang đau khổ về những gì mà nó từng đau khổ" [53, tr.299]. Trẻ em cần được giáo dục để có thiện tâm và tận đáy lòng là tình yêu đồng loại; tạo cho trẻ luôn có điều kiện thực hành việc tốt đúng như khả năng và trình độ của chúng. Trẻ có đủ tình yêu và lòng dũng cảm để đấu tranh bảo vệ những người khốn khổ; cảm thấy đau khổ khi người khác đau khổ và hạnh phúc của người khác làm nó vui sướng. Học trò với tấm lòng từ thiện sẽ luôn quan tâm đến các phương cách làm chấm dứt nỗi thống khổ của con người. "Nếu phát hiện ra sự bất hòa giữa bạn bè của mình thì trẻ tìm cách hòa giải. Nếu thấy những người sầu khổ, trẻ sẽ thăm hỏi nguyên nhân gây ra sự thống khổ đó" [53, tr.344]. Trẻ cần thể hiện một cách đơn giản qua tình cảm cao thượng biểu hiện qua lời nói thành thật, xúc động chứa đựng tình yêu nhân loại thắm thiết. Đặc biệt gia đình, xã hội có vai trò quan trọng đối với việc rèn luyện đạo đức cho trẻ. Trong tác phẩm *Những lời bộc bạch*, J.J.Rousseau viết rằng: "Làm sao tôi tai ác được,

khi trước mắt tôi chỉ có những tấm gương hiền dịu và xung quanh tôi chỉ có những người tốt nhất trên đời. Cha tôi, cô tôi, u tôi, họ hàng của tôi, bạn bè, hàng xóm của chúng tôi, tất cả xung quanh rồi quả thực không vâng theo tôi, nhưng yêu mến tôi, còn tôi cũng yêu mến họ như vậy" [54, tr.24]. Như vậy, tấm gương đạo đức có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục đạo dức cho trẻ, môi trường xung quanh mà trẻ tiếp xúc sẽ quyết định đến thói quen, tính cách của trẻ.

Theo J.J.Rousseau, "Chính nhân dân hợp thành nhân loại; cái gì không phải là nhân dân thì chẳng đáng gì phải quan tâm đến" [53, tr.303]. Những giai cấp đông đảo mang lại nhiều giá trị cho xã hội đáng được kính trọng nhiều nhất. Do đó, tình thương yêu con người không chỉ bó hẹp trong không gian và thời gian nhỏ hẹp mà phải mở rộng ra cho toàn bộ nhân loại, phải dạy trẻ em yêu mến tất cả mọi người. Khi đi dự một bữa đại tiệc với vô vàn những món sa hoa, đó cũng là một dịp tốt để giáo dục đạo đức cho trẻ. Bằng cách đó, J.J.Rousseau đã hỏi cậu học trò của mình rằng: để làm được ra những món ăn này đã phải đi qua bao nhiêu công đoạn trước khi đến được đây?. Chỉ đơn giản vậy thôi mà đã làm cho bộ óc non nớt của Émile ý thức được giá trị của sức lao động. "Trẻ thấy rằng tất cả mọi miền trên thế gian đã phải chịu phần gánh vác, rằng hai chục triệu bàn tay có lẽ đã lao động trong thời gian dài, rằng cả ngàn người có thể đã mất mạng, và tất cả để long trọng bày ra cho nó vào giữa trưa những gì mà buổi tối nó sẽ đem cất vào tủ áo?" [53, tr.251]. Đây là một bài học đạo đức sâu xa, Émile sẽ dễ dàng lựa chọn những bữa ăn giản dị mà thích thú của những người nông dân, chứ không muốn những bữa tiệc xa hoa trên lưng những người lao động vất vả.

J.J.Rousseau nhấn mạnh về lòng yêu quê hương, đất nước, "Nếu ta nói với con về các bổn phận của người công dân, có thể là con sẽ hỏi rằng đâu là tổ quốc và con sẽ tin rằng...bởi vì ai không có tổ quốc thì ít ra cũng có một quê hương" [53, tr.678]. Mỗi đất nước đều có một chính quyền, mà những đứa trẻ

sống bình yên trong đó. Những lợi ích của đứa trẻ được bảo hộ bởi ý chí chung, những bạo lực được kiểm soát nhờ có chính quyền đất nước. Chính điều đó, đã làm cho những đứa trẻ yêu điều thiện và căm ghét những bất công trong xã hội. "Ô Émile, có ở nơi nào mà một người có thiện tâm lại không mang ơn quê hương mình? Dù thế nào đi chăng nữa, anh cũng mang ơn quê hương mình về những gì quý giá nhất đối với con người, đó là tính đạo đức trong hành động và lòng yêu đức hạnh" [53, tr.678]. Mọi người đều có quê hương, họ vẫn phải đóng góp cho đất nước. Dù là người nước nào, người đó vẫn nợ đất nước cái quý giá nhất đối với con người, đó là tinh thần tiến hành mọi việc theo đạo đức và tình yêu đạo đức. Ông yêu cầu, là công dân phải đấu tranh với bản thân, tự chiến thắng, hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung. Con người phải có bổn phận, có tình yêu mến nơi mình sinh sống, phải yêu mến những đồng bào của mình, giữ tình hữu nghị, cống hiến và là ân nhân cho họ. Như vậy, việc giáo dục đạo đức cho trẻ trong quan niệm của J.J.Rousseau là nội dung rất quan trọng. Điều này có tác động tích cực đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

Trong quan niệm về giáo dục đạo đức tôn giáo, J.J.Rousseau cho rằng, khi nào sự phát triển tự nhiên của trẻ đòi hỏi, hướng đến các vấn đề tôn giáo, khi đó tôn giáo mới được dạy cho trẻ. Dạy đạo đức tôn giáo là việc làm cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với việc định hình các chuẩn mực, giá trị và cách ứng xử cho trẻ, nghĩa là hướng đến việc hình thành nhân cách con người. Tôn giáo là một trong các yếu tố góp phần giáo dục nhân cách bởi giáo lý và có những nội dung răn dạy tín đồ tu dưỡng cách làm người và đối nhân xử thế. Với Émile, khi cậu bắt đầu thắc mắc về những vấn đề lớn lao (tôn giáo) thì không phải là vì đã nghe nói đến chúng mà là khi sự tiến bộ tự nhiên của ánh sáng trí tuệ của cậu hướng những tìm tòi của cậu về phía này. J.J.Rousseau là người tin vào Thượng đế và trong xã hội đương thời, ông lại tán thành khoan dung tôn giáo. Vì vậy, ông cho rằng, dạy tôn giáo nào hoàn toàn do lý trí của trẻ lựa chọn và quyết định, "chúng ta sẽ để cậu có quyền lựa chọn giáo phái nào mà việc sử dụng tốt

nhất lý trí của cậu phải hướng dẫn cậu đến với nó" [53, tr. 357]. Để trẻ tự do lựa chọn tôn giáo phải theo sự chỉ dẫn bởi lý trí của nó, cũng có nghĩa tôn giáo mà trẻ chọn là tôn giáo sẽ có vai trò giúp chúng hướng tới điều thiện và tránh xa điều ác. Triết gia cho rằng, Thượng Đế đã ban cho con người lương tâm để yêu mến điều thiện và lý trí để nhận ra nó. Thực chất, trong quan niệm của J.J.Rousseau, tôn giáo của tấm lòng là tôn giáo duy nhất mà con người cần phải theo nếu họ chỉ nghe theo những gì Thượng Đế nói với lòng mình. Một trong những biểu hiện tôn giáo của tấm lòng là ở sự thờ phụng. Theo J.J.Rousseau, "Sự thờ phụng cốt yếu nhất là sự thờ phụng trong lòng. Chúa không hề từ chối ở đây lòng thành kính, khi tấm lòng ấy chân thành dù có dâng lên Người theo cách nào thì cũng thế mà thôi" [53, tr. 431].

J.J.Rousseau cho rằng, các bé gái cần được giáo dục đạo đức một cách cẩn thận từ nhỏ và được nuôi dưỡng dần dần đến tuổi trưởng thành. Tư cách đạo đức là nhân tố quan trọng hàng đầu trước khi các bé gái trở thành người vợ, người mẹ trong tương lai. Khi mới lớn, các cô gái cần phải có những chuẩn mực đạo đức nhất định để đối nhân xử thế trong các mối quan hệ xã hội. Triết gia cho rằng, mọi cô gái đều nên theo tín ngưỡng của mẹ mình và mọi người vợ nên theo tín ngưỡng của chồng mình. Họ không có khả năng tự mình phán xét và thường phải chấp nhận quyết định của cha và của chồng cũng như quyết định của nhà thờ. Họ không thể tự mình rút ra những quy tắc cho niềm tin của mình, đàn bà chỉ có thể tự giới hạn điều đó trong phạm vi của sự hiển nhiên và lẽ phải, nhưng vì tự để cho mình bị cuốn theo hàng ngàn kích động của người ngoài, họ bao giờ cũng cứ ở mấp mé bên này hay bên kia sự thật. Bao giờ cũng cực đoan, họ sống hoàn toàn phóng đãng hoặc cực kỳ ngoan đạo. Ngoài ra, trước tuổi lý trí, các bé gái còn được dạy về lễ tiết, sự lễ độ, sự phục tùng, sự tinh ranh, trang điểm - làm đẹp. Tất cả nội dung đó đều nhằm một mục đích duy nhất là để người phụ nữ biết yêu và thực hiện tốt bổn phận của mình để "trở thành người

vợ đảm đang và hiệu quả"[13] [93, tr.6533]. Nội dung đạo đức mà J.J.Rousseau luôn nhắc nhở các cô gái phải học trước khi kết hôn và ngay cả trong hôn nhân là tìm hiểu bổn phận người đàn bà đoan chính: vâng lời chồng, mang lại hạnh phúc cho chồng, dẫn dắt anh ta bằng sự dịu dàng, làm cho bản thân mình trở nên đáng yêu để trở nên có ích. Các bé gái, các thiếu nữ phải học rất nhiều nội dung liên quan đến đạo đức nhằm thực hiện bổn phận thiên phú của mình.

Theo J.J.Rousseau, con người sẽ bị ảnh hưởng bởi các dục vọng "Y sẽ tìm tới hạnh phúc mà không nhớ rằng y là người, trái tim là lý trí của y sẽ luôn luôn đấu tranh và những ham muốn không bờ bến sẽ chuẩn bị cho y những thiếu thốn vĩnh cửu" [55, tr.84]. Vì vậy, những ham mê dục vọng sẽ không có bờ bến, làm con người thêm đau khổ và chỉ có đức hạnh là sắc đẹp vĩnh cửu, không thể tiêu tan. Do vậy, muốn có hạnh phúc và khôn ngoan, thì cậu học trò chỉ nên gắn bó trái tim mình với sắc đẹp đức hạnh. Đức hạnh thể hiện ở sức mạnh của tâm hồn, đó là học cách chịu mất mát những gì có thể bị lấy mất, học cách từ bỏ mọi thứ khi đức hạnh đòi hỏi; sao cho những bổn phận phải đi trước những dục vọng. Để thực hiện được những yêu cầu đó, để phát huy sức mạnh của tâm hồn thì cậu học trò cần phải rời xa người yêu (không phải là bỏ), rời xa cô để học những điều mà anh ta phải biết để thử thách tình yêu đôi lứa, "Ai đảm bảo cho con về cô ta, ai đảm bảo cho cô ta về con, chừng nào các con chưa từng bị thử thách? Các con cứ chờ xem liệu cuộc thử thách này có vô ích không?" [53, tr. 639]. Để có được đức hạnh, cậu học trò ở tuổi đang yêu còn cần phải rèn luyện cho mình lòng dũng cảm, sức mạnh của ý chí. Bởi lẽ, không có hạnh phúc nào là không cần lòng dũng cảm, không có đức hạnh nào là không cần sự phấn đấu. Sức mạnh là nền tảng của mọi đức hạnh. Đức hạnh chỉ thuộc về một sinh thể yếu đuối về bản chất và mạnh mẽ về ý chí. Sức mạnh của ý chí và lòng dũng cảm sẽ giúp anh ta có thể rời xa người mà anh ta đang cuồng yêu.

[13] "Education should make her perfect and efficient house wife"

Cậu học trò sẽ là một người chồng trong tương lai, trong khi cô gái phải học bổn phận của một người đàn bà khi kết hôn, thì chàng thanh niên phải nghĩ về trách nhiệm đạo đức và bổn phận của công dân. Bởi vì, J.J.Rousseau cho rằng: *"*Khi trở thành chủ gia đình, con sẽ trở thành thành viên của quốc gia. Con đã nghiên cứu các bổn phận của mình khi làm người đàn ông, nhưng con chưa biết những bổn phận của người công dân (biết chính phủ, luật pháp, tổ quốc là gì,…). Trước khi giữ vị trí trong trật tự dân sự, con hãy học để biết trật tự ấy và để biết con hợp với đẳng cấp nào ở đó" [53, tr. 641]. Cậu học trò khi đến tuổi trưởng thành cũng cần phải được nhắc nhở trách nhiệm, nghĩa vụ trong hôn nhân, đó là: "Phải biết chịu đựng cái ách tự mình quàng vào cổ mình. Hãy xứng đáng để nó trở nên nhẹ nhõm. Hãy ăn nói, cư xử cho phong nhã" [53, tr.688].

Tóm lại, nội dung giáo dục của J.J.Rousseau về cơ bản thể hiện việc học tập và rèn luyện dựa trên khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ ở ba điểm chính: giáo dục thể chất, trí năng và đạo đức, ba nội dung này không phải tồn tại tách rời mà kết hợp với nhau. Với mỗi sự lý giải mà J.J.Rousseau đưa ra làm minh chứng cho luận điểm của mình thì đều kết hợp cả ba nội dung giáo dục đó. Tuy nhiên, qua năm giai đoạn giáo dục trẻ, tuỳ vào từng giai đoạn, J.J.Rousseau sẽ bàn đến khía cạnh giáo dục nào nhiều hơn. Nhìn chung, quan niệm của ông về nội dung giáo dục đã mang tính toàn diện hơn so với quan niệm của các vị tiền bối. Ông khẳng định, giáo dục thể chất để có một cơ thể khoẻ mạnh; giáo dục trí năng để nâng cao được năng lực nhận thức cũng như có lòng dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, thử thách; giáo dục đạo đức để tránh được những cám dỗ của dục vọng. Người học cần phải có nhận thức đúng về giáo dục thể chất, trí năng và đạo đức, vì cả ba khía cạnh giáo dục đó đều thực sự cần để giáo dục nên một con người lý tưởng. Đứa trẻ cần được phát triển để hoàn thiện về nhân cách và hình thành các kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu thiết thực của xã hội đương thời.

3.5. Phương pháp giáo dục trẻ em

Trong nhận thức luận, "J.J.Rousseau tin rằng nguồn gốc của nhận thức là cảm giác và sự phản ánh cụ thể của lý thuyết cảm giác này trong tư tưởng giáo dục của ông chính là sự tự nhiên trong giáo dục"[14] [115, tr.420], vì vậy, J.J.Rousseau đã đưa ra phương pháp giáo dục trẻ phải hướng đến những cảm nhận, trải nghiệm tự nhiên và chân thực về con người, sự vật và xã hội. Theo đó, người học chỉ có được các tri thức thực sự, khi bằng hoạt động thực tế của mình, người đó có thể thực hiện những thay đổi thực sự ở các sự vật, chứ không phải bằng cách ghi nhớ các luận điểm lý thuyết suông. Những thay đổi thực tế này có thể hoặc khẳng định hoặc bác bỏ các tri thức có được. Nếu không như vậy, các kiến thức thuần túy mà người học lĩnh hội được từ người thầy và sách vở vẫn chỉ là những phỏng đoán; tính chân thực hay giả dối của chúng chưa được xác định, chưa được thuyết phục. J.J.Rousseau coi phương pháp giáo dục được kiểm nghiệm bởi trải nghiệm thực tế và cuộc sống là nguồn gốc căn bản nhất của giáo dục. Những tri thức và các kỹ năng có được từ thực tế và trải nghiệm thực tế mới trở nên sâu sắc, được ghi khắc trong tâm trí của người học hơn nhiều so với phương pháp giáo dục truyền thống thông qua việc truyền bá một cách độc đoán một khối kiến thức bắt buộc nhất định.

J.J.Rousseau cho rằng, người thầy phải thu thập, phân tích các dữ liệu, đi sâu vào nghiên cứu các chi tiết, ý tưởng, vận dụng và chứng minh, rút ra kết luận hoặc phán đoán. Người thầy cũng phải nghiên cứu những thành tựu của những người đi trước về phương pháp để thầy có thể hiểu được những phản ứng khác nhau và hướng dẫn trên cơ sở "thuận theo khả năng của người học"[15] [110, tr.324]. Đối với người học, J.J.Rousseau nhấn mạnh đến tính độc đáo ở mỗi cá nhân. Vì vậy, mỗi cá nhân trong quá trình học tập cần lựa chọn các phương pháp để giải quyết tốt vấn đề đồng thời duy trì được tính cá nhân độc

[14] "Rousseau believes that the sourrse of cognition is feeling, and concrete reflection of this feeling theory in his educational thought is the naturalness of education"

[15] "According to student's ability"

đáo của mình. Những phương pháp ông đưa ra thể hiện sự tôn trọng quyền và giá trị thiên chân của người học, đặc biệt coi trọng thí nghiệm, thực hành.

3.5.1. Quan niệm về phương pháp giáo dục tự nhiên

J.J.Rousseau thể hiện mọi quan tâm và chủ trương về phương pháp giáo dục giảm thiểu tác hại của xã hội văn minh và mang con người trở lại với những phẩm tính tự nhiên tốt đẹp vốn có. Ông có tham vọng thay thế cho giáo dục khuôn thức cổ truyền đương thời bằng phương pháp giáo dục tự nhiên và tự do. Vì vậy, giáo dục tự nhiên phải phù hợp với khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. J.J.Rousseau khẳng định: "Phương pháp của trẻ không hề là phương pháp của chúng ta, và cái gì trở thành nghệ thuật suy luận với chúng ta thì với chúng chỉ là nghệ thuật nhìn mà thôi. Thay vì dạy chúng phương pháp của ta, tốt hơn là ta dùng phương pháp của chúng" [53, tr.183]. Trẻ em sẽ có tâm sinh lý riêng, nên cần được giáo dục theo sự phát triển của tâm sinh lý của trẻ. Tuỳ vào từng giai đoạn giáo dục trẻ, cha mẹ cần có những phương pháp khác nhau phù hợp để giáo dục.

J.J.Rousseau cho rằng phương pháp giáo dục tự nhiên gắn liền với quá trình phát triển tự nhiên của trẻ, giáo dục thực sự không phải là một cái gì đó được áp đặt lên đứa trẻ từ bên ngoài, mà là quá trình phát triển tự nhiên của các đặc tính, các năng lực mà con người có được khi gia nhập vào cuộc sống xã hội, ông muốn "trẻ con trước hết là trẻ con trước khi là người lớn" [55, tr.530]. Tuổi thơ là thời kỳ phát triển mạnh mẽ, trong đó đứa trẻ tích cực sử dụng các năng lực thể chất và trí tuệ của mình để tìm hiểu thế giới xung quanh. Việc nhà trường ràng buộc trẻ em với các chương trình áp đặt sẽ làm hủy hoại trí tuệ của chúng bởi các dữ kiện hiện thực như là những kết quả phát minh của ai đó, hoàn toàn xa lạ với trẻ em.

Phương pháp giáo dục tự nhiên của J.J.Rousseau chống lại những mặt trái của xã hội. Tự nhiên tạo ra con người, bản chất tốt, sống tự do và hưởng hạnh phúc. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật đã có mặt trái là biến con người

thành tàn ác, sống nô lệ trong khổ cực. Vì vậy, tự nhiên và xã hội có mâu thuẫn đối kháng. Giáo dục cần hướng con người và xã hội trở về tự nhiên, khôi phục lại tự nhiên trong con người, giáo dục rèn luyện con người trở lại bản chất thiên nhiên của nó, xây dựng một nhân sinh quan trên cơ sở tự do và dân chủ, đảm bảo con người được hưởng hạnh phúc cao quý mà thiên nhiên ban tặng. Ông cũng khẳng định: "Điều tốt lành đầu tiên của mọi điều tốt lành không phải là uy quyền, mà là tự do. Con người thực sự tự do chỉ muốn điều gì anh ta có thể, và làm điều gì anh ta thích" [53, tr.95]. Mọi phương pháp giáo dục sẽ từ đó mà suy ra. Hãy để trẻ ở đúng vị trí và khả năng làm điều có ích cho nó chứ không phải là điều người khác mong muốn - dù đó là bố mẹ của trẻ, "Ngoài cái thể chất chung cho cả loài, mỗi người sinh ra mang một tính khí riêng, quyết định tài năng và tính cách của mình, không nên thay đổi hay gò ép cái tính khí ấy, mà phải hình thành và hoàn thiện nó" [55, tr.531]. Như vậy, trẻ được giáo dục sẽ phát triển theo quy luật tự nhiên và không bị lệ thuộc vào các đam mê, luôn làm chủ được bản thân mà không bị dẫn dắt. Mọi điều tốt đẹp mà J.J.Rousseau hướng tới cho trẻ em là phải phù hợp với mục tiêu phát huy tối đa bản tính tự nhiên của con người, được phát triển theo thiên hướng của cá nhân, có sức mạnh để không bị lệ thuộc.

Một trong những quan điểm cơ bản của phương pháp giáo dục tự nhiên là giáo dục trẻ gần gũi với thiên nhiên. Đặc biệt, mẹ thiên nhiên chính là người thầy đầu tiên của trẻ "Hãy giữ cho đứa trẻ chỉ phụ thuộc các sự vật, các vị sẽ tuân theo trật tự của tự nhiên trong bước tiến triển của việc giáo dục nó" [53, tr.97]. Thiên nhiên là môi trường học tập đầu đời giúp trẻ phát huy tiềm năng bẩm sinh thay vì bị gò ép theo khuôn mẫu. Theo J.J.Rousseau, môi trường tự nhiên có thể giúp trẻ tự do hoạt động lên cơ thể mình, "Để làm cho thân thể mạnh lên và nảy nở, thiên nhiên có những kế mà ta không bao giờ được ngăn trở" [53, tr.97]. Mặt khác, trẻ có thể tự do khám phá, trải nghiệm để rèn luyện cho trẻ trí năng và "việc để cho trẻ khó nhọc tìm tòi, khám phá thế giới giữa

thiên nhiên hoang dã sẽ kích thích ở trẻ em óc sáng tạo và tinh thần tự chủ" [67, tr.247]. Triết gia cho rằng, thiên nhiên giúp kích thích các giác quan đang cần hoàn thiện của trẻ, để có thể khám phá, nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm, biết bao điều mới lạ từ thế giới bên ngoài, "tất cả những gì nó nhìn thấy, tất cả những gì nó nghe thấy, đập vào nó và nó nhớ lấy, nó ghi sổ ở trong nó" [55, tr.546]. Ở trẻ nhỏ, tương tác hoặc khám phá thế giới xung quanh bởi các giác quan sẽ giúp trẻ thu được thông tin, hình ảnh từ bên ngoài để kích thích sự phát triển tư duy của trẻ.

Môi trường học tập tự nhiên của trẻ không được trở thành một xã hội thu nhỏ, mà phải cung cấp một môi trường cân bằng nhân tạo, được thanh lọc, được đơn giản hóa nhằm đảm bảo một môi trường có lợi cho sự trưởng thành. Như vậy, môi trường học nên mang tính chất giống như thực tế hơn là mang tính chất giống như lý thuyết. J.J.Rousseau cho rằng nơi học tập không chỉ có chức năng đơn thuần cung cấp phương tiện để người học thích nghi với xã hội, mà còn phải cung cấp một phương tiện để chúng thay đổi xã hội theo hướng tốt đẹp hơn. Điều này không ám chỉ một hệ thống giáo dục để cung cấp phương tiện xây dựng một trật tự xã hội mới mẻ nhưng cũng không ám chỉ sự bảo vệ người học khỏi những ảnh hưởng xấu và phức tạp của xã hội đương thời để đảm bảo chắc chắn một sự trung thành với hiện tại.

Để thực hiện hiệu quả phương pháp giáo dục tự nhiên, người mẹ có vai trò quan trọng bởi vì người mẹ là gần đứa trẻ nhất, từ khi chúng chào đời. J.J.Rousseau khuyên bậc làm cha làm mẹ phải hiểu được vai trò của tự nhiên trong việc giáo dục trẻ. Cha mẹ nên tìm hiểu kỹ tâm tính, sở thích của trẻ, bởi vì có như vậy, cha mẹ mới hiểu rõ được đặc điểm tâm sinh lý cũng như tính cách của con mình. "Các vị hãy quan sát tự nhiên và hãy đi theo con đường mà tự nhiên vạch ra cho các vị. Tự nhiên rèn luyện trẻ em không ngừng, tự nhiên làm tính tình chúng cứng rắn lên bằng mọi sự thử thách; tự nhiên sớm dạy cho chúng biết thế nào là khổ sở và đau đớn" [53, tr.46]. Chính người mẹ là người

gần với trẻ nhỏ nhất và hiểu được cuộc sống cũng như tâm lý phát triển của trẻ, nên phương pháp giáo dục tự nhiên sẽ được giáo dục hiệu quả bởi cha mẹ trong gia đình. Sự giáo dục, trước hết phải thuộc về những người phụ nữ - đó là sự giáo dục đầu tiên và quan trọng hơn cả. J.J.Rousseau cho rằng, "nếu Đấng tạo tác ra tự nhiên muốn sự giáo dục ấy thuộc về đàn ông, thì Người đã cho họ sữa để nuôi con" [53, tr.31]. Từ quy luật tự nhiên đó, giáo dục con cái được xem như là thiên chức, bổn phận của người phụ nữ. Để khắc phục mọi hậu quả có thể xảy ra, theo J.J.Rousseau, các bà mẹ cần thực hiện theo phương pháp giáo dục tự nhiên. Chính bà mẹ là tấm gương lớn nhất, trực tiếp nhất đối với sự hình thành tính cách, nhân cách của những đứa trẻ. J.J.Rousseau cho rằng: "Nếu các vị muốn đứa trẻ giữ được hình thái bản lai của nó, xin hãy duy trì hình thái ấy ngay từ lúc nó chào đời. Nó vừa sinh ra, các vị hãy chiếm giữ ngay lấy nó, và đừng rời nó cho đến khi nó là người lớn. (…). Cha mẹ hãy đồng tình với nhau trong chức phận cũng như trong phương pháp: sao cho từ những bàn tay của người mẹ đứa trẻ chuyển sang tay của cha" [53, tr.48].

Như vậy, phương pháp giáo dục thuận theo tự nhiên sẽ giúp trẻ tránh được những tác nhân xấu từ xã hội văn minh. Việc tự do vui chơi cùng với thiên nhiên giúp trẻ phát triển thể lực, tăng sự nhạy bén của giác quan, khả năng thích nghi với môi trường xung quanh. Trẻ sẽ có những trải nghiệm thú vị, hữu ích thông qua việc quan sát, thúc đẩy sự tò mò về thiên nhiên từ đó trẻ sẽ nhanh nhạy hơn trong việc sáng tạo và giải quyết vấn đề. Người hướng dẫn trẻ sớm và ảnh hưởng đến trẻ nhất chính là người mẹ. Giáo dục tự nhiên kết hợp với môi trường thiên nhiên là bước đầu để trẻ tiếp xúc, học hỏi về sự vật, hiện tượng bằng những trải nghiệm của mình.

3.5.2. Quan niệm về phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp

J.J.Rousseau đặc biệt coi trọng thí nghiệm, thực hành. Ông đề cao cảm giác và cho rằng những cảm nhận trực tiếp mới mang lại tác động thật sự đối

với trẻ "chúng ta sinh ra có cảm giác và từ khi ra đời, chúng ta chịu ảnh hưởng theo nhiều cách, từ những đối tượng bao quanh ta" [53, tr.34]. Ông khẳng định, giáo dục con người cần bắt đầu từ khi mới ra đời và trải nghiệm chính là các bài học quý giá và "con người đã sống nhiều nhất không phải là người đã đếm được nhiều năm nhất, mà là người đã cảm nhận cuộc đời được nhiều nhất" [53, tr.39]. Bởi vậy, giáo dục bằng sự trải nghiệm là hết sức quan trọng. J.J.Rousseau là người chống lại phương pháp giáo dục giáo điều sách vở. "Đừng dạy học trò mình bất kỳ loại bài học nào bằng lời lẽ; nó chỉ được nhận bài học từ trải nghiệm" [53, tr.107]. Học tập được tiếp nhận tốt nhất trong quá trình, không phải ở kết quả. Nghĩa là giáo dục trải nghiệm không chỉ quan tâm đến kết quả của việc học đó ra sao mà quan trọng hơn là trẻ học như thế nào trong quá trình học tập đó. Như vậy, kết quả không phải là yếu tố quyết định tất cả về việc học mà cần quan tâm cả quá trình đi đến kết quả đó. Học tập trải nghiệm là quá trình liên tục bắt nguồn từ kinh nghiệm để tạo ra tri thức. Nguồn gốc những kiến thức mà trẻ có được xuất phát từ thực hành chứ không phải là một lý thuyết. Từ những kinh nghiệm đã có đó, kết hợp với những gì mà trẻ cảm nhận được bằng các giác quan để xây dựng, một kiến thức mới hoặc mở rộng kiến thức của bản thân trẻ chứ không phải chỉ là ghi nhớ những gì trẻ thấy.

Phương pháp này của J.J.Rousseau được bắt đầu dạy trẻ từ khi còn rất nhỏ bằng cách dần dần tập cho trẻ quen tiếp xúc với những mặt nạ kém dễ thương, sau cùng là đến các mặt nạ xấu xí đến khi trẻ cảm nhận một cách quen thuộc và không còn cảm giác sợ hãi nữa, như thế lớn lên, trẻ sẽ rèn luyện được lòng dũng cảm [Xem 53, tr.69]. Cũng với phương pháp này, ông dạy trẻ làm quen với các hình thức khác nhau từ dễ thương đến xấu xí, hay những điều đáng sợ hơn như sấm sét hay những tiếng nổ. Câu chuyện ông giáo dục cậu học trò về sự vận hành của hệ mặt trời. "Hãy giả định rằng, khi tôi đang nghiên cứu với học trò mình về sự vận hành của mặt trời và về cách tìm phương hướng. Tôi sẽ nói với nó về tính hữu ích của các cuộc hành trình, về lợi ích trong giao dịch" [53, tr.235]. Thay vì thuyết giáo một bài nói về vị trí địa lý của các hành tinh

mà chẳng học trò nào muốn nghe và luôn thắc mắc: "cái đó để làm gì?", người thầy giáo cần dàn dựng một buổi học thực tế đầy hữu ích. J.J.Rousseau kết luận: "Để rèn luyện một kỹ năng, phải bắt đầu bằng việc kiếm cho mình công cụ và để có thể dùng các công cụ này một cách hữu ích, phải làm cho chúng đủ chắc chắn để chịu đựng được việc sử dụng [53, tr.155].

Tri thức thuần tuý tư biện không thích hợp với trẻ em, ngay cả khi gần đến tuổi thanh niên, "kiến thức thu được thông qua cảm giác trực quan và kinh nghiệm thực tế trong cuộc sống có lợi cho sự phát triển của trẻ em"[16] [115, tr.420]. Vì vậy, khi cần, có thể thay bằng việc giảng lý thuyết đơn thuần, hãy cho trẻ tự tiến hành các thí nghiệm, thực hành dưới sự hướng dẫn rất ít và không tỏ ra hướng dẫn của thầy giáo. Theo J.J.Rousseau, người thầy chủ động tạo ra các tình huống, kết quả sai lầm và để tự học trò sửa chữa. Trong thực nghiệm, hệ thống hoá các thực nghiệm một cách lôgíc sẽ giúp trẻ hiểu và nhớ lâu. Tất cả các thí nghiệm của học trò, cái này liên kết với cái kia qua một kiểu suy luận nào đó, để nhờ vào chuỗi tiếp nối ấy chúng có thể xếp các thí nghiệm này trong óc theo một trật tự, và nhớ lại được khi cần. "Chẳng hạn, tôi muốn xem xét môn địa lý bằng hai giới hạn của nó, và kết hợp việc nghiên cứu các chu chuyển của đại cầu với việc chắc định các bộ phận của nó, bắt đầu từ nơi chốn ta đang ở. Trong khi đứa trẻ học về thiên cầu và như vậy là đưa mình lên bầu trời, các vị hãy dẫn nó trở về mặt đất và trước hết hãy chỉ cho nó nơi lưu trú của chính nó" [53, tr.221]. Thay vào việc sử dụng quả đại cầu, thiên cầu, bản đồ làm khí cụ; hãy bắt đầu bằng việc chỉ ngay đối tượng cho trẻ, để ít ra nó biết được thầy giáo đang nói với nó về cái gì. Theo đó, chỉ nên đưa các đối tượng ra cho trẻ một cách đúng lúc là đủ, khi lòng hiếu kỳ của nó bị thu hút khá đủ, hãy đề ra cho nó một câu hỏi vắn tắt nào đó đặt nó trên con đường giải đáp câu hỏi ấy.

[16] "The knowledge gained though intuitive feeling and real experiences in life practice is more conductive to the growth of children"

Đặt trẻ em vào vị trí sự biến đổi để cảm nhận được giá trị của những vị trí ấy, "sau khi đã để tâm hồn mình cảm thụ các đối tượng bên ngoài, người ấy rút nó vào bên trong để xem xét chúng, so sánh chúng, hiểu biết chúng" [55, tr.495]. Người thầy nên bắt đầu cho trẻ thực hành như diễn viên để rồi lại làm khán giả, vì từ hàng ghế của khán giả người ta nhìn các sự vật như chúng biểu hiện, còn từ trên sân khấu người ta nhìn thấy các sự vật này như chúng vốn là như thế. Để bao quát được cái tổng thể phải tự đặt mình vào điểm quan sát, phải tiếp cận để thấy được các chi tiết. J.J.Rousseau cho rằng, muốn hiểu rõ con người cần phải xem hành động; khi một người làm điều tốt thì sẽ trở thành người tốt. Nhiệm vụ của nhà giáo dục là giúp học trò luôn bận rộn trong mọi hành động tốt, "hãy đặt tất cả các bài học của thanh niên trong hành động hơn là trong lời nói; cái gì mà kinh nghiệm có thể dạy cho chúng được thì chúng đừng học trong sách vở. Nếu thay vào các bài diễn từ hay tuyệt, các vị lại nói cho nó phải làm thế nào để cho ông giám học cho nó nghỉ, thì các vị hãy tin chắc rằng nó rất chăm chú nghe các quy tắc ấy của các vị" [53, tr. 344]. Học tập trải nghiệm bao gồm các tương tác giữa con người với đối tượng. Nghĩa là kiến thức mà trẻ thu được không phải nhờ vào việc người thầy truyền thụ còn trẻ bị động, ngồi yên, mà trẻ phải chủ động, tích cực tiếp xúc, tác động tới môi trường đó. Trẻ chính là trung tâm và là chủ thể của hoạt động trải nghiệm.

Phương pháp giáo dục đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp còn rèn cho trẻ khả năng tự chịu trách nhiệm với hành động của mình. Để trẻ được tận mắt nhìn thấy hoặc phải gánh chịu những hậu quả do chính mình gây ra từ đó tự khắc sẽ biết cần phải hành động thế nào. J.J.Rousseau cho rằng trẻ quên mọi điều chúng đã nói và những điều người ta đã nói với nó, nhưng sẽ không bao giờ quên những gì chúng làm và những việc người ta làm với chúng. Chẳng hạn, nếu trẻ hay cáu rồi phá hỏng những thứ nó đụng đến thì không vội cho trẻ những đồ đạc khác, mà cứ để nó cảm nhận sự thiếu thốn. Nếu trẻ làm vỡ cửa kính thì sẽ phải chịu cái rét và cứ để nó chịu sự bất lợi đó dù nó có thể bị cảm

lạnh. Sau đó, không cần mắng mỏ, cho sửa cửa kính. Nếu đứa trẻ vẫn ương bướng mà lại đập vỡ cửa kính. Lần này sẽ nhốt nó vào phòng mà không có cửa sổ. Chỉ không lâu sau, chắc chắn đứa trẻ nhận thấy rõ hậu quả do mình gây ra không dám cố tình đập vỡ cửa kính nữa [Xem 53, tr.119]. Phương pháp đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp này được J.J.Rousseau ứng dụng ngay cả khi học trò bước vào tuổi trưởng thành. Khi muốn giáo dục đứa trẻ trước nguy cơ sa ngã bởi thú vui chơi trác táng, ông đã dẫn ra câu chuyện một ông bố khi không còn cách gì để dạy dỗ cậu con trai hám sắc, ông đã đưa cậu con trai đến thẳng bệnh viện chữa giang mai để cậu tận mắt chứng kiến cảnh tượng gớm ghiếc - hậu quả của hành vi dâm đãng. Lúc đó, người cha mới nói với con: "Đi, đồ trụy lạc khốn nạn, cứ đi mà theo cái khuynh hướng đê tiện đã lôi kéo mày; chẳng mấy chốc mày sẽ sướng lắm đấy khi bị tống cổ vào cái phòng này mà chịu những đau đớn ghê gớm nhất, mày buộc cha mày phải tạ ơn Chúa vì cái chết của mày" [53, tr.313]. Phương pháp giáo dục này của ông tỏ ra rất hiệu quả chỉ cần học lấy cách lựa chọn địa điểm, thời gian thuận tiện, rồi đưa tất cả bài học thành những tấm gương hữu ích với học trò. Chắc chắn tác dụng của nó rất lâu bền. Ngoài ra, theo J.J.Rousseau, môi trường trải nghiệm là một yếu tố quan trọng và cần thiết trong quá trình trải nghiệm. Môi trường trải nghiệm phải gắn với tự nhiên để khai thác được hết kinh nghiệm của trẻ; đảm bảo an toàn, đầy đủ đối tượng trải nghiệm để trẻ có thể chủ động, tích cực tương tác với môi trường. Đặc biệt môi trường đó gắn liền với tự nhiên và tránh những ảnh hưởng của nền văn minh.

Như vậy, trên cơ sở phê phán giáo dục truyền thống, J.J.Rousseau đề cao phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Giáo dục trải nghiệm là việc người thầy tổ chức cho trẻ tương tác với đối tượng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của trí óc và đôi tay. Quá trình tổ chức trải nghiệm đó cần được thiết kế dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ và khơi gợi sự hứng thú, trí tò mò thúc đẩy trẻ tham gia vào hoạt động trải nghiệm. Trong hoạt động trải nghiệm, việc trẻ tích cực, chủ động tiến hành trải nghiệm quan trọng hơn

kết quả của quá trình đó. Chính người học sẽ được tham gia vào tình huống thật sự và khi các vấn đề nảy sinh, tự người học sẽ hiểu và tìm các phương pháp để giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, người thầy chỉ đóng vai trò hướng dẫn và không tham gia vào quá trình trải nghiệm của trẻ.

3.5.3. Quan niệm về phương pháp giáo dục "lấy người học làm trung tâm"

J.J.Rousseau ủng hộ khuynh hướng thực tiễn trong giáo dục, khi ông đưa ra kiến nghị rằng cần phải thực hiện các nhiệm vụ của giáo dục thông qua quá trình phát triển tự nhiên của đứa trẻ. Ông nhấn mạnh phương pháp giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm dựa vào thực hành, trải nghiệm trực tiếp, cần phải chú ý đến sự phát triển của trẻ em, bởi vì chỉ có sự phát triển đó mới có thể là thước đo của giáo dục. "Ý tưởng của Rousseau về giáo dục được gắn chặt vào phân tích lấy trẻ em làm trung tâm là một điều vô cùng thú vị"[17] [94, tr.121]. J.J.Rousseau đã đưa ra quan điểm giáo dục lấy người học làm trung tâm căn cứ vào các lợi ích tự nhiên và trải nghiệm cá nhân của đứa trẻ. Theo quan điểm này, việc học tập của đứa trẻ chủ yếu cần phải được tiến hành sao cho giống như hoạt động trò chơi và hoạt động lao động.

Phương pháp lấy người học làm trung tâm chính là tôn trọng quyền và giá trị của người học. Theo J.J.Rousseau, một trong những phương pháp quan trọng để giáo dục trẻ nên người là không nên lý luận với trẻ, lý luận với trẻ con là một trong những phương pháp giáo dục ngu ngốc nhất cần phải từ bỏ. Để có trái chín ta phải chờ cho các bộ phận của cây phát triển đầy đủ, để có kết quả tốt cần phải hội tụ đầy đủ các nguyên nhân sinh ra kết quả, quy luật ấy người làm thầy cần phải hiểu thấu đáo. Lấy người học làm trung tâm là phải làm cho trẻ thấy được ý nghĩa của việc học và tự có trách nhiệm đối với việc học của mình. Nói cách khác trẻ sẽ phải tự học và người thầy chỉ đóng

[17] Rousseau's idea of education as anchored significantly on the child-centered analysis is galvanizingly interesting.

vai trò là người hướng dẫn, ông viết: "Chắc chắn là người ta rút ra được những khái niệm rõ ràng hơn nhiều và vững vàng hơn nhiều từ những sự vật mà ta tự học hiểu lấy như vậy, hơn là từ những sự vật được người khác giáo huấn; và, ngoài việc ta không hề làm cho lý trí mình quen phục tùng một cách nô lệ trước uy quyền, ta còn khiến mình thành giỏi giang hơn trong việc tìm ra các quan hệ, kết nối các ý tưởng, sáng chế các dụng cụ, so với trường hợp ta tiếp nhận tất cả những điều này y như người ta đem lại cho mình, và để đầu óc mình tiêu trầm trong trạng thái uể oải..." [53, tr.229]. Khi trẻ em tự học cũng có nghĩa, chúng đang học một cách nghiêm túc, không bị ép buộc, miễn cưỡng theo sự áp đặt từ bên ngoài.

Hoạt động học là nhân tố trung tâm và không thể thiếu để đảm bảo cho trẻ hoàn thành tốt các nhiệm vụ của quá trình học tập, nên quá trình tự học là một hệ thống. Hoạt động tự học của trẻ có thể diễn ra ở mọi lúc mọi nơi. J.J.Rousseau viết: "Các bài học mà bọn học trò học lẫn nhau ở sân trường có ích cho chúng gấp trăm lần những gì người ta nói với chúng trong lớp" [53, tr.154]. Hoạt động tự học giúp trẻ thu nhận được kiến thức dưới sự hướng dẫn trực tiếp của người thầy trở nên vững chắc, sâu sắc, tạo ra cơ sở để vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn học tập. Tự học không những giúp trẻ không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà trong tương lai, họ sẽ trở thành những con người có óc phê phán. Cứ khi nào trẻ huy động mọi khả năng nhận thức hiện có của mình, tiến hành các hoạt động tìm tòi, khám phá tự giác, đứng trước mọi hiện tượng của thế giới khách quan là khi đó họ đang tiến hành tự học. Trẻ tự học sẽ mang lại sự phát triển tính tự giác, tích cực và tính độc lập nhận thức, khắc phục tính thụ động, ỷ lại vào thầy hoặc người khác. Bồi dưỡng hứng thú học tập, rèn luyện ý chí phấn đấu, đức tính kiên trì, óc phê phán, nâng cao niềm tin và năng lực bản thân.

Để thực hiện hiệu quả phương pháp lấy người học làm trung tâm, J.J.Rousseau đấu tranh chống giáo dục áp đặt. Ông đề xuất một trong những nội dung của phương pháp lấy người học làm trung tâm là gây hứng thú để kích thích sự độc lập, sáng tạo của trẻ, các em không học một cách miễn cưỡng "ta có thể hướng niềm hiếu kỳ của học trò sang biết bao nhiêu đề tài thú vị, mà không bao giờ xa rời các quan hệ thực tế và vật chất vừa tầm hiểu biết của nó" [53, tr.250]. Với bản tính tự nhiên của trẻ là thích tìm tòi, khám phá, khi được đóng vai trò chính trong giờ học, trẻ sẽ thấy hứng thú và say mê với việc học hơn so với phương pháp truyền thống. Theo J.J.Rousseau, việc giáo dục chỉ hiệu quả khi xuất phát từ bản chất tích cực của đứa trẻ để tác động lên bản chất này, phải từ bỏ những hành động mang tính cưỡng ép. Phải tôn trọng trật tự tự nhiên của những hoạt động, khả năng tâm lý lứa tuổi, nếu làm trái trật tự này là không có kết quả để phát triển tất cả sức mạnh tự nhiên của trẻ, tức là cho nó sự phát triển tối đa. Trong quá trình vận động phát triển đó đứa trẻ mới là người thực hiện, thông qua những trải nghiệm, những hiểu biết do chính đứa trẻ khám phá mới là hiểu biết hay và lâu bền. Vì vậy, giáo dục đòi hỏi trẻ phải có nhu cầu, hứng thú, sự tò mò với đối tượng. Bởi vì chính sự hứng thú, tò mò sẽ trở thành động lực thúc đẩy trẻ tham gia vào quá trình học tập và tự trải nghiệm để tìm hiểu thế giới xung quanh.

Ngoài ra, J.J.Rousseau còn đưa ra một số phương pháp khác để thúc đẩy phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm hoạt động hiệu quả như: *phương pháp trò chơi* trong rèn luyện giác quan. Nhằm đảm bảo cho trẻ thấy tự do và hứng thú cao độ trong việc học tập, J.J.Rousseau đưa ra phương pháp giáo dục học mà chơi, chơi mà học. Theo ông, việc để cho trẻ khó nhọc tự tìm tòi, khám phá thế giới giữa thiên nhiên hoang dã sẽ kích thích óc sáng tạo và tinh thần tự chủ, đồng thời thông qua đó, trẻ rèn luyện được sự tráng kiệt về thể chất, thích ứng với mọi điều kiện của thiên nhiên - điều kiện quan trọng giúp trẻ sống và làm việc sau này. Về *Phương pháp chia sẻ của người*

thầy đối với hoạt động học của trò, J.J.Rousseau viết: "Các vị hãy nhớ rằng trước khi dám bắt tay vào đào tạo một con người, bản thân mình phải tự làm người đã; phải tìm thấy ở mình tấm gương cần đề xuất. Trong khi đứa trẻ còn chưa hiểu biết, ta có thì giờ chuẩn bị tất cả những gì tiếp cận nó, sao cho những cái nhìn đầu tiên của nó chỉ xúc động vì những đối tượng thích hợp để nó nhìn thấy" [53, tr.111]. Theo J.J.Rousseau, người thầy sẽ không áp đặt kiến thức đối với trẻ em. Người thầy có vai trò hoàn toàn khác, không còn là người độc đoán, mà là người hướng dẫn thân thiện, đồng thời là một người quản lý, một người tạo điều kiện, một nhà tâm lý, một người phân xử. Khác với phương pháp giáo dục truyền thống, chương trình giảng dạy tập trung không phải vào việc rèn luyện trí nhớ, mà chủ yếu vào việc hướng dẫn người học suy tư một cách sâu sắc thông qua các hoạt động thực tế, "các nhà giáo dục nên đóng vai trò gương mẫu trong các hoạt động giáo dục, giáo dục không nên giới hạn trong lời nói mà nên dạy bằng hành động thiết thực"[18] [115, tr.421]. Phương pháp giảng dạy được thiết kế sao cho đảm bảo được sự phát triển của các cá nhân về thể lực, đạo đức, trí tuệ, cảm xúc và tâm linh.

Cùng với trẻ, người thầy là người dẫn dắt, hướng trẻ vào môi trường thực tế, đồng thời là người quan sát, giúp đỡ và kiểm tra, hướng dẫn, hệ thống lại những kiến thức mà trẻ thu được trong quá trình học tập đó. Ông viết: "Các vị hãy làm cho học trò của mình chú ý đến các hiện tượng của thiên nhiên...Hãy đặt ra những vấn đề vừa sức nó, và hãy để nó tự giải quyết các vấn đề đó. Sao cho nó hiểu biết điều gì cũng không phải do quý vị đã bảo cho nó, mà vì nó đã tự tìm hiểu lấy; sao cho nó đừng học khoa học, mà tìm ra khoa học" [53, tr.217]. Người thầy giáo ở đây đóng vai trò khai thác khuynh hướng lứa tuổi, là người lựa chọn hoàn cảnh nhằm kích thích sự tập trung chú ý, tò mò và sáng tạo của trẻ.

[18] "Educators should play an exemplary role in educational activities, education should not be limited to words, but should be taught by practical action"

Phương pháp lấy người học làm trung tâm là một cách để tạo ra hiệu quả dạy và học ở mức tối ưu nhất. Người học được hoàn toàn tự quyết định và đưa ra sự lựa chọn của mình học cái gì và học như thế nào, chắc chắn những gì đứa trẻ làm sẽ đặc biệt được hứng thú bởi những quyết định của mình. Như đối với môn học trẻ thích thì sẽ để hết tâm trí vào môn học đó với sự say mê. Trẻ em nên được kích thích sự sáng tạo, chúng sẽ luôn tìm tòi để tìm ra phương án mới để giải quyết các vấn đề được đặt ra. Đây là phương pháp dạy và học được nhiều người ủng hộ trong các nền giáo dục hiện đại.

Tóm lại, J.J.Rousseau đã trình bày một hệ thống những con đường, cách thức được coi là tối ưu nhất để người học dễ dàng tiếp cận và nắm bắt nội dung tri thức. Song điểm chung nhất của các phương pháp này là đề cao tinh thần tự học, thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Trẻ em luôn đóng vai trò chủ động, tự giác tìm đến tri thức và tự mình phát hiện ra cái mình muốn biết, sáng tạo lại khoa học, tuy nhiên để trẻ có khả năng như vậy, môi trường xung quanh, người thầy là yếu tố quan trọng để đưa ra những phương pháp giáo dục, mà ở đó, mỗi đứa trẻ với những tiềm năng khác nhau đều có thể được kích thích và phát huy tối đa các khả năng tiềm tàng đó.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Nội dung tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau được thể hiện chủ yếu trong tác phẩm *Emily hay là về giáo dục* (Emile, or on education) và được thể hiện rải rác trong ba tác phẩm: *Julie hay nàng Heloise mới* (Julie, or the new Heloise), *Những lời bộc bạch* (The confessions), *Bàn về khế ước xã hội* (The social contract).

Chính từ những trải nghiệm của bản thân, từ sự phê phán gay gắt hệ thống giáo dục đương thời; J.J.Rousseau đã thiết lập một nền giáo dục được định hướng theo bản tính tự nhiên của con người. Ở đó, quá trình giáo dục

diễn ra cùng với sự phát triển tự nhiên và tự do của người học. Một nền giáo dục định hướng theo bản tính tự nhiên của con người tuyệt nhiên không phải được hiểu như là một tiến trình tự nhiên thuần túy, như thể chỉ phó mặc học trò với tiến trình trưởng thành tự nhiên của họ. Tiến trình tự nhiên đòi hỏi giáo dục phải lưu ý đến sự tương ứng giữa một bên là các nhu cầu với bên kia là các sức mạnh và năng lực của bản thân đứa trẻ.

Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau được xây dựng trên nền tảng những quan điểm cơ bản của ông về con người, bản chất con người, đặc biệt là quyền tự nhiên của con người. Trên nền tảng triết lý giáo dục tự nhiên, triết gia đã nhấn mạnh vào đối tượng giáo dục chính là trẻ em, những người ngay từ nhỏ cần được rèn luyện, uốn nắn để trở thành những công dân có ích cho xã hội. Từ chính đối tượng là giáo dục trẻ em, J.J.Rouseau đã đưa ra mục tiêu giáo dục vì chính đứa trẻ để được phát triển theo khuynh hướng tự nhiên của chúng và hướng trẻ đến sự phát triển cá nhân. Mục tiêu cuối cùng của giáo dục phải hướng trẻ đến cuộc sống tự chủ và hạnh phúc. Nhà tư tưởng cũng đã đề ra những nội dung của giáo dục về giáo dục thể chất, giáo dục trí lực và giáo dục đạo đức một cách phổ quát trên cơ sở tôn trọng bản tính tự nhiên của con người. Song, tuỳ theo lứa tuổi mà nội dung giáo dục sẽ nặng về một mặt nội dung nhất định nào đó. Ba nội dung giáo dục đức – trí – thể không phải được giáo dục tách biệt nhau mà luôn bổ sung cho nhau để hướng đến việc giáo dục trẻ một cách đầy đủ và toàn diện.

Cùng với nội dung, J.J.Rousseau đã đặt ra nhiều phương pháp giáo dục khác nhau trong quá trình giáo dục để giúp trẻ có thể thu nạp kiến thức hiệu quả. Ông đã phê phán các phương pháp giáo dục trẻ dựa trên nguyên tắc quyền lực, bắt trẻ phải phụ thuộc vào ý chí, nguyện vọng của người có quyền lực cao hơn. Đồng thời ông cũng lên án lối giáo dục theo sách vở, học thuộc; thay vào đó hãy trao cho trẻ một công việc tay chân nào đó. Theo ông, phương pháp dạy học phải tạo hứng thú cho trẻ, làm cho trẻ

được trải nghiệm các kiến thức bằng những trải nghiệm thông qua những cảm nhận trực tiếp về con người và sự vật. Trên cơ sở tư tưởng giáo dục tự nhiên - tự do, triết gia coi trọng việc phát triển sự tự hoạt động, quan sát, thực nghiệm và rút ra kinh nghiệm của trẻ thông qua các phương pháp giáo dục tự nhiên, bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp và giáo dục lấy người học làm trung tâm. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục đã để lại nhiều giá trị cho nhân loại, trong đó có những quan điểm có thể chọn lọc và học hỏi, phù hợp với bối cảnh của giáo dục Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GIÁO DỤC CỦA J.J.ROUSSEAU VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Đánh giá về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau

4.1.1. Những đóng góp

Với một cuộc đời nhiều gian truân, biến cố, J.J.Rousseau và các tác phẩm của ông tạo được nhiều sự đồng thuận cũng như chống đối. Điều đó xuất phát từ các công trình có tính chất mới mẻ, chống lại những giáo điều, những quan niệm về tôn giáo, chân lý, v.v... đã bám rễ rất sâu trong tâm trí con người. Vì vậy trong suốt cuộc đời, ông đã công bố nhiều tác phẩm bênh vực quyền tự do, bình đẳng của con người. Những đánh giá dù tích cực hay tiêu cực thì cũng không thể phủ nhận được vai trò của J.J.Rousseau cũng như các công trình của ông. Những công trình mang tính phổ quát, giải đáp các vấn đề mà xã hội đương thời đang phải đối diện. Đó cũng là lý do mặc dù gặp nhiều chống đối, sách của J.J.Rousseau vẫn được xuất bản, tư tưởng của ông vẫn được dạy và nghiên cứu ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục.

Thông qua việc nghiên cứu những tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, chúng tôi nhận thấy những điểm tích cực sau:

Thứ nhất, tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau nằm trong dòng chảy của những quan điểm giáo dục khai sáng, đặc biệt là tư tưởng của phong trào Khai sáng Pháp.

Giáo dục tiến bộ là sự tương phản lại với giáo dục truyền thống chủ yếu mang tính chất áp đặt về nội dung, độc đoán về phương pháp, trẻ em chủ yếu học thụ động và tiếp nhận. Giáo dục Khai sáng với mục tiêu để giáo dục diễn ra theo cách nào, giải đáp vấn đề giáo dục nên như thế nào, cách tốt nhất để không dẫn ta đến sự viển vông là phát hiện điều gì thực sự xảy ra khi giáo dục diễn ra trong thực tế. Nhu cầu về một nền giáo dục đó là nhu cầu tìm ra giáo dục thực sự là gì. Chúng ta buộc phải tìm ra những trường hợp có sự phát triển thực sự và

tìm hiểu sự phát triển đó diễn ra như thế nào. Sau đó chúng ta mới có thể dự phỏng điều gì đã và đang xảy ra trong những trường hợp đó, để rút ra kinh nghiệm cho việc hướng dẫn những nỗ lực khác. Nhu cầu về sự khám phá và dự phỏng này chính là nhu cầu về một triết học giáo dục.

J.J.Rousseau cho rằng giáo dục là tiến trình tự nhiên, chứ không phải là cố gắng giả tạo. Nó là sự phát triển từ bên trong, không phải từ bên ngoài. Nó hình thành từ hoạt động của những bản năng và mối quan tâm tự nhiên, chứ không phải từ việc phản ứng trước sức mạnh bên ngoài. Giáo dục là sự triển khai những năng lực tự nhiên hơn là thu hoạch và tích lũy thông tin. Với J.J.Rousseau, giáo dục là bản thân đời sống, chứ không phải là sự chuẩn bị cho trạng thái tương lai xa vời với cuộc sống thực của đứa trẻ, vui học đồng thời là vui sống. Trước đây, giáo dục nhằm "cải tạo" bản tính của đứa trẻ, bằng cách cưỡng bách nó tuân theo cách nghĩ, cách làm truyền thống, kể cả cách cảm xúc. Thay cho phản ứng "tự nhiên" là những phản ứng giả tạo được phát triển thông qua vô vàn thế hệ đi trước. Bản năng và xu hướng tự nhiên luôn hướng đến cái xấu, nên phải "khắc kỷ phục lễ", phải kiềm chế nếu không thể tận diệt chúng.

Thứ hai, mục tiêu giáo dục tự nhiên và tự do.

Giáo dục không phải đào tạo con người để phục vụ lợi ích giai cấp trong xã hội mà rèn luyện bản tính tự nhiên vốn thiện trong con người được phát huy tối đa, với tư cách đó, con người sẽ là tác nhân cải tạo xã hội. Quan điểm về mục tiêu giáo dục theo khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ của J.J.Rousseau đã chỉ ra những mặt trái từ xã hội văn minh. Tư tưởng này có giá trị lâu bền và đã ảnh hưởng đến triết lý giáo dục của Friedrich Froebell (1782-1852), là một nhà sư phạm người Đức. Ông "đã áp dụng lý thuyết về lợi ích của giáo dục tự nhiên này từ các tác phẩm của Jean Jacques Rousseau về bản chất của sự phát triển trẻ em"[19] [97, tr.191]. Friedrich Froebell nêu lên nguyên tắc cần cho trẻ em hoạt

[19] "He adopted this theory of natural education from the writings of Jean Jacques Rousseau on the nature of child development".

động tự do và tin ở sự cố gắng bản thân của trẻ em để đạt một mục đích có lợi. Trong quá trình học, người ta không dạy trẻ mà giúp trẻ phát triển một cách tự nhiên. Yếu tố cơ bản cho các giai đoạn phát triển là học thuyết về sự hình thành và phát triển của con người là sự bộc lộ những tiềm năng đã được hình thành sẵn trong con người.

Sự bộc lộ tiềm năng bắt nguồn từ chủ nghĩa tự nhiên, nơi mục đích của giáo dục là giúp đứa trẻ học tập và phát triển một cách tự nhiên, không bị ảnh hưởng bởi những tác động xấu của xã hội. Giá trị này đã chỉ ra sai lầm trong mục tiêu học ra làm quan trong giáo dục phong kiến Việt Nam. Với quan điểm, giáo dục đem lại tất cả những giá trị thiết thực cho con người, J.J.Rousseau cho rằng giáo dục phải tạo ra những công dân tự do, biết sống vì người khác và đóng góp cho lợi ích chung của xã hội.

Mục tiêu của giáo dục không phải là tạo kiến thức cho trẻ mà phải làm cho trẻ tìm kiếm kiến thức. Quan điểm này của J.J.Rousseau đã hướng cho hệ thống giáo dục thiên về thực hành trải nghiệm, chống lại quan điểm dạy học chỉ lý luận với trẻ. Giá trị này có ý nghĩa quan trong đối với mục tiêu giáo dục của Việt Nam hiện nay đã bị ảnh hưởng bởi mục tiêu giáo dục từ thời phong kiến. Những đứa trẻ được rèn luyện ngay từ nhỏ để học cách tìm tòi, khám phá kiến thức mới. Đặc biệt, những đứa trẻ được hướng đến sự tìm tòi, khám phá những điều mới lạ trong tự nhiên. Kiến thức và hiểu biết của trẻ chỉ được hình thành khi chính mình hoạt động và trải nghiệm. Người thầy có vai trò hướng dẫn trẻ và đứng bên ngoài quan sát hành động của trẻ. Trong trường hợp trẻ gặp phải những trở ngại trong quá trình tìm kiếm kiến thức, người thầy sẽ đóng vai giúp trẻ nhận ra bước tiếp theo phải đi trong quá trình tìm kiếm kiến thức đó.

Thứ ba, trình bày về phương pháp giáo dục phát huy quyền tự do, sáng tạo của người học.

Phương pháp giáo dục chính là điểm thành công nhất mà J.J.Rousseau đã thể hiện trong học thuyết giáo dục bất hủ này. Phương pháp giáo dục tiến bộ mà

ông đề xướng là phương pháp giáo dục tự nhiên, đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp và lấy người học làm trung tâm, "các ví dụ mang đến ý nghĩa nhiều hơn các quan niệm"[20] [93, tr.6532]. Phương pháp giáo dục thông qua thực hành, ứng dụng sẽ phá đi khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, tạo ra những con người có năng lực làm việc trong môi trường có tính sáng tạo cao với những công việc đòi hỏi trí óc của thế kỷ XXI. Điều này phù hợp với cách tiếp cận tích hợp trong chương trình giáo dục mới. Những quan điểm giáo dục này đề cao đến việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho người học. Người học được đặt trước một tình huống có vấn đề thực tiễn cần giải quyết liên quan đến các kiến thức khoa học. Để giải quyết vấn đề đó, người học phải tìm tòi, nghiên cứu những kiến thức thuộc các môn học có liên quan đến vấn đề (qua sách giáo khoa, học liệu, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ) và sử dụng chúng để giải quyết vấn đề đặt ra. Đây là những phương pháp học tập mới cho người học, đó là học tập sáng tạo. Sự tiếp thu kiến thức theo cách như vậy chính là một trong những định hướng mà giáo dục cần tiếp cận. Tuy vậy, có thể thấy phương thức dạy học như trên là không dễ dàng ngay cả đối với thế giới chứ không chỉ riêng trong điều kiện hiện nay của Việt Nam.

Tư tưởng của J.J.Rousseau về phương pháp giáo dục trẻ, đặc biệt là đề cao cảm giác thông qua thực hành, trải nghiệm trực tiếp đã ảnh hưởng đến các nhà giáo dục sau này, trong đó có John Dewey (1859-1952), là nhà triết học và cải cách giáo dục người Mỹ. "Dewey đồng ý với Rousseau và Freire rằng không thể học được nếu không có cảm giác"[21] [109, tr.540]. J.J.Rousseau có những ý tưởng liên quan đến kinh nghiệm giáo dục trẻ, ông đưa ra ví dụ về cảm giác băng nóng trên môi Émile và cây gậy dường như bị vỡ trong nước, cách những trải nghiệm có thể đánh lừa chúng ta. Kinh nghiệm có thể củng cố kiến thức và

[20] "Examples is better than perception"

[21] "Dewey agreed with Rousseau and Freire that no learning is impossiple with out feelings"

đây là một trường hợp mà kinh nghiệm có lợi trong quá trình giáo dục trẻ. John Dewey cũng khẳng định khả năng học tập thông qua thực hành và trải nghiệm, ông đã đưa ra phương pháp giáo dục thực nghiệm, theo đó người học chỉ có được các tri thức thực sự khi bằng hoạt động thực tế của mình, người đó có thể thực hiện những thay đổi thực sự ở các sự vật, chứ không phải bằng cách ghi nhớ các luận điểm lý thuyết. Những thay đổi thực tế này có thể hoặc khẳng định hoặc bác bỏ các tri thức có được. Nếu không như vậy, các kiến thức thuần tuý mà người học lĩnh hội được từ người thầy và sách vở vẫn chỉ là những phỏng đoán; tính chân thực hay giả dối của chúng chưa được xác định, chưa được thuyết phục. Dewey coi phương pháp giáo dục được kiểm nghiệm bởi trải nghiệm thực tế và cuộc sống là nguồn gốc căn bản nhất của khoa học sư phạm. Những tri thức và các kỹ năng có được từ thực tế và trải nghiệm thực tế mới trở nên sâu sắc, được ghi khắc trong tâm trí của người học hơn nhiều so với phương pháp giáo dục truyền thống thông qua việc truyền bá một khối kiến thức bắt buộc nhất định.

Thứ tư, nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của các nhà giáo dục.

Theo quan niệm của J.J.Rousseau, trẻ em là một thực thể vẹn toàn với đầy đủ những cảm xúc của một con người. Kiến thức của cha mẹ có thể được tích lũy từ sự trải nghiệm, kinh nghiệm sống trong xã hội, cũng có thể qua học tập nghiên cứu từ sách vở nhưng cũng cần phải lựa chọn những kiến thức phù hợp với hoàn cảnh gia đình và tâm – sinh lý của từng lứa tuổi và giới tính của các em. Hiện nay, sự phát triển của thông tin, của mạng xã hội nên các em tiếp thu rất nhanh cả những điều hay và nhiều điều xấu có hại, vì vậy cha mẹ cần cập nhất thông tin, nắm bắt được nhu cầu, tâm sự, thị hiếu của trẻ để có phương pháp tác động phù hợp đạt hiệu quả.

J.J.Rousseau quan tâm nhiều đến trách nhiệm của cha mẹ trong việc giáo dục con em. Đó là biện pháp giáo dục bằng cách thông qua những tấm gương sáng trong gia đình của ông bà, cha mẹ, anh em, v.v…, trẻ em lớn lên và được

tiếp nhận cách sống, ứng xử của những người xung quanh, trẻ em sẽ bắt chước học theo từ đó hình thành nhân cách tốt qua trải nghiệm thực tế. Phong trào: "ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền" cũng là nhằm nêu gương tốt để giáo dục trẻ em. Cách giáo dục này mang lại cho trẻ em cách sống, làm việc theo gương tốt của gia đình và chuẩn mực của xã hội.

Thứ năm, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau đã ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục thế giới

J.J.Rousseau đã trở thành nguồn cảm hứng cho những nhà cải cách giáo dục trên thế giới. "Tất cả những cải cách của Pestalozzi, Herbart, Froebel và nhiều nhà cải cách khác đều tìm thấy nguồn gốc của chúng trong những lời dạy của Rousseau"[22] [101, tr.295]. Những quan niệm giáo dục của ông đã tạo nên bước phát triển lớn trong toàn bộ lịch sử giáo dục. Ý tưởng cơ bản của tư tưởng giáo dục xuất phát từ J.J.Rousseau là coi giáo dục là một quá trình phát triển tự nhiên của trẻ và quá trình này kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành. Do đó, giáo dục có ý nghĩa đối với các giai đoạn cụ thể, không phải trong một trạng thái tương lai, mà trong chính quá trình khác nhau của tiến trình phát triển của trẻ. J.J.Rousseau phê phán về nền giáo dục man rợ, những thứ hy sinh hiện tại cho một tương lai không chắc chắn, một đứa trẻ phải mang theo với đủ loại xiềng xích và bắt đầu bằng cách làm cho nó đau khổ để chuẩn bị từ sớm trước đó một số hạnh phúc không chân thực mà chúng sẽ không bao giờ nhận được trong tương lai [Xem:101, tr.293].

J.J.Rousseau đã để lại một giá trị lớn lao dựa trên truyền thống phương Tây và từ chính kinh nghiệm của mình. Ông cho thấy rằng, không thể hiểu người học, kể cả trẻ thơ, nếu không hiểu con người và bản tính tự nhiên con người nói chung. Cha, mẹ, người thầy trước hết phải hiểu con người, bản tính tự nhiên của con người, chính là hiểu đối tượng giáo dục. Theo J.J.Rousseau, những tư tưởng

[22] All the reforms of Pestalozzi, Herbart, Froebel, and a multitude of other reformers of lesser influence, find their origin in the teachings of Rousseau

giáo dục nói chung và toàn bộ thực tiễn giáo dục cần phải được xây dựng trên nền tảng triết học xác định. Tư tưởng triết học là sự dẫn đường chung cho mọi hoạt động nhận thức của con người. Những tư tưởng giáo dục cũng như toàn bộ công việc tổ chức thực tiễn giáo dục phải được thực hiện một cách rất căn bản, không thể tùy tiện; không được làm ngẫu hứng theo sự tưởng tượng của người làm công việc giáo dục hoặc người được "phân công" làm công việc giáo dục.

Một lần nữa, có thể khẳng định, tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau chú trọng xem xét đến số tuổi, tính cách, năng lực tiếp thu, thể lực của người học, bởi khả năng tiếp thu không phải là năng lực có tính đồng đều ở mọi người học, vì vậy sự giáo dục phải được tiến hành qua từng giai đoạn, có chương trình giảng dạy phù hợp tương ứng. Như vậy, nhà tư tưởng đã đặt ra một vấn đề mà giáo dục ở thời đại nào cũng cần quan tâm là làm thế nào để con người có thể tiếp nhận sự giáo dục một cách tự nhiên, phù hợp với tư chất, năng khiếu tự nhiên của mỗi người.

Với những quan niệm giáo dục như trên, J.J.Rousseau đã nhận được sự ủng hộ và đồng cảm từ nhiều người. Tư tưởng giáo dục của ông không chỉ có ý nghĩa hay giới hạn trong một quốc gia mà được chấp nhận và ứng dụng ở nhiều nơi trên thế giới.

4.1.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những điểm tích cực, quan niệm giáo dục của J.J.Rousseau cũng có một số hạn chế sau.

Thứ nhất, một số quan niệm trong giáo dục còn chứa đựng yếu tố phân biệt về hoàn cảnh sống.

Trong quan niệm về đối tượng giáo dục, J.J.Rousseau đã có hạn chế khi phân biệt hoàn cảnh giữa người giàu và người nghèo, giữa con người sống trên mảnh đất xấu ở phương Bắc với con người sống trên mảnh đất phì nhiêu ở phương Nam. "Xã hội bày ra trước mắt chúng ta tại cùng một nơi hình ảnh của những khác biệt do giữa người nghèo và người giàu" [53, tr.54]. Triết gia cho

rằng, trẻ em ở vùng nông thôn tự nó đã có môi trường tự nhiên để học tập và phát triển, "một kẻ nghèo có thể tự mình thành người được" [53, tr.54] và điều này chỉ đúng trong một số trường hợp cụ thể. Về góc độ phổ cập giáo dục, trẻ em ở nông thôn hay thành phố đều nên được chú trọng giáo dục để hình thành trí tuệ và đạo đức một cách tốt nhất. Đặc biệt, trong thời đại 4.0 hiện nay, nếu nói rằng, trẻ em ở thành phố nên được giáo dục nhiều hơn còn trẻ em ở nông thôn không cần phải giáo dục mà tự thành người sẽ là vô lý. Trẻ em dù sống ở đâu, càng có cơ hội học tập, tiếp xúc với môi trường hiện đại thì càng có nhiều cơ hội để hội nhập và phát triển. Như vậy, J.J.Rousseau vẫn chưa thoát khỏi những thành kiến về hoàn cảnh sống, thực tế chứng minh rằng, người giàu hay người nghèo, thành phố hay nông thôn đều nên có cơ hội để học tập và phát triển để đóng góp cho xã hội nếu họ có đầy đủ quyền tự do và bình đẳng.

Thứ hai, J.J.Rousseau đã chủ trương thiết lập một nền giáo dục phòng vệ.

Giáo dục trẻ trước mười lăm tuổi, giáo dục con người bằng cách cách ly họ khỏi môi trường xã hội - cho thấy tính chất không tưởng và bất khả thi trong lý luận giáo dục của nhà Khai sáng Pháp. Do vậy, "ông đã có hạn chế là quá nhấn mạnh vào nền giáo dục phòng vệ"[23] [93, tr.6536]. Giáo dục con người bằng cách đưa trở về nông thôn là ngược với xu thế phát triển tất yếu của lịch sử, thể hiện tính bi quan lịch sử. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh "trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội" [41, tr.11], nghĩa là con người không phải và không thể là một cá thể cô lập trừu tượng, mà bao giờ cũng là con người tồn tại trong xã hội. Hơn nữa, con người không phải là sản phẩm của xã hội nói chung, mà bao giờ cũng là sản phẩm của một hình thái xã hội nhất định. Đưa con người ra khỏi xã hội, để rồi sau đó lại đưa con người đó trở lại cải tạo xã hội là quan niệm hoàn toàn sai lầm và không tưởng. Bởi lẽ,

[23] "He had stressed on negative education"

ngay khi con người bị bóc tách ra khỏi xã hội – môi trường sống là người duy nhất, thì không còn là con người nữa.

Thứ ba, quan niệm lạc hậu đối với vấn đề giáo dục nữ giới.

Tư tưởng của J.J.Rousseau với vấn đề giáo dục nữ giới cần phải nhìn rõ cả mặt tích cực và tiêu cực. Việc đề cao sự tự do trong tình yêu nam nữ, trong hôn nhân gia đình - đây là những điều mà trước kia J.J.Rousseau gọi là lý tưởng và bị một số người phê bình thì ngày nay, gia đình được hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện của nam và nữ. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiến bộ đó, ông đã ủng hộ hôn nhân do cha mẹ sắp đặt dựa trên sự tương hợp của dư luận, mà còn định tuổi sinh con, trách nhiệm của bậc cha mẹ với con cái và xã hội. J.J.Rousseau cũng không thể vượt khỏi thời đại khi cho rằng: "Phụ nữ sinh ra là để làm đẹp lòng đàn ông" [53, tr.504]. Vì vậy, ông đã "có quan điểm sai lầm liên quan đến giáo dục nữ giới"[24] [93, tr.6536]. Có thể thấy rằng, mặc dù J.J.Rousseau cũng đã bênh vực quyền phụ nữ, tuy nhiên ông vẫn bị ảnh hưởng bởi quan niệm thời phong kiến về trách nhiệm và bổn phận của người phụ nữ trong gia đình, xã hội.

Những hạn chế nêu trên không làm giảm giá trị tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau. Quan niệm của ông về các vấn đề quyền tự nhiên, tự do, bình đẳng vẫn được bàn đến trong nhiều quan niệm giáo dục sau này. Minh chứng rõ nét nhất là tư tưởng của ông đã ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng và các nền giáo dục trên thế giới.

4.2. Một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay

4.2.1. Khái quát những thành tựu đã đạt được và những vấn đề của giáo dục Việt Nam hiện nay

Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục là quốc sách và ưu tiên đầu tư cho giáo dục, "tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát

[24] "He had expressed faulty view concerning women education i.e."

triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài" [12, tr.329]. Bên cạnh đầu tư ngân sách nhà nước cho giáo dục, Nhà nước còn có nhiều chính sách hỗ trợ khác cho giáo dục và đào tạo. Vì vậy, trong hơn 70 năm qua, đặc biệt là sau hơn 30 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đạt được nhiều thành tựu lớn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước.

Thứ nhất, giáo dục đã xuất hiện nhiều nhân tố mới. Ở nhiều nơi đã hình thành phong trào học tập sôi nổi của cán bộ và nhân dân, nhất là thanh niên. Các loại hình trường lớp từ phổ thông đến đại học đa dạng hơn, tạo thêm cơ hội học tập cho nhân dân. Đã huy động được thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục. Các phương tiện thông tin đại chúng đã xây dựng nhiều các chuyên mục phục vụ giáo dục, đào tạo. Hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo ngày càng được mở rộng [Xem 4, tr.54]. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên và có bước phát triển mới. Một trong những minh chứng cho điều này là việc ghi dấu ấn của học sinh Việt Nam trên sân chơi trí tuệ thế giới như các kỳ thi Olympic các môn ở khu vực và quốc tế. Chương trình Đánh giá sinh viên quốc tế (PISA)...Năm 2012, Việt Nam lần đầu tiên tham gia cuộc thi PISA và xếp thứ 17 về Toán, thứ 8 về Khoa học, thứ 19 về Đọc. Trong khi đó, Mỹ chỉ xếp 36 về Toán, 28 về Khoa học và 23 về Đọc. Trong bảng xếp hạng dựa trên Toán và Khoa học do OECD công bố hồi tháng 5/2015, Việt Nam giành vị trí thứ 12, cao hơn nhiều so với vị trí thứ 28 của Mỹ [Xem: 119]. Chất lượng giáo dục có tiến bộ mới ở các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ở bậc phổ thông và bậc đại học hệ tập trung. Học sinh khá, giỏi, học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế ngày càng tăng.

Thứ hai, công tác kiểm định chất lượng giáo dục được chú trọng. Khung pháp lý đã được hoàn thiện; các nhà quản lý giáo dục, cán bộ và giáo viên đã làm quen với một số thuật ngữ liên quan như kiểm định, tự đánh giá, đánh giá ngoài. Các đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng đã được thành lập ở nhiều cơ sở giáo dục. Thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng cho thấy rõ xu

hướng đó. Tính đến 2021, cả nước có 192 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và 216 chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng khu vực và quốc tế [Xem: 122]. Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là cơ sở, tiền đề giúp cho ngành giáo dục và đào tạo phát triển vững chắc. Cơ sở vật chất, thiết bị, cảnh quan môi trường đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng hiện đại; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong ngành có sự phát triển cả về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; chất lượng giáo dục ở các ngành học, cấp học ổn định và tiến bộ tích cực; chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục duy trì; phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập có chuyển biến rõ nét.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng cho giáo dục được đầu tư thích đáng. Các trường lớp của Việt Nam đã và đang phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn về hạ tầng cơ sở đảm bảo cho việc dạy và học có chất lượng tương đương với các nước khác trong khu vực. Hiện tại, cả nước đã có khoảng 500 trường mầm non, 3.200 trường tiểu học và hơn 400 trường trung học cơ sở và phổ thông trung học đạt trường chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng xã hội học tập đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên tiếp tục được củng cố, phát triển. Các nghiên cứu quốc tế cũng đánh giá cao thành tựu của giáo dục Việt Nam. Theo Ngân hàng Thế giới thì Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia tiên phong trong đổi mới giáo dục và nêu rõ rằng sự phát triển thực sự ấn tượng thuộc về hệ thống giáo dục của Việt Nam và Trung Quốc [Xem: 120]. Nhìn chung, giáo dục Việt Nam trong 20 năm qua cho thấy rằng mặc dù vẫn đang còn ở mức độ thu nhập trung bình thấp nhưng Việt Nam đã vượt trội so với phần lớn các nước trong các cuộc thi đánh giá, tỷ lệ học sinh đến trường cũng như số lượng năm học được hoàn thành.

Tuy nhiên, trong những năm qua, giáo dục Việt Nam vẫn chỉ chủ yếu tập trung cải cách cục bộ, thiếu giải pháp đồng bộ. Những hạn chế, yếu kém của giáo dục vẫn còn nhiều. Cụ thể:

Một là, công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học ở một số địa phương còn chưa phù hợp, chưa quan tâm đến yếu tố đảm bảo chất lượng. Trường, lớp ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất bị thiếu, đặc biệt là các trường mầm non. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được giải quyết triệt để. Năng lực nghề nghiệp của một bộ phận giáo viên chưa cao, phương pháp giảng dạy chậm đổi mới; năng lực quản trị của một bộ phận cán bộ quản lý trường học còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Cơ sở vật chất, trường, lớp học, trang thiết bị dạy học nhiều nơi còn thiếu hoặc bị xuống cấp; công tác xã hội hóa giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất còn hạn hẹp; công tác xã hội hóa giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20%, tương đương 5% GDP, cao hơn với nhiều nước trong khu vực [Xem: 121]. Để giảm bớt áp lực chi tiêu từ ngân sách nhà nước, huy động được các nguồn lực phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, Nhà nước cần đẩy mạnh xã hội hoá lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đặc biệt trong đào tạo đại học thuộc các ngành kỹ thuật - công nghệ và dạy nghề. Trách nhiệm giải trình còn thấp. Việc thực hiện tự chủ đại học chưa gắn liền với đổi mới quản trị nhà trường, số lượng cơ sở đào tạo được tự chủ toàn diện chưa cao; tình trạng sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa tìm được việc làm còn nhiều.

Hai là, phương thức dạy học vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, việc phối hợp giữa nhà trường phổ thông với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... chưa hiệu quả. Nội dung, chương trình giáo dục còn tình trạng vừa thừa vừa thiếu, chưa gắn với cuộc sống thực tế. Sự lựa chọn về các trường học khá hạn chế, tỷ lệ học sinh đến trường ở cấp trung học cơ sở còn thấp, đào tạo chưa gắn kết với thị trường lao động và sự cần thiết phải cải cách giáo dục một

cách hệ thống và bài bản. Việc tiếp cận công nghệ, mô hình giáo dục nước ngoài, các chương trình học bổng nói chung ở các địa phương vùng sâu, vùng xa còn khiêm tốn. Nhân tài tuy không đến mức quá thiếu nhưng phát hiện và bồi dưỡng kém, thiếu cơ hội và điều kiện phát triển. Một bộ phận con người thiếu tư cách đạo đức, thiếu trung thực đang tác động nặng nề đến mọi mặt của đời sống [Xem: 46, tr.33]. Thiết kế, cấu trúc của chương trình giảng dạy, cách đánh giá cũng như phương pháp dạy và học cần phải đổi mới nhằm đảm bảo chất lượng của sinh viên khi ra trường. Cấu trúc và nội dung, thời lượng các môn học cần phải điều chỉnh cho hợp lý, cân đối và hấp dẫn. Chương trình học ở phổ thông quá nặng, mang nhiều tính lý thuyết sách vở, không phù hợp với tâm sinh lý của người học. "Chúng ta chỉ mải miết theo đuổi các chương trình lý thuyết và kém thực dụng" [47, tr.157], khả năng tiếp thu của người học đặc biệt là ở lứa tuổi tiểu học và trung học cơ sở cùng với chế độ thi cử nặng nề; bệnh thành tích và cách quản lý theo kiểu cầm tay chỉ việc. Do đó, giáo dục của chúng ta vẫn tạo ra những sản phẩm là học sinh với thói quen học thụ động, đối phó, khả năng xử lý vấn đề và tình huống trong cuộc sống kém. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động kém của người Việt so với khu vực.

Ba là, nghiên cứu sâu hơn về triết lý giáo dục ở Việt Nam hiện nay có thể thấy, giáo dục được coi là một trong những vấn đề quốc gia đại sự, bởi nó ảnh hưởng, quyết định đến sinh mệnh dân tộc, đến sự văn minh, phồn thịnh hay nghèo nàn, lạc hậu của đất nước. Tuy nhiên, hậu quả của việc không có chiến lược phát triển giáo dục cụ thể, chưa định danh rõ ràng về triết lý giáo dục là một nền giáo dục còn một số bất cập, xa thực tiễn và kéo theo những hệ lụy vô cùng nguy hại đến sự ổn định và phát triển đất nước. Những giải pháp tình thế, những kế hoạch mang tính thời vụ chỉ có thể giải quyết được những sự việc ở phạm vi nhỏ hẹp, ở tầm thấp, ngắn, chứ không thể đủ sức để vươn tới những chiến lược phát triển con người toàn diện. Bài học về tư duy hệ thống càng có ý nghĩa hơn khi đổi mới giáo dục, xây dựng chiến lược chương trình giáo dục nhằm tạo thế

ổn định, thống nhất để phát triển bền vững, hài hoà trong tổng quan đời sống con người, xã hội. Giáo dục Việt Nam không thể giữ mãi quan điểm duy lý và áp đặt cho mọi đối tượng giáo dục; cũng không thể an tâm, cầu toàn hoặc để mong đạt thành tích ảo khi chỉ lo nhằm đáp ứng, cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội.

Một nền giáo dục vì dân, vì sự hưng thịnh của đất nước là nền giáo dục luôn theo sát sự trưởng thành của con người từ thủa ấu thơ đến khi kết thúc cuộc đời, và hiện hữu trong đời sống vật chất, tinh thần công dân qua các thế hệ. Triết lý giáo dục phải có tính định hướng để đổi mới nền giáo dục, hiện đại hóa quá trình giáo dục các cấp học, bậc học một cách cụ thể và hiệu quả. Đặt vấn đề xây dựng triết lý giáo dục và đổi mới giáo dục trong hoàn cảnh đất nước đã bước sang thời kì phát triển kinh tế thị trường có định hướng, thời hội nhập quốc tế sâu sắc là điều quan trọng và cần thiết. Triết lý đó cần được nghiên cứu, bàn bạc, lập trình trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn giáo dục nước nhà, thống nhất với những định hướng phát triển đất nước. Triết lý đó sẽ theo sát với chiến lược đổi mới giáo dục và cũng không thoát ly với chương trình, nội dung, phương pháp dạy học.

Unesco đã xác định bốn trụ cột giáo dục, gồm: "Học để biết, học để làm việc, học để chung sống và học để khẳng định mình". Đây được coi là triết lý giáo dục tương đối cô đọng, phù hợp với nền giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới. Qua quá trình nghiên cứu và từ thực tiễn hoạt động, gần đây Unesco bắt đầu đưa vào trụ cột thứ 5 là "Học để thay đổi mình và thay đổi thế giới tốt đẹp hơn". Như vậy, giờ đây việc học không chỉ nhằm nâng cao hiểu biết, tầm nhìn; học để có kiến thức, kỹ năng làm việc; học để cùng chung sống hòa bình, hữu nghị, hợp tác với người khác và dân tộc khác; học để khẳng định những giá trị tồn tại của cá nhân; ý nghĩa của việc học đã được mở rộng ở nội hàm mới: Đó là học để thay đổi mình và thay đổi thế giới tốt đẹp hơn [Xem: 118].

Ở Việt Nam, phương pháp giáo dục thụ động, áp đặt thông qua các bài học của giáo viên và các hoạt động trên giấy, chương trình học được thực hiện giống nhau tại cùng một thời điểm, không quan tâm đến sở thích cá nhân. Như thế là

người học chưa thực sự làm chủ và chưa được đối xử bình đẳng. Mỗi nhà trường cũng chưa thực sự được quyền tự chủ về khoa học cũng như các vấn đề khác như tài chính hay quản lý. Dư luận xã hội đang đặc biệt quan tâm đến những vấn đề nổi cộm của giáo dục đào tạo hiện nay. Nhu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi bức thiết giáo dục cần phải thực hiện một cuộc cải cách và sự đổi mới này phải là cải tổ phần gốc rễ của nền giáo dục. Để cải tổ phần gốc rễ của hệ thống giáo dục thì trước tiên chúng ta cần một triết lý giáo dục đúng đắn. Có thể hiểu, triết lý giáo dục là lý luận chung nhất về giáo dục, vạch ra những mục tiêu, nội dung, phương pháp, cách thức phát triển của giáo dục và đây là một lý luận như kim chỉ nam, dẫn đường cho sự phát triển của một nền giáo dục.

Để xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại, có nhiều phương pháp tiếp cận rất phong phú: tiếp cận theo chiều sâu lịch sử, tiếp cận xu thế của thời đại và xu hướng của thế giới, tiếp cận từ nhu cầu bức xúc, từ thực tiễn của cuộc sống và có cách tiếp cận tích hợp tinh hoa dân tộc và thời đại. Có lẽ, để xây dựng triết lý giáo dục hiện đại, phương pháp hợp lý nhất là phương pháp tích hợp những tinh hoa trong triết lý giáo dục của dân tộc và tinh hoa triết lý giáo dục của thế giới, có sự bổ sung, phát triển, hoàn thiện thành triết lý giáo dục của nước nhà. Thật ngạc nhiên là đã từ hơn hai trăm năm trước, J.J.Rousseau đã chỉ ra những sai lầm trong quan niệm về giáo dục mà hiện nay chúng ta đang mắc phải, đồng thời còn chỉ ra cách khắc phục những sai lầm đó. Do vậy, việc nghiên cứu tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau sẽ chỉ ra được những giá trị tham khảo để xây dựng một triết lý giáo dục đúng đắn ở Việt Nam.

4.2.2. Từ tư tưởng giáo dục tiến bộ của J.J.Rousseau đến một số gợi mở đối với giáo dục Việt Nam hiện nay

4.2.2.1. Mục tiêu giáo dục tự nhiên và tự do

Mục tiêu của giáo dục truyền thống nhằm tạo ra những người "có học" để phục vụ nhà nước và nhà thờ (ở phương Tây), vì thế, giáo dục cần sớm chuyên môn hóa để biết phục tùng và phục vụ đắc lực cho người khác. J.J.Rousseau nhìn thấy đây là mối đe dọa trực tiếp cho sự lương thiện của

con người. Vấn đề là phải lựa chọn giữa con người tự nhiên và con người bị uốn nắn thành công cụ. Vì thế, chống lại mục tiêu giáo dục trong quá khứ, J.J.Rousseau đề xướng mục tiêu giáo dục tự nhiên, tự do và mang tính khai phóng để phát huy hết năng lực thiên phú của trẻ em. Trẻ cần được phát triển toàn diện, trước khi bị nhào nặn trong khuôn khổ chật hẹp và cứng nhắc của tiến trình chuyên môn hóa.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục, đào tạo đối với sự phát triển của đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục là yêu cầu cấp bách. Tiến trình đổi mới giáo dục cũng nhấn mạnh mục tiêu giáo dục là phát triển con người hội nhập quốc tế thay vì đặt nặng việc trang bị kiến thức. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiên tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế"[11, tr.140].

Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đặc biệt sau năm 1975, một thời đại mới mở ra cho dân tộc Việt Nam. Nền giáo dục mới hướng tới đối tượng là toàn thể nhân dân, với mục tiêu bảo vệ nền độc lập dân tộc, đưa đất nước sánh ngang với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với thực trạng của đất nước sau chiến tranh, việc khôi phục và phát triển dân trí đóng vai trò quan trọng. Giáo dục vẫn bị ảnh hưởng bởi quan niệm phong kiến nên khó thích nghi với sự biến đổi nhanh chóng của xã hội. Điều này dẫn đến tình trạng một bộ phận người học khi mới ra trường cảm thấy hụt hẫng, không tìm được công việc phù hợp với chuyên môn mặc dù họ được đào tạo bốn, năm năm trong trường đại học. Vấn đề ở đây là người học hầu như thiếu những kỹ năng căn bản trong cuộc sống mà chúng ta gọi là các "kỹ năng mềm". Cách giáo dục như trên làm cho người học có sự phát triển không

cân bằng: giỏi việc ghi nhớ kiến thức mà không có sự sáng tạo. Nhà khoa học vĩ đại Einstein.A - người có đóng góp rất lớn cho vật lý học hiện đại cũng nhận ra, "Điều quan trọng là anh ta phải được dạy để có một cảm thức sống động về cái gì là đáng để phấn đấu trong cuộc đời. Anh ta phải được dạy để có một ý thức sống động về cái gì là đẹp và cái gì là thiện" [14, tr.54].

Việt Nam hiện nay đang trong giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế. Văn hoá phương Tây đã ảnh hưởng đến Việt Nam cả mặt tích cực và tiêu cực. Hơn nữa, sự phát triển của khoa học, công nghệ đã giúp cuộc sống con người hiện đại hơn nhưng cũng chứa đựng nhiều cạm bẫy. Xã hội hiện đại đòi hỏi con người vừa phải có trình độ tay nghề cao, có đạo đức nghề nghiệp đồng thời cũng phải có đủ khả năng thích nghi và hợp tác trong một "thế giới phẳng" với xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa đang ngày một lan rộng.

J.J.Rousseau yêu cầu phải đối xử với trẻ em với tư cách là trẻ em chứ không được áp đặt trẻ theo cách nhìn hoặc mong muốn của người lớn. Giáo dục là để phát huy tối đa bản tính tự nhiên vốn có trong mỗi con người. Triết gia cho rằng, công việc đào tạo con người không chỉ cần làm cho người học quen với những tác phẩm văn học và nghệ thuật của lịch sử, mà còn thông qua những ví dụ điển hình đó, truyền tải ý thức về sự đa dạng của con người và bộc lộ sự linh hoạt cũng như hiệu quả của bản tính tự nhiên con người. Ẩn sâu bên trong con người là những khả năng bẩm sinh và vì thế, cần phải tìm hiểu đặc tính hay bản chất của những khả năng đó. Để giáo dục trẻ theo khuynh hướng tự nhiên và tự do, chúng ta phải khước từ phương pháp giáo dục áp đặt, duy ý chí lên người học. Lev Tolstoi (1828 - 1910) - đại văn hào, nhà tư tưởng, nhà cải cách giáo dục người Nga cho rằng, "nếu như nhân loại ý thức được tính bất cập của nhà trường mình tạo dựng, thì bản thân cái ý thức ấy đã sẽ là một sự kiện lịch sử có thể làm cơ sở cho công cuộc thiết chế nhà trường" [78, tr.15]. Giáo dục không thể được hiểu theo một nghĩa giản

đơn là đưa đứa trẻ vào các cơ sở trường lớp, áp đặt cho chúng một lượng kiến thức nhất định một cách hình thức và cấp cho chúng một tờ giấy chứng nhận nào đó để bước vào cuộc đời và tiếp quản các nhiệm vụ xã hội một cách máy móc, phục tùng. Nguyên tắc quan trọng trong giáo dục mà ta rất cần học tập đó là nhà trường phải tuân thủ triệt để quyền tự nhiên, tự do của học trò. Trẻ luôn có vị trí nhất định trong xã hội, do đó phải đối xử với các em tùy theo tâm lý lứa tuổi của chúng.

Tuy nhiên, để xây dựng một quan niệm giáo dục mới thì cần phải chống lại một số quan điểm lạc hậu trong giáo dục phong kiến. Lev.Tolstoi đã viết, "có lẽ phải hàng trăm năm nữa mới tiêu tan những thiết chế có sẵn từ lâu - trường tiểu học, trường trung học, trường đại học mới xuất hiện các trường hình thành trên cơ sở quyền tự do của thế hệ học trò mới" [78, tr.61]. Bởi vì, quan niệm giáo dục thời phong kiến đã bám rễ rất sâu vào nhiều thế hệ, người ta chăm lo trước hết đến việc thực hiện nhiệm vụ của người dạy là truyền đạt cho hết những kiến thức đã quy định trong chương trình và sách giáo khoa, chú trọng khả năng và lợi ích của người dạy. Chuẩn bị cho người học đi thi là mục tiêu của dạy học. Có nhiều học sinh thi đỗ với thành tích cao gắn liền với lợi ích của thầy giáo. "Học sinh lại cũng rất hài lòng khi nhận về mình những thành tích ảo ấy vì tư tưởng chạy theo điểm số trong học tập đã thấm từ người lớn sang trẻ em" [23, tr.164]. Đó là sự hy sinh hạnh phúc hiện tại cho một tương lai không biết trước như lời J.J.Rousseau đã nói.

Đối với J.J.Rousseau, giáo dục là hướng vào việc chuẩn bị cho người học sớm thích ứng với đời sống xã hội, hòa nhập và phát triển cộng đồng, tôn trọng nhu cầu, lợi ích, tiềm năng của người học. Lợi ích và nhu cầu cơ bản nhất của trẻ là sự phát triển toàn diện nhân cách. Mọi nỗ lực giáo dục của nhà trường đều phải hướng tới tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người học - bằng hoạt động của chính mình – sáng tạo ra nhân cách của mình, hình

thành và phát triển bản thân. Tuy nhiên, không nên từ đó đi đến cực đoan sai lầm rằng toàn bộ mục tiêu phải xuất phát và chỉ xuất phát từ lợi ích của trẻ, hoặc quan niệm máy móc rằng người dạy dạy những gì người học yêu cầu chứ không phải là dạy những gì người thầy biết. Giáo dục, đặc biệt là giáo dục phổ thông, không thể không tính đến lợi ích nhu cầu của xã hội.

Nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục tự do, giúp người học có sự độc lập, sáng tạo trong quá trình học để hướng tới những mục tiêu và giá trị chân thực trong cuộc sống thì người dạy nên chọn lựa sự giáo dục tự nhiên cho người học ngay từ nhỏ. Nhưng những gì người thầy, cha mẹ làm tuyệt đối không áp đặt, không gây ảnh hưởng đến khuynh hướng phát triển tự nhiên của trẻ. Mỗi đứa trẻ có quyền và xứng đáng được rèn luyện và phát triển một cách hài hoà về thể chất, đạo đức và trí năng. Các bài học để dạy đều xuất phát từ những bài học thực tế từ tự nhiên. Môi trường dạy học phải đáp ứng được sự hài hoà giữa vật chất và yếu tố thiên nhiên để giúp trẻ có cảm nhận cuộc sống. Người thầy, cha mẹ nên chọn những trò chơi dễ tổ chức và thực hiện, trò chơi phải phù hợp với chủ đề, với đặc điểm và trình độ của trẻ, phù hợp với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực, trẻ phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi, trò chơi phải tạo được sự hứng thú và vui thích của trẻ. Với việc học mà chơi, chơi mà học một cách tự nhiên biến mỗi đứa trẻ thành một nhà thám hiểm để khám phá và phát triển các giác quan của mình thông qua những bài học thiết thực nhất. Thầy giáo, cha mẹ cần quan sát, tạo điều kiện và hoàn cảnh tốt nhất để trẻ có cơ hội được tìm tòi và khám phá cái mới cũng như là học cách khắc phục những khó khăn phát sinh trong cuộc sống.

Trong tư tưởng của J.J.Rousseau, cũng như các nhà Khai sáng khác, tư tưởng nhân đạo chính là nền tảng. Ông đã từng lên án giáo dục đương thời thực chất đã làm cho những đứa trẻ như bị cầm tù.. Bởi vậy điều ông muốn hướng tới chính là hạnh phúc cho người học, quyền tự do bình đẳng và phổ

biến không phải riêng cho một tầng lớp xã hội nào. Émile chỉ là tên gọi một con người cụ thể, nhưng qua đó J.J.Rousseau muốn nói đến một nền giáo dục có thể tạo ra những cá nhân phát huy được hết năng lực tự nhiên của mình như Émile.

Như vậy, mục tiêu giáo dục toàn diện, đảm bảo quyền tự do và hạnh phúc đã được nêu ra trong đường lối của Đảng nhưng tiến trình thực hiện còn nhiều bất cập, hạn chế. Với những định hướng đúng đắn trên đây, chúng ta cần có những biện pháp tích cực và mạnh mẽ hơn nữa để đổi mới, tiếp thu những tư tưởng đúng đắn của nhân loại trong giáo dục để đạt tới mục tiêu xây dựng con người hoàn thiện với tư cách là một chủ thể tự do, sáng tạo.

4.2.2.2. Phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp

Một trong những phương pháp giáo dục có giá trị lâu bền của J.J.Rousseau chính là giáo dục đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Phương pháp giáo dục này đã phê phán phương pháp lý thuyết cổ truyền và hướng đứa trẻ đến việc học tập, rút kinh nghiệm, tích luỹ kiến thức thông qua những trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống. Hiện nay, phương pháp giáo dục ở Việt Nam chủ yếu là thuyết trình giảng giải, thầy nói trò ghi. Người dạy lo trình bày cặn kẽ nội dung bài học, tranh thủ truyền thụ vốn hiểu biết và kinh nghiệm của mình. Học sinh tiếp thu thụ động, cố hiểu và nhớ những điều thầy đã giảng, trả lời những câu hỏi, người dạy nêu ra về những vấn đề đã dạy. Người dạy dự kiến chủ yếu là những hoạt động trên lớp của chính mình, hình dung trước về những hành động hưởng ứng của học sinh (sẽ trả lời câu hỏi ra sao, sẽ giải bài tập theo cách nào, v.v…), trên lớp, người dạy chủ động thực hiện giáo án theo các bước đã chuẩn bị. Ý thức rõ sự bất cập trong nền giáo dục, đặc biệt về phương pháp giáo dục. Trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đã nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới đồng bộ…phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những

yêu cầu mới của phát triển kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi" [11, tr.136]. Giáo dục phải phát huy tinh thần độc lập và khả năng sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, học vấn và tay nghề.

Ở Việt Nam, hệ thống thi cử, đánh giá coi việc nhớ kiến thức chuyên môn là quan trọng nhất nên việc thi tuyển đầu vào, kiểm tra trong quá trình học tập và đánh giá đầu ra đều lấy việc ghi nhớ kiến thức cụ thể làm mục tiêu chủ yếu. Cách dạy học và đánh giá như trên đã tạo ra tình trạng xã hội ngày càng có nhiều người bằng cấp cao nhưng thiếu vắng những người có khả năng sáng tạo, có nhân cách đáng kính để làm chủ, dẫn dắt xã hội. Vì vậy, giáo dục con người thông qua thực hành và trải nghiệm là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. John Dewey đã khẳng định: "nhà trường không thể tách khỏi hoạt động thực tiễn và kiến thức không thể được áp đặt từ bên ngoài"[6, tr.9]. Điều này sẽ giúp người học tích lũy được những kinh nghiệm và kĩ năng để làm việc và giải quyết một cách rộng rãi những tình huống, hoàn cảnh phát sinh trong cuộc sống.

Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn (1926-2017), một nhà toán học, nhà giáo dục học Việt Nam cho rằng: phương pháp giáo dục phải tổng hợp các phương pháp học và hành, "mục đích của học là hành có ích cho mình và cho đời. Nhưng hành cũng là một cách để học, vừa để củng cố kiến thức, vừa để phát triển tư duy, vừa để rèn luyện nhân cách" [69, tr.31]. Để việc học đạt hiệu quả thì việc dạy học phải đảm bảo đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp; không áp đặt, kết hợp giữa học tập với vui chơi. Theo đó, phương pháp dạy học trong nền giáo dục xã hội chủ nghĩa phải linh động cho từng đối tượng của người học dựa theo lứa tuổi, cấp học, bậc học của từng học sinh. Việc dạy và học phải kết hợp nhuần nhuyễn cả hình thức truyền thống lẫn hình thức hiện đại, theo đó dạy và học không chỉ diễn ra ở mọi lúc, mọi

nơi: học ở trường, học ở sách vở, học tập lẫn nhau, học tập ở nhân dân, trong lao động, v.v…

Giáo dục hiện đại cần một xu hướng dạy học tiến bộ, đặc biệt đề cao thực hành, trải nghiệm. Với mỗi học sinh do đặc điểm tâm lý tính cách khác nhau nên có cách dạy khác. Nếu dạy học cá thể tốt sẽ phát huy năng khiếu, sở trường, sở đoản của từng em, động viên được học sinh hứng thú, ham thích tìm tòi học tập ở mức độ cao nhất. Đây là xu thế của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và bất kỳ quốc gia nào cũng phải hướng tới. Phương pháp đề cao thực hành trải nghiệm trực tiếp, nghĩa là tôn trọng quyền tự do sáng tạo, tìm kiếm cái mới của trẻ. Lev Tolstoi đã kiên trì nguyên lý tự do trong giáo dục cả trên lý thuyết lẫn trong thực hành và coi đó là tư tưởng căn bản, làm nền tảng cho hệ thống giáo dục. Ông khẳng định: "hãy ý thức rằng cái quy luật rút ra một cách rõ ràng cả từ lịch sử giáo dục học, cả từ lịch sử bản thân nền giáo dục - đó là để cho người đi giáo hóa biết được cái gì là tốt đẹp, cái gì là tồi tệ thì người được giáo hóa phải có toàn quyền thể hiện sự không hài lòng của mình, hoặc chí ít ra là lảng tránh cái kiểu giáo dục không thỏa mãn anh ta theo bản năng - hãy ý thức rằng chuẩn mực của giáo dục chỉ có một mà thôi - tự do" [78, tr.21-24]. Người học cần biết kết hợp cảm giác và suy nghĩ được với những gì họ cảm nhận và ứng xử. Để cho trẻ em có thể khám phá tốt, người thầy nên lựa chọn nội dung vấn đề hoặc tình huống đảm bảo tính vừa sức đối với chúng, chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng trực quan và những điều kiện cần thiết để trẻ tự tìm tòi khám phá, tổ chức làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm; khuyến khích trẻ tự tìm tòi khám phá, đưa ra các phát hiện, cách giải quyết có thể; liệt kê các cách giải quyết có thể có; phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết của cá nhân trẻ, của nhóm trẻ; lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất; kết luận về nội dung của vấn đề, làm cơ sở cho trẻ tự kiểm tra, tự điều chỉnh; rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

Từ thế kỷ XVIII, J.J.Rousseau đã tiến hành phương pháp giáo dục có tính gợi mở, khơi dậy ý thức tự do và bình đẳng, đề cao học tập thông qua thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Mặc dù tất cả những điều đó vẫn còn ở dạng lý thuyết do những hà khắc của chế độ đương thời khiến ông không thể biến ước mơ của mình thành sự thật. Trong thời đại ngày nay, tiếp thu những hệ thống lý luận giáo dục tiến bộ của các nhà tư tưởng trên thế giới, giáo dục ở Việt Nam đã ngày càng đổi mới phương pháp giáo dục để hướng dẫn học trò tự tìm lấy kiến thức "Hãy đặt ra những vấn đề vừa sức nó, và hãy để nó tự giải quyết... Sao cho nó hiểu biết điều gì cũng không phải do quý vị đã bảo nó, mà vì nó đã tự hiểu lấy; sao cho nó đừng học khoa học, mà tìm ra khoa học" [53, tr.217]. Hiểu được phương pháp giáo dục của ông, chúng ta sẽ học hỏi được những bài học quý báu để gợi mở cho giáo dục Việt Nam.

Thực tế, nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hành các phương pháp giáo dục hiện đại, một ví dụ tiêu biểu là giáo dục Steam. Vai trò của giáo dục Steam giúp trẻ hình thành và rèn luyện kiến thức, kỹ năng thông qua các đề tài, các bài học theo những chủ đề gắn liền với thực tế cuộc sống. Với phương pháp giáo dục tương tác đa chiều, kết hợp Khoa học (Science), Công nghệ (Technology), Kỹ thuật (Engineering), Toán học (Math) và Nghệ thuật (ART) giúp truyền cảm hứng học tập cho học sinh trong những môn học lý thuyết khô khan [Xem: 116]. Ở Việt Nam hiện nay đã và đang bắt nhịp với phương pháp học này. Toàn quốc nói chung và nhiều tỉnh thành nói riêng đã chủ động phối hợp với nhiều đơn vị chuyên về giáo dục Steam để đưa vào tiết học ngoài giờ lên lớp, tiết học dự án trong nhà trường. Thầy cô giáo ở Việt Nam nên dành thêm thời gian để soạn giáo án chuyên sâu về Steam nhằm hỗ trợ việc triển khai học Steam ở các trường trở nên nhanh chóng và thuận lợi hơn. Các trường phổ thông cũng nên thành lập câu lạc bộ

Steam, đặc biệt nên tập trung vào lập trình máy tính, robot cho học sinh ở các trường trung tâm.

Như vậy, xây dựng phương pháp giáo dục ở Việt Nam hiện nay phải đảm bảo tính kế thừa, phát huy truyền thống của dân tộc đồng thời phải cởi mở đón nhận giá trị tiến bộ của thời đại, hội nhập nhưng không hoà tan. Phương pháp giáo dục ở Việt Nam nên học hỏi từ J.J.Rousseau, đặc biệt coi trọng quyền tự do và các giá trị cơ bản của người học. Chú ý đến những khả năng độc đáo của mỗi người học, từ đó, giáo dục có vai trò gợi mở, kích thích cho người học bộc lộ và phát triển những khả năng của mình. Ở Việt Nam, nền giáo dục bị ảnh hưởng bởi lý thuyết từ thời phong kiến về việc chú ý đến phương pháp đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp có ý nghĩa quan trọng đối với việc thay đổi nhận thức và hoạt động trong giáo dục.

4.2.2.3. Triết lý giáo dục "Lấy người học làm trung tâm"

Nhà nghiên cứu Phạm Minh Hạc, nguyên Bộ trưởng Bộ giáo dục Việt Nam viết: "Triết lý giáo dục là thực tế giáo dục đã được con người, cộng đồng, xã hội trải nghiệm – cái đã qua và nghiệm thấy, tức là đã cảm nhận, biết đến, hiểu ra, ý thức được – được đúc kết thành một giá trị, được biểu đạt trong câu ngắn gọn, ca dao, tục ngữ, cụm từ... nhằm truyền đạt, tiếp thu và thể hiện trong cuộc sống, mang lại một giá trị nhất định cho con người, cộng đồng, xã hội, duy trì và làm nảy nở cái đúng, tốt, đẹp, ngăn ngừa, sửa chữa, loại trừ cái sai, ác, xấu" [16, tr. 36]. Vì vậy, việc tiếp thu tư tưởng giáo dục tích cực trên thế giới phải phù hợp với bối cảnh và văn hoá của người Việt. J.J.Rousseau coi con người là chủ thể của giáo dục, với mục đích phát triển giá trị nội tại ở mỗi cá nhân, tư tưởng này đã tác động rất lớn tới nền giáo dục Tây phương. Triết lý giáo dục "lấy người học làm trung tâm" của ông để lại ảnh hưởng không nhỏ tới nhiều nhà giáo dục học hiện đại và hậu hiện đại. Giáo dục Việt Nam cần hiểu và đánh giá đúng những tư tưởng có giá trị của triết gia Khai sáng để tiếp thu và chỉ ra những ý nghĩa đối với thực tại.

Phương pháp giáo dục "lấy người thầy làm trung tâm" là hình thức dạy học phổ biến trong nền giáo dục thời phong kiến ở nhiều nơi, trong đó có Việt Nam. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở thời kỳ chưa hình thành tổ chức nhà trường, một giáo viên thường dạy cho một nhóm nhỏ học sinh, có thể chênh lệch nhau khá nhiều về lứa tuổi và trình độ. Trong hoạt động dạy học này, chương trình học tập được thiết kế chủ yếu theo logic nội dung khoa học của các môn học, chú trọng trước hết đến hệ thống kiến thức lý thuyết, sự phát triển tuần tự của các khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. Người thầy chủ yếu diễn giảng những điều có sẵn trong sách vở cho học trò nghe. Người thầy nói những điều mình đã học, đã biết và học trò chỉ việc nghe, ghi chép lại và học thuộc lòng. Nội dung học được nhắc đến ở đây chủ yếu là những sách vở Nho gia dạy đạo lý thánh hiền hay những trật tự khuôn phép để sống ở đời, cũng có khi là sách văn chương thơ phú. Có thể đây là một hình thức dạy học được xem là tích cực trong thời phong kiến, bằng chứng là nhiều người hấp thụ nền giáo dục đó cũng có thể trở thành những người tài trong xã hội xưa.

Theo quan điểm của J.J.Rousseau, người học không chỉ là đối tượng trí tuệ của người thầy, mà còn là một sản phẩm có chất lượng cao phù hợp với xã hội và thời đại, là chủ thể của hoạt động học tập. Các em tiếp thu tri thức nhân loại để phát triển chính bản thân mình trở thành chủ thể tích cực và sáng tạo. Do vậy, "phải coi mình như người học giả đi tìm tòi, đi khảo cứu dưới sự hướng dẫn của giáo sư: phải biết đặt vấn đề, phải biết nghi ngờ cả ông thầy (...) vì đấy là bước đầu trở nên người phát minh" [13, tr.18]. Vì vậy, nhân vật trung tâm này phải là một chủ thể có ý thức, có nhu cầu, có hứng thú, ham thích học và tích cực trong hoạt động học tập, biết cách học để chiếm lĩnh khoa học.

Nhận thức được tầm quan trọng của sự sáng tạo, những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, nhiều cải cách và đổi mới giáo dục được đưa ra, phương châm "lấy người học làm trung tâm" được nhắc đến khá nhiều. Tư

tưởng chủ đạo của phương châm này là lấy học sinh làm đối tượng, coi việc giáo dục thế hệ trẻ trở thành những người lao động tự chủ, năng động và sáng tạo là nhiệm vụ then chốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, năng động, sáng tạo là phẩm chất cần thiết của người học trong xã hội hiện đại. Điều này giúp con người có thể vượt qua những ràng buộc của hoàn cảnh, rút ngắn thời gian để đạt được mục đích đã đề ra một cách nhanh chóng, tốt đẹp; nhờ có năng động mà con người làm nên những kì tích vẻ vang, mang lại niềm vinh dự cho bản thân, gia đình và đất nước. Trong xu thế phát triển của xã hội ngày nay, yếu tố năng động và sáng tạo là một trong những yếu tố cần thiết đối với mỗi con người, trong đó có đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh là quá trình học hỏi, thấm nhuần sâu sắc di huấn của các bậc thầy cách mạng vô sản, "không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm", mà "phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy, thì xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga". Đó chính là quan điểm thực tiễn, cơ sở của sự sáng tạo. Tính năng động, sáng tạo trong Hồ Chí Minh được thể hiện nhiều ở cách nói, lối viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng đi vào quần chúng, hướng dẫn họ hành động. Nhiều câu được cô đúc lại như châm ngôn: "Nước lấy dân là gốc", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người",v.v…

Quan điểm dạy học "lấy người học làm trung tâm" đòi hỏi chúng ta phải xây dựng lại các hình thức tổ chức dạy học và các phương pháp dạy học phù hợp. Đặc biệt đề cao phương pháp thực hành trải nghiệm trực tiếp trong quá trình học. Các hình thức tổ chức dạy học được sử dụng nhiều nhất là tự học, học theo nhóm, trò chơi đóng vai, hoạt động thực tiễn, tham quan. Các phương pháp dạy học được sử dụng nhiều nhất là phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại, tranh luận, nghiên cứu tài liệu. Có thể khẳng định rằng: dạy học

“lấy người học làm trung tâm” có tư tưởng chủ đạo là tổ chức cho người học hoạt động tích cực, sáng tạo, lấy tự học làm chính; lấy tập thể để bổ trợ cho cá nhân; lấy máy móc thiết bị làm phương tiện; lấy tài liệu, sách giáo khoa, băng hình và tự đánh giá kết quả học tập. Hình thức học này hình thành ở học sinh sự mạnh dạn, có tính cách, tự tin, biết cách học, biết cách làm, biết cách giao tiếp xã hội, biết cách khẳng định chân lí, tạo nên con người rất thực tế, thích hoạt động, dẫn đến sự năng động và sáng tạo trong tư duy, trong hoạt động cuộc sống. “Quan điểm của phương pháp này là thầy giáo phải hướng về học sinh, lấy học sinh làm trung tâm, nghiên cứu tâm sinh lý của từng em một để chọn phương pháp dạy học phù hợp nhằm chăm sóc các em, kích thích, gợi mở tư duy sáng tạo” [72, tr.12]. Người học tự giác chịu trách nhiệm về kết quả học tập, được tham gia tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về mức độ đạt các mục tiêu của từng phần trong chương trình học tập, chú trọng bổ khuyết những mặt chưa đạt được so với mục tiêu trước khi bước vào một phần mới của chương trình.

Các nhà giáo dục trong quan niệm của J.J.Rousseau không chỉ là người thầy mà còn bao gồm cả cha mẹ. Những luận điểm về vai trò của cha mẹ và người thầy trong quá trình giáo dục lấy người học làm trung tâm của ông có nhiều điểm còn giá trị để chúng ta tham khảo, học tập. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước quan tâm sâu sắc đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Nhiệm vụ này được đưa vào Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng. Gần đây nhất, đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh: “Đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống và nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” [11, tr.139].

Ở Việt Nam, các nhà giáo dục cần hiểu “Lấy người học làm trung tâm” theo quan điểm của J.J.Rousseau không có nghĩa là hạ thấp vai trò của người thầy, đưa người thầy xuống trở thành người “quan sát”, “chứng kiến” hoạt động của người học. Ngược lại, vì “lấy người học làm trung tâm” nên

càng yêu cầu cao đối với năng lực của người thầy. Người thầy phải là người có khả năng tổ chức, điều khiển mọi hoạt động của học trò, giúp người học học tập tốt nhất. Ở bất kỳ thời kỳ nào vai trò của người thầy cũng luôn được đề cao, vì thế người ta mới tìm cách nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Do đó, người thầy có giỏi mới có thể giúp học sinh giỏi và ngược lại, trò giỏi lại cần phải có thầy giỏi. Người dạy phải hướng dẫn cho người học phát triển kĩ năng tự đánh giá, không thể chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện kiến thức, lặp lại kĩ năng đã học mà phải khuyến khích óc sáng tạo, phát hiện sự chuyển biến thái độ và xu hướng hành vi của người học trước những vấn đề của đời sống gia đình và cộng đồng, rèn luyện khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tế.

Để thực hiện hiệu quả quan điểm dạy học "lấy người học làm trung tâm" từ quan điểm của J.J.Rousseau. Chúng ta cần bồi dưỡng cho người dạy cách dạy mới làm sao để họ chuyển biến rõ rệt từ nhận thức đến hành động; tích cực, chủ động vận dụng trong hoạt động giảng dạy, sắp xếp thời gian đủ cho các chuyên đề, sau đó là chuẩn bị cơ sở vật chất, đặc biệt là phương tiện dạy học, những điều kiện đảm bảo tốt nhất cho quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học. Việc vận dụng tối đa quan điểm dạy học "lấy người học làm trung tâm", đây là một phương hướng, một kiểu dạy học phù hợp với yêu cầu của thời đại ngày nay.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Chúng ta có thể theo dõi từng bước một sự manh nha và tiến triển tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, do đó, chúng ta nhận định những suy tư bác học của ông. Chúng ta đã biết phương pháp nhận định, phân tích, suy diễn và tổng hợp để đi đến những kết luận vô tư, thành thực, xác thực và đúng mức.

J.J.Rousseau đã có hạn chế về quan điểm thiết lập một nền giáo dục phòng vệ cho trẻ cũng như quan điểm giáo dục phụ nữ vì bị giới hạn bởi trình độ kiến thức của thời đại, nhưng tư tưởng của triết gia về mục tiêu và

phương pháp giáo dục đã mang lại nhiều giá trị tích cực cho xã hội đương thời và sau này. Những đóng góp trong tư tưởng giáo dục của J.J.Rousseau về mục tiêu và phương pháp giáo dục đã ảnh hưởng đến nhiều nước trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, ở Việt Nam cho đến nay, việc vận dụng tư tưởng giáo dục của ông còn chưa nhiều, đặc biệt là về mục tiêu giáo dục tự nhiên, tự do; triết lý lấy người học làm trung tâm và phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp. Thiết nghĩ, chúng ta cần có sự nhìn nhận đúng đắn về tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau, từ đó, kế thừa và chắt lọc những giá trị phù hợp với văn hóa và nền giáo dục Việt Nam để ứng dụng trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước hiện nay.

Mục tiêu giáo dục tự nhiên – tự do, phương pháp giáo dục bằng thực hành, trải nghiệm trực tiếp, triết lý lấy người học làm trung tâm của ông đã ảnh hưởng đến các nền giáo dục trên thế giới. Nhiều nhà giáo dục cũng đã kế thừa tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau như: Friedrich Foebell, John Dewey, v.v… Chúng tôi thiết nghĩ, nếu chúng ta muốn tìm một thí dụ ý nghĩa về triết học giáo dục của J.J.Rousseau thì có thể thấy trong các tác phẩm của ông một khuôn mẫu độc đáo. Ngày nay, tư tưởng giáo dục của triết gia đã ảnh hưởng đến nhiều nền giáo dục trên thế giới, người ta chấp nhận những đóng góp và hạn chế trong tư tưởng giáo dục của ông.

KẾT LUẬN

Jean Jacques Rousseau là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà biện chứng lỗi lạc của triết học Khai sáng Pháp. Một trong những đóng góp quan trọng của triết gia cho lịch sử tư tưởng nhân loại – đó là trong lĩnh vực triết học giáo dục. Tinh hoa tư tưởng giáo dục của ông thể hiện ở quan điểm thuận theo tự nhiên, chống lại những ảnh hưởng tiêu cực từ chủ nghĩa duy lý, duy khoa học. Trong luận án của mình, tác giả đã nghiên cứu và thu được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, từ những nội dung trong tư tưởng triết học giáo dục J.J.Rousseau bàn đến, có thể nhận thấy rằng, trong bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá nước Pháp đương thời và thông qua việc tiếp thu có chọn lọc tư tưởng của bậc tiền bối đi trước cùng tài năng tư duy thiên bẩm của bản thân. J.J.Rousseau đã xây dựng lên một học thuyết giáo dục của riêng mình mang đậm đặc trưng của tư tưởng duy thiên, chống lại mặt trái của văn minh, chủ nghĩa duy lý. Học thuyết về giáo dục của ông không chỉ là bức tranh phán ánh sự biến động sâu sắc của xã hội châu Âu đương thời, mà còn là kho tàng lý luận về triết học, giáo dục học, v.v…

Thứ hai, Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau xoay quanh những nội dung cơ bản trong triết học giáo dục như: mục tiêu, đối tượng, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục.

Quan điểm của J.J.Rousseau về mục tiêu của giáo dục là làm cho bản tính tự nhiên vốn có trong mỗi con người được phát huy tối đa. Con người được giáo dục đúng sẽ có đủ sức mạnh vượt qua mọi xấu xa của xã hội và hơn thế, con người còn có khả năng cải tạo xã hội. Mục tiêu giáo dục không phải là dạy cho trẻ những kiến thức sẵn có mà tạo môi trường cho trẻ có thể tự tìm kiếm kiến thức. Mục tiêu giáo dục của ông xét đến cùng là vì hạnh phúc của người học. Triết gia coi hạnh phúc là quyền lợi thiêng liêng của con người và phản đối việc coi hạnh phúc là một mục tiêu của tương lai mà muốn tới đó phải trả giá bằng khổ ải. Ông còn chỉ ra cách để có được hạnh phúc là phải thực hiện ngang bằng

giữa khả năng và mong muốn. Để đạt được hạnh phúc như vậy, trước tiên con người phải có một cuộc sống tự do, bình đẳng.

J.J.Rousseau đã luận giải về đối tượng giáo dục là trẻ em. Bởi vì, những đứa trẻ tự nhiên khi vẫn chưa bị ảnh hưởng từ những cám dỗ của xã hội, những cạm bẫy từ sự phát triển khoa học, kỹ thuật sẽ có điều kiện thuận lợi để giáo dục theo chính khuynh hướng tự nhiên của chúng. Trong giáo dục, mọi thứ mà đứa trẻ nhận được cũng phải xuất phát từ tự nhiên, những đứa trẻ phải được tôn trọng về quyền tự nhiên và những giá trị của mình. Cha, mẹ, người thầy sẽ đóng vai trò là chủ thể của giáo dục để hướng dẫn, tạo điều kiện tối đa để trẻ phát huy được năng lực của mình. Chỉ khi được giáo dục trên nền tảng như vậy, đứa trẻ mới có thể trưởng thành và phát triển một cách tốt đẹp nhất.

Trên cơ sở mục tiêu và đối tượng giáo dục như vậy, trẻ em phải được giáo dục toàn diện từ thể chất, trí lực đến đạo đức. J.J.Rousseau cho rằng, nội dung giáo dục đầu tiên là giáo dục thể chất để con người có thể phát triển về thể lực một cách hoàn hảo. Nhưng cuộc sống có nhiều thử thách, khó khăn, nên việc rèn luyện trí năng là cần thiết, trẻ sẽ học được khả năng kiên nhẫn, lòng dũng cảm để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Hơn nữa, trẻ còn phải được rèn luyện về đạo đức để biết nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội, cũng như tránh được những cám dỗ của cuộc sống. Ba khía cạnh của nội dung giáo dục này không tách biệt nhau mà bổ sung, làm tiền cho nhau để hướng tới việc giáo dục trẻ theo một cách hoàn thiện nhất.

Thành công lớn nhất của J.J.Rouseau phải kể đến phương pháp giáo dục. Ông đã đưa ra một hệ thống các phương pháp: giáo dục tự nhiên, đề cao thực hành, trải nghiệm trực tiếp và lấy người học làm trung tâm. Là người phản đối hình thức giáo dục trách phạt, đòn roi, lên án lối giáo dục áp đặt, J.J.Rousseau đề cao sự khoan dung, tôn trọng tâm lý lứa tuổi. Ông phản đối hình thức dạy lý luận suông và đề cao giáo dục trẻ bằng thực tiễn, lợi ích và kinh nghiệm. Song tựu chung lại, phương pháp giáo dục của ông thích nghi với đối tượng từng giai đoạn

lứa tuổi, theo tuần tự của tự nhiên. Tư tưởng triết học giáo dục của J.J.Rousseau luôn bảo vệ quan điểm giáo dục phải lấy học trò làm trung tâm, mỗi đứa trẻ, ở mỗi một lứa tuổi lại có đặc điểm tâm sinh lý khác nhau. Việc giáo dục phải đảm bảo phát huy hết sở trường cá nhân trong mỗi con người. Người thầy giáo phải hướng dẫn làm sao để mỗi đứa trẻ tự bộc lộ hết những tiềm năng của mình và tự chiếm lĩnh tri thức trong phạm vi khả năng cá nhân có thể.

Thứ ba, trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay, tư tưởng của J.J.Rousseau về giáo dục có nhiều điểm đáng để chúng ta tham khảo và học hỏi. Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm đến đổi mới giáo dục đã làm nền giáo dục nước nhà có chuyển biến tích cực. J.J.Rousseau là một nhà tư tưởng lớn về giáo dục, lý luận giáo dục của ông cần được xem xét và vận dụng. Tuy nhiên để vận dụng tư tưởng cũng không phải dễ dàng bởi phải xét đến điều kiện thực tiễn đất nước. Với Việt Nam chúng ta hiện nay, việc cần thiết bây giờ có một cuộc cách mạng về tư tưởng để các tư tưởng giáo dục tiến bộ có thể tác động tới là giáo dục và xã hội tạo điều kiện cho các biến đổi trong các điều kiện xã hội và hệ thống giáo dục. Tác giả hy vọng rằng, luận án này sẽ đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc lý luận đối với sự thay đổi của nền giáo dục Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2019), "Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về phương pháp giáo dục", *Tạp chí Triết học* (3), tr. 40-50.

2. Nguyen Thu Nghia – Vo Ngoc Quan (2019), "A Critical Reflection on Jean Jacques Rousseau's Conception of Education", *Theologos Jounal*, Vol 2, Slovakia: Viydavatelstvo Presovskej Univerzity Publisher, ISSN: 1335-5570, pp. 166-178.

3. Nguyen Thu Nghia – Vo Ngoc Quan (2019), "Jean Jacques Rousseau's conception of the educational aim: some suggestions for Vietnam education", *International Conference: Current perspectives on the interplay between philosophy, ethics and education*, Ha Noi: Institute of Philosophy, pp. 144-154.

4. Vo Ngoc Quan (2020), "Jean Jacques Rousseau's Conception of Education", *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực,* Nxb Đại học Vinh, ISBN: 978-604-923-526-9, tr. 120-124.

5. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2020), "Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về nội dung giáo dục trong Emily hay là về giáo dục", *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* (7), tr. 62-71.

6. Nguyễn Thu Nghĩa – Võ Ngọc Quân (2021), "Quan niệm của Jean Jacques Rousseau về mục tiêu giáo dục", *Tạp chí Giáo dục Lý luận* (1), tr. 82-86.

7. Võ Ngoc Quan (2021), "Jean Jacques Rousseau's viewpoint of education aims", *Proceedings International Conference: Competency-based curriculum development and continuous professional development for teachers and education managers*, Vinh University Publisher, ISBN 978-604-923-622-8, pp. 245-251.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Ánh (2017), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Aristotle, Người dịch: Nông Xuân Trường (2013), *Chính trị luận*, Nxb Thế giới.

3. Bain.K, Người dịch: Nguyễn Văn Nhật (2008), *Phẩm chất của những nhà giáo ưu tú*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

4. Ban Khoa giáo Trung Ương (2002), *Giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới: Chủ trương, thực hiện*, đánh giá, Nxb Chính trị Quốc gia.

5. Phạm Văn Chung (2018), "Tư tưởng của Jean Jacques Rousseau về giáo dục", *Tạp chí Khoa học Xã hội* (1), tr. 84-91.

6. Dewey.J, Người dịch: Phạm Anh Tuấn (2008), *Dân chủ và giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

7. Dewey.J, Người dịch: Phạm Anh Tuấn (2012), *Kinh nghiệm và giáo dục*, Nxb Trẻ Hà Nội.

8. Dương Thị Ngọc Dung (2009), *Triết học chính trị Jean Jacques Rousseau và ý nghĩa lịch sử của nó*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – TPHCM.

9. Hồ Ngọc Đại (2000), *Hồ Ngọc Đại bài báo*, Nxb Lao động, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Kim Định (2017), *Triết lý giáo dục*, Nxb Hội nhà văn-Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam Hà Nội.

14. Einstein.A, Người dịch: Đinh Bá Anh, Nguyễn Vũ Hảo, Trần Tiễn Cao Đăng (2018), *Thế giới như tôi thấy*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

15. Nguyễn Vũ Hảo (2012), *Triết lý giáo dục của John Dewey và những điểm gợi mở cho việc cải cách căn bản nền giáo dục ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 89-101.

16. Phạm Minh Hạc (2011), *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

17. Phạm Minh Hạc (2014), *Luận bàn về giáo dục, quản lý giáo dục, khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

18. Phạm Minh Hạc (2015), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Hoàng Thị Hạnh (2017), "Jean Jacques Rousseau và tác phẩm Bàn về khế ước xã hội", *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, tr. 30-36.

20. Hazan.E, Người dịch: Lê Thanh Hoàng Dân (1972), *Tư tưởng sư phạm*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2013), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

22. Trần Thị Phương Hoa (2010), "Giáo dục châu Âu trong mối quan hệ với triết học", *Tạp chí nghiên cứu châu Âu* (10), tr. 41-53.

23. Trần Bá Hoành (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm.

24. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Đỗ Minh Hợp, (2017), "Đôi nét về triết lý phản khai sáng của Rousseau", *Tạp chí Triết học* (6), tr. 63-69.

26. Lê Tuấn Huy (2015), *Tư tưởng chính trị Montesquier trong tác phẩm tinh thần pháp luật và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã*

hội chủ nghĩa Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - TPHCM.

27. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2014), "Tư tưởng của J.J.Rousseau về quyền con người", *Tạp chí Triết học* (6), tr. 82-89.

28. Jiddu Krishnamurti, Người dịch: Đào Hữu Nghĩa (2010), *Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống*, Nxb Thời đại, Hà Nội.

29. Vũ Thế Khôi (2010), "Triết lý giáo dục của lòng yêu thương", *Tạp chí Khoa học ngoại ngữ* (25), tr. 45 - 59.

30. Vũ Thị Khuyên (2012), *Tư tưởng dân chủ của Rousseau trong tác phẩm Bàn về khế ước xã hội*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Hà Nội.

31. Nguyên Lân (1958), *Lịch sử giáo dục học thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

32. Nguyễn Thị Bích Lệ (2008), "Jacques Rousseau (1712 - 1778) - Nhà triết học khai sáng Pháp mang lập trường chính trị cấp tiến - tả khuynh", *Tạp chí Triết học* (7), tr. 76-82.

33. Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang (2012), *Lịch sử thế giới*, tập 2, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

34. Nguyễn Hiến Lê – Thiên Giang (2012), *Lịch sử thế giới*, tập 3, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Lênin.V.I (2005), "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự Thật.

36. Bùi Thị Loan (2018), "Vận dụng sáng tạo một số tư tưởng giáo dục tích cực của J.A. Comenxki vào thực tế giáo dục phòng chống xâm hại thân thể cho học sinh tiểu học trên địa bàn thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ", *Tạp chí giáo dục* (434), tr. 44-48.

37. Nguyễn Thị Châu Loan (2014), *Triết học chính trị J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Hà Nội.

38. Locke.J, Người dịch: Dương Văn Hoá (2009), *Vài suy nghĩ về giáo dục*, Nxb Học viện Công dân.

39. Mác.C và Ăngghen.Ph (1993), "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Heghen", *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

40. Mác.C và Ăngghen.Ph (1995), "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

41. Mác.C và Ăngghen.Ph (1995), "Luận cương về Phoiơbách", *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

42. Manfrêt. A (1965), *Đại cách mạng Pháp 1789*, Nxb Khoa học, Hà Nội

43. Hồ Chí Minh (2000), "Lời giới thiệu tập 4, Thư gửi học sinh", *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

44. Hồ Chí Minh (2000), "Bài nói tại đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ hai", *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

45. Hồ Chí Minh (2017), "Nửa đêm", trong *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học.

46. Nhiều tác giả (2008), *Những vấn đề giáo dục hiện nay: Quan điểm và giải pháp*, Nxb Tri thức.

47. Nhiều tác giả (2006), *Giáo dục – những lời tâm huyết*, Nxb Thông Tấn.

48. Nhóm tinh thần khai minh (2017), *Các Nhà tư tưởng và các ý tưởng chính trị hiện đại*, Nxb Tri thức.

49. Vũ Dương Ninh (chủ biên), (2013), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

50. Plato (2008), "Cộng hoà" và "Pháp luật" trong *Plato chuyên khảo* của Benjamin Jowett & M.J.Knight, Nxb Văn hóa Thông tin.

51. Roger.C (2001), *Phương pháp dạy và học hiệu quả*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

52. Rousseau.J.J, Người dịch: Hoàng Thanh Đạm (1992), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.

53. Rousseau.J.J, Người dịch: Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương (2008), *Émile hay là về giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

54. Rousseau.J.J, Người dịch: Lê Hồng Sâm (2016), *Những lời bộc bạch*, NXB Tri Thức. Bản PDF: https://vietlib.vn/ebook/nhung-loi-boc-bach-jean-jacques-rousseau. Ngày truy cập: 01/09/2020.

55. Rousseau.J.J, Người dịch: Hướng Minh (2020), *Julie hay nàng Heloise mới*, Nxb Văn học.

56. Bùi Văn Nam Sơn (2008), "Lời giới thiệu" trong *Emily hay là về giáo dục*, Nxb Tri Thức.

57. Bùi Văn Nam Sơn (2013), "Rousseau: đa tài, đa nạn, đa đoan", *Báo người đô thị* (13). Nguồn: http://ired.edu.vn/. Ngày truy cập: 01/02/2021.

58. Bùi Văn Nam Sơn (2014), "Giáo dục tự nhiên: ưu và khuyết", *Báo người đô thị* (11). Nguồn: http://ired.edu.vn/. Ngày truy cập: 01/02/2021.

59. Bùi Văn Nam Sơn (2014), "Rousseau – giáo dục tự nhiên là gì", *Báo Người Đô Thị* (17). Nguồn: http://ired.edu.vn/. Ngày truy cập: 01/02/2021.

60. Lê Công Sự (2011), "Lev Tolstoi và di sản văn hoá của ông", *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội* (344), tr. 38 - 44.

61. Lê Công Sự (2021), *Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật.

62. Taranốp.P.S, Người dịch: Đỗ Minh Hợp (2012), *106 Nhà thông thái*, Nxb Chính trị Quốc gia.

63. Đinh Ngọc Thạch – Doãn Chính (2018), *Lịch sử triết học phương Tây: từ triết học cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

64. Lưu Kiếm Thanh và Phạm Hồng Thái (2001*), Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin.

65. Nguyễn Thị Tuyết Thanh (2010), *Tư tưởng của J.J.Rousseau về giáo dục trong tác phẩm Emily hay là về giáo dục*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

66. Hà Nhật Thăng và Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

67. Vũ Công Thương (2017), "Nội dung cơ bản về triết lý giáo dục của J.J.Rousseau qua tác phẩm Emily hay là về giáo dục và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí giáo dục* (6), tr. 245 -249.

68. Nguyễn Cảnh Toàn (2001), *Tự giáo dục tự học tự nghiên cứu*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông - Tây, Hà Nội.

69. Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Học và dạy cách học*, Nxb Đại học Sư phạm.

70. Phan Châu Trinh (2005), "Hiện trạng vấn đề, Chi bằng học", *Toàn tập*, tập 2, Nxb Đà Nẵng.

71. Nguyễn Khánh Trung (2014), "Từ tư tưởng giáo dục của Rousseau, nghĩ về giáo dục Việt Nam", *Tạp chí Tia Sáng* (2). Nguồn: https://tiasang.com.vn/. Ngày truy cập: 01/10/2020.

72. Nguyễn Anh Tú (2009), *Dạy học cá thể- xu hướng sư phạm mới*, Nxb Giáo dục và Thời đại.

73. Hoàng Tụy (2004), *Bàn về chất lượng giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

74. Thái Duy Tuyên (2007), *Triết học giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

75. Nguyễn Mạnh Tường (1994), *Lý luận giáo dục Châu Âu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

76. Nguyễn Đình Tường – Lê Văn Tùng (2016), "Vấn đề giáo dục đạo đức qua một số lý thuyết giáo dục phương Tây", *Tạp chí triết học* (5), tr. 69-76.

77. Phùng Văn Tửu (1978), *Jean Jacques Rousseau*, Nxb Văn học, Hà Nội

78. Tolstoi.L (2010), *Đường sống*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

79. Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (1962), *Lịch sử triết học, triết học thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

80. Nguyễn Hữu Vui (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

81. Aytemir.N (2018), *Freedom in the social context: the positions of Aristotle and Jean Jacques Rousseau*, Approval of the graduate school of social sciences, Middle East Technical University.

82. Barnes.J, (1982), *Aristotle*, Oxford University Press.

83. Blanning.T (2000), *The eighteenth century Europe: 1688-1815*, Oxford University Press.

84. Boyd.W (1911), *The educational theory of Jean Jacques Rousseau*, Green and Co Publisher.

85. Collins.P (1976), "Rousseau's philosophy of education", V.2, *The Irish Journal of Education*, pp. 51-80.

86. Davidson.T (1898), *Rousseau and education according to nature*, Charles Scribner's Sons Publisher.

87. Ellenburg.S (1976), *Rousseau's Political Philosophy*, Cornell University Press.

88. Fenell.J, (1979), *Dewey on Rousseau: natural development as the Aim of Education*, The University of Calgary press.

89. Frankena.W.K, (1965), *Three historical philosophies of education*, Scott Foreman Publisher.

90. Gill.N, (2013), *Educational philosophy in the French Enlightenment*, London: Ashgate Publisher.

91. Godeleck.K (2012), "Rousseau as A philosopher of enlightenment and the equality of Sophie and Emile regarding education", V.3 , *Journal of Social and Behavioural Sciences*, pp.417-428.

92. Hai-Anh H. Dang và Glewwe.P (2017), "Well Begun, But Aiming Higher: A Review of Vietnam's Education Trends in the Past 20 Years and Emerging Challenges", V.12, *Rise Journal*.

93. Jamwal.B (2017), "Rousseau and his educational philosophy", *Scholarly Research Journal for Humanity Science & English Language*, V-4/24, pp. 6530-6537.

94. John.E.O (2014), "A philosophical Appraisal of Rousseau's child – centred education", *Journal of education and practice*, V.5, pp. 119-123.

95. Knippenberg Joseph.M, (1989), *Moving Beyond Fear: Rousseau and Kant on cosmopolitan education*, The University of Chicago press.

96. Kropotkin.P.A, (1893), *The Great French Revolution*, translated by N.P.Dryhurst, LonDon: William Heinemann Publisher, (1909).

97. Kibor.E, (2004), "The impact of Friedrick Froebel on education thought the 19th and 20th centuries", *Africa Journal of Evangelical Theology*, V.2, pp.187-197.

98. Loucky.J (2008), "Reassessing the educational works and contributions of Comenius the development of modern education", *Southwest China Women's Academy Yearbook*, V.12, pp. 149-163.

99. Lincoln.C (2022), *Rousseau and the French Revolution*, JSTOR Publisher.

100. Male.G (1963), *Education of France*, U.S. Department of Health, Education and Welfare.

101. Monroe.P (1908), *A Brief Course in the History of Education*, New York: The Macmillan Company

102. Onder.M (2018), "J. J. Rousseau, Emile and Religious Education", *Universal Journal of Educational Research*, V.6(7), pp.1539-1545.

103. Pannabecker.J (1995), "Rousseau in the Heritage of Technology Education", *Journal of Technology Education*, V. 6, pp.46-58.

104. Padagokik.U (1900), *Kant on education*, Translated by Churton.A, D.C.Heath & C.O Publisher.

105. Peckover.C (2012), "Realizing the natural self: Rousseau and the current system of education", *Journal of Philosophy studies in education*, V.43, pp.84-94.

106. Qvortrup.M (2003), *The political philosophy of Jean Jacques Rousseau. Imposibility of reason*, Manchester University Press.

107. Reisert Joseph.R, (2003), *Jean Jacques Rousseau: A friend of virtue*, Cornell University press.

108. See.H (2004), *Rouseau and the French Revolution*, Lincoln.C, JSTOR Publisher.

109. Stengel.B – English.A (2010), "Exploring fear: Rousseau, Dewey and Freire on fear and learning", *Educational Theory*, V.60, N.5, Chicago: University of Illinois.

110. Shahsavari.M (2012), "Evaluation of Jean-Jacques Rousseau View About the Foundations of Education", *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, V.6 (7), pp.321-324.

111. Stromberg.R (2019), *The philosophies and the French Revolution: reflections on some recent research*, JSTOR Publisher.

112. Sweeman.J, (1998), *The Enlightenment and the age of revolution*, London: University of Center England Press.

113. Taylor.B (2005), *Encyclopedia of Religion and nature*, London & Newyork: Continuum.

114. Vyverberg.H. (1989), *Human Nature, cultural diversity and the French Enlightenment*, Oxford: Oxford University Press.

115. Yawei.L (2019), "Exploring Jean-Jacques Rousseau's Nature Education Thought from Emile", International Conference: *on Management, Education Technology and Economics* (ICMETE), pp. 419-422.

Nguồn Internet

116. https://ispschools.edu.vn/2021/08/19/giao-duc-steam-la-gi-isp-ap-dung-giao-duc-steam-the-nao/

117. https://www.aicenter-itp.edu.vn/tin-tuc/viet-nam-trong-buoc-tien-giao-duc-stem-steam-cung-the-gioi-87.html

118. https://tiasang.com.vn/giao-duc/bon-tru-cot-la-triet-ly-giao-duc-cua-unesco-7701/

119. https://zingnews.vn/giam-doc-oecd-giao-duc-viet-nam-dat-thanh-tuu-dang-ne-post550667.html

120. https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2018/03/15/seven-out-of-10-top-school-systems-are-in-east-asia-pacific-but-more-needs-to-be-done-world-bank-says

121. https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/dau-tu-cua-nha-nuoc-cho-giao-duc-dao-tao-thuc-trang-va-mot-so-de-xuat-130918.html

122.https://nhandan.vn/luc-day-tu-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-post672693.html